DOCUMENT RESUME

ED 482 795 FL 801 614

TITLE	Growth and Development [with Translations in Hmong, Laotian, Vietnamese, Nuer, Arabic, Somali, Bosnian, Russian, and Spanish].
INSTITUTION	Anoka County Community Health and Environmental Services, Coon Rapids, MN.; Multi-Cultural Educational Services, Coon Rapids, MN.
SPONS AGENCY	Minnesota State Dept. of Children, Families, and Learning, St. Paul.
PUB DATE	1998-00-00
NOTE	125p.; Translated by: Rhea Vang, Hi Dang, Matt Kueth, Afaf Kouatli, Mohamed Diriye Abdullahi, Tanya Benic, Shifra Kilov, and Lina Mraz. Also prepared by Allina Health System.
AVAILABLE FROM	Multi-Cultural Educational Services, 832 104th Lane, N.W., Coon Rapids, MN 55433. Tel: 763-767-7786; Web site: http://www.mcedservices.com.
PUB TYPE	Guides - Non-Classroom (055) -- Multilingual/Bilingual Materials (171)
LANGUAGE	English, Hmong, Lao, Vietnamese, Nuer
EDRS PRICE	EDRS Price MF01/PC06 Plus Postage.
DESCRIPTORS	Arabic; *Child Development; *Child Rearing; Culturally Relevant Education; *Discipline; English (Second Language); Hmong; Immigrants; Lao; *Parent Child Relationship; Parent Education; Russian; Somali; Spanish; Uncommonly Taught Languages; Vietnamese
IDENTIFIERS	Bosnians; Nuer

ABSTRACT

This culturally appropriate booklet, written in English and Hmong, Laotian, Vietnamese, Nuer, Arabic, Somali, Bosnian, Russian, and Spanish, describes what to expect from birth to 5 years of age. The booklet explains that different cultures have different child rearing practices that influence the course of the child's development, and there are strengths in every culture. It focuses on the following: communicating with the baby (e.g., holding, talking, reading, listening, pointing out new things, and offering positive feedback); the need to learn English as a second language as well as to maintain the primary language; discipline; and what to expect developmentally from age infant to 18 months. Developmentally appropriate suggestions for playtime activities are provided to increase learning. (Adjunct ERIC Clearinghouse for ESL Literacy Education.) (SM)

Reproductions supplied by EDRS are the best that can be made
from the original document.

ED 482 795

Growth and Development

[with Translations in Hmong, Laotian, Vietnamese, Nuer, Arabic, Somali, Bosnian, Russian, and Spanish]

U.S. DEPARTMENT OF EDUCATION
Office of Educational Research and Improvement
EDUCATIONAL RESOURCES INFORMATION CENTER (ERIC)

[] This document has been reproduced as received from the person or organization originating it.

[] Minor changes have been made to improve reproduction quality

[] Points of view or opinions stated in this document do not necessarily represent official OERI position or policy.

PERMISSION TO REPRODUCE AND DISSEMINATE THIS MATERIAL HAS BEEN GRANTED BY

C. La Rue

TO THE EDUCATIONAL RESOURCES INFORMATION CENTER (ERIC)

FL 801 614

BEST COPY AVAILABLE

GROWTH AND DEVELOPMENT

KEV LOJ HLOB

Hmong

ການເຕີບໂຕ ແລະການພັດທະນາ

Laotian

TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN

Vietnamese

By Anoka County Community
Health and Environmental Services

2A

BEST COPY AVAILABLE

GROWTH AND DEVELOPMENT

was funded by a
Building Culturally Competent Programs Grant
from the Minnesota Department of Children, Families, and Learning

written by
Anoka County Community Health and Environmental Services

and
developed in partnership with
Allina Health System
and
Multi-Cultural Educational Services

1998

We wish to acknowledge the following for their contributions to this effort

Translated by
Rhea Vang
Asian Translation Services
Hi Dang

Photography by Claire Mckinley

Babies go through various stages of development. Not all children do the same things at the same ages. Learning takes place during all daily activities such as playtime, mealtime, bathing, dressing, and quiet time. Children need a variety of experiences. Children need adults that will listen and answer questions.

Menyuam mos nkag rau ntau theem kev loj hlob. Tsis yog txhua tus menyuam yuav ua zoo tib yam raws li lawv lub hnub yug. Kev kawm yog muaj los ntawm txhua yam kev uasi xwsli, thaum noj mov, da dej, hnav khaub ncaws thiab caij pw ntsiag to. Menyuam yuav paub txhua yam los ntawm kev kawm. Menyuam yuav tsum muaj cov laus uas mloog thiab teb lawv tej lus nug.

ເດັກນ້ອຍຈະຕ່ານຂັ້ນຕອນຫຼາຍຂັ້ນໃນການພັດທະນາ ເດັກທຸກຄົນໃຫຍ່ບໍ່ຄືກັນ ເດັກໆ ຈະຮຽນຮູ້ຕະລອດເວລາ ເຊັ່ນເວລາຫລິ້ນ ກິນເຂົ້າ ອ່ານນ້ຳ ນຸ່ງເຄື່ອງ ແລະຍາມນິດໆ ເດັກໆ ຕ້ອງໄດ້ຮັບປະສົບການຫຼາຍແບບ ເດັກໆ ຕ້ອງການ ຜູ້ໃຫຍ່ທີ່ຈະຟັງຂະເຈົ້າ ແລະຕອບຄຳຖາມ

Trẻ nhỏ trải qua nhiều giai đoạn phát triển. Không phải là tất cả trẻ em ở cùng tuổi làm những điều giống nhau. Sự học tập xảy ra trong những sinh hoạt hàng ngày như là lúc giờ chơi, trong bữa ăn, tắm rửa, ăn mặc và thời gian yên tĩnh. Trẻ em cần nhiều thứ kinh nghiệm. Trẻ em cần người lớn sẽ nghe và trả lời các câu hỏi cho các em.

"Different cultures have different child rearing practices which influence the course of their children's development". There are strengths in every culture. Children learn to adapt to the demands of their culture.

Ib haiv neeg twg muaj lawm ib txoj kev cobqhia uas pab tau rau lawv tej menyuam txoj kev loj hlob. Puavleej muaj lub zog ntawm txhua hais neeg. Menyuam kawm los coj thiab ua raws li lawv txoj kevcai.

ວັດທະນະທຳຕ່າງໆ ລ້ຽງລູກບໍ່ຄືກັນ ຊຶ່ງມີຕົນກະທົບຕໍ່ການພັດທະນາຂອງລູກຂະເຈົ້າ ແຕ່ກໍມີຜົນວິດີໃນທຸກວັດທະນະທຳ ເດັກທຸກຄົນຮຽນປັບໂຕຕາມວັດທະນະທຳຂອງຕົນ

Văn hóa khác nhau có sự nuôi dưỡng khác biệt ảnh hưởng đến tiến trình phát triển của các trẻ em. Mỗi nền văn hóa có những ưu điểm của nó. Trẻ em học hỏi thích nghi với văn hóa của chúng.

This book will describe what to expect from ages birth to five years. Suggestions for discipline and play time activities will be given that will increase learning.

Phau ntawv no yuav qhia kom totaub txog tus menyuam uas nyuam qhuav yug mus txog rau tus uas muaj tsib xyoos. Yuav muaj tawm tswvyim txog kev cob qhia thiab kev uasi uas yuav pab tau txoj kev kawm.

ປຶ້ມຫລ້ມນີ້ຈະອະທິບາຍກ່ຽວກັບການໃຫຍ່ໂຕຂອງເດັກແຕ່ເກີດຫາອາຍຸ 5 ປີ ແລ້ວມີຄຳແນະນຳສຳຫລັບການໃຊ້ວິໄນ ແລະກິດຈະກຳທີ່ຈະ
ຊ່ອຍເດັກໃນການຮຽນຮູ້ເພີ່ມຂຶ້ນ

Quyển sách này sẽ mô tả những gì cho các em từ lúc mới sinh ra cho đến 5 tuổi. Những sự đề xuất rèn luyện và sinh hoạt chơi đùa của các em sẽ có ảnh hưởng gia tăng sự học tập.

TALKING AND LISTENING
THAM THIAB MLOOG
ການເວົ້າແລະການຟັງ
NÓI CHUYỆN VÀ LẮNG NGHE

How and how often parents and caregivers communicate with a baby, especially during the first year, can have a very strong impact on his/her brain development for the rest of his/her life.

Niamtxiv los yog tus zov menyuam nrog menyuam tham ntau npaum licas, qhov tshwjxeeb yog thaum thawj xyoo, qhov no muaj peevxwm pab tau rau menyuam loj hlob thiab nco mus tag ib txhis.

ວິທີແລະເວລາທີ່ພໍ່ແມ່ແລະຜູ້ເບິ່ງແຍງເວົ້າກັບເດັກໂດຍສະເພາະໃນລະຫວ່າງປີທຳອິດ
ສາມາດມີອິທິພົນທີ່ສຳຄັນຫຼາຍຕໍ່ການພັດທະນາຂອງສະໝອງຕະຫລອດຊີວິດຂອງເດັກ

Đặc biệt trong năm đầu tiên làm cách nào và cha mẹ thường xuyên liên lạc như thế nào với trẻ em, điều đó có thể sẽ có ảnh hưởng rất mạnh trong sự phát triển của bé trai/hay bé gái trong suốt cuộc đời của chúng.

Suggestions

Tawm tswvyim

ຄໍາແນະນໍາ

Những sự gợi ý

* Talk to your baby
  Hais lus rau koj tus menyuam mos
  ເວົ້າກັບລູກຂອງເຈົ້າ
  Nói chuyện với con của bạn

* Read to your baby
  Nyeem ntawv rau koj tus menyuam mos
  ອ່ານປຶ້ມໃຫ້ລູກຂອງເຈົ້າຟັງ
  Đọc sách cho con của bạn

* Hold your baby
  Puag koj tus menyuam mos
  ອຸ້ມລູກຂອງເຈົ້າ
  Ẩm con của bạn

* Use an encouraging tone, be responsive, show interest, smile
  Siv lub suab txhawb, muaj kev povplob, qhia kev txaus siab, luag
  ໃຊ້ນ້ຳສຽງທີ່ໃຫ້ກຳລັງໃຈ ເອົາໃຈໃສ່ ແລະສະແດງຄວາມສົນໃຈ ຍິ້ມ
  Dùng giọng nói khuyến khích, đáp ứng nhiệt tình, bày tỏ sự thích thú, tươi cười

* Point to and name objects, body parts, sizes, colors, numbers, times
  Taw tes thiab qhia npe khoom, qhia txog lub cev, loj thiab me, zas (xim), lej, sijhawm
  ຊີ້ ແລະເອີ້ນຊື່ຂອງ ອະໄວຍະວະ ຂະໜາດ ສີ ເລກ ແລະເວລາ ຕ່າງໆ
  Chỉ trỏ và nói tên đồ vật, những phần trên cơ thể, khuôn khổ, mầu sắc, con số, thời gian

* Demonstrate action words, feelings
  Qhia txog tej lus siv ua haujlwm, zoo siab
  ສາທິດຄວາມໝາຍຂອງກິລິຍາ ແລະຄວາມຮູ້ສຶກ ຕ່າງໆ
  Giải thích hành động bằng lời, bằng cảm giác

* Listen to your child, try to understand his/her words
  Mloog koj tus menyuam, xyaum totaub nws cov lus
  ຟັງລູກຂອງເຈົ້າ ພະຍາຍາມເຂົ້າໃຈຄຳເວົ້າຂອງລາວ
  Lắng nghe con của bạn, hãy cố gắng hiểu những lời của chúng

* Point out new things
  Taw tej yam tshiab rau nws
  ຊີ້ໃຫ້ເບິ່ງສິ່ງໃໝ່
  Chỉ ra những đồ vật mới

* Ask your child to look for things
  Qhia koj tus menyuam nrhiav tej yam khoom
  ຂໍໃຫ້ລູກເຈົ້າຊອກຫາຂອງ
  Hãy hỏi con của bạn đi tìm đồ vật

* Offer positive feedback, praise your baby
  Qhia tej yam zoo rau nws, qhuas koj tus menyuam
  ໃຫ້ກຳລັງໃຈ ແລະຊົມເຊີຍລູກເຈົ້າ
  Đề nghị sự phản hồi xác thực, ca ngợi con của bạn

For many immigrant and refugee families, English is not their primary language. Parents may be learning a new language at the same time as their children. It is harder for adults to acquire a new language so be patient!

Muaj ntau haiv neeg tsivteb raws chaw thiab cov neeg tawg rog, Askiv tsis yog lawv yam lus. Niamtxiv yuav kawm tau tej lolus tshiab li lawv cov menyuam. Paub hais tias yuav nyuaj mentsis rau cov laus kom nco tau cov lus tshiab tabsis yuav tau ua siab ntev.

ສຳຫລັບຄອບຄົວທີ່ອົບພະຍົບ ຫລືຜູ້ໜີພາ ພາສາອັງກິດບໍ່ແມ່ນພາສາຫລັກຂອງຂະເຈົ້າ ພໍ່ແມ່ອາດຈະຕ້ອງຮຽນພາສາໃໝ່ພ້ອມໆ ກັບລູກຂອງຂະເຈົ້າ ການຮຽນພາສາຍາກສຳຫລັບຜູ້ໃຫຍ່ ເຈົ້າຕ້ອງມີຄວາມອົດທົນ

Anh ngữ không phải là ngôn ngữ nguyên thủy, cho những gia đình di dân và tỵ nạn. Những phụ huynh có thể học ngôn ngữ mới cùng thời gian với con của họ. Thật là khó khăn với những người lớn để đạt được một ngôn ngữ mới, bạn hãy kiên nhẫn!

Although it is important to learn English as a second language, primary languages are an important part of all cultures. Immigrant and refugee communities should continue speaking their primary language and encourage and teach the importance of this to their children. Some communities are offering summer camps or community classes that teach native language and cultural practices. Primary language can help children to feel connected to their culture, traditions and heritage, and build pride and confidence.

Txawm li ntawd los kawm lus Askiv uas yog yam lus thib ob yeej yog ib qhov tseemceeb. Yam lus thib ib yeej tseemceeb rau txhua haiv neeg. Cov neeg tsivteb raws chaw thiab neeg tawg rog yuav tau rau siab hais lawv yam lus thiab qhia lawv tej lus rau lawv cov menyuam. Muaj tej lub khoomhaum kuj muaj kev mus kawm uasi rau lub caij ntuj so los yog kev kawm ntawv uas qhia lawv cov lus thiab txujci. Lawv thawj yam lus yuav pab cov menyuam kom lawv paub txog tias lawv tseem txuas rau lawv tej kev lig kevcai, txujci, kev loj hlob thiab ruaj khov.

ເຖິງແມ່ນວ່າການຮຽນພາສາອັງກິດເປັນພາສາທີ່ສອງມີຄວາມສຳຄັນ ພາສາຫລັກເປັນສ່ວນສຳຄັນຂອງທຸກວັດທະນະທຳ ສັງຄົມຄົນອົບພະຍົບ ຫລືຄົນລີ້ໄພຄວນເວົ້າພາສາຫລັກຂອງຂະເຈົ້າ ແລະຄວນສະໜັບສະໜູນ ແລະສອນຄວາມສຳຄັນຂອງພາສານີ້ໃຫ້ລູກໆ ສັງຄົມບາງສັງຄົມຈະເປີດໂຮງຮຽນຍາມຮ້ອນ ຫລືຊັ້ນຮຽນສອນພາສາດັ້ງເດີມ ແລະປະເພນີ ພາສາຫລັກສາມາດຊ່ອຍເດັກໆ ໃຫ້ຮູ້ສຶກເຖົ້າ ຊິດວັດທະນະທຳ ປະເພນີ ແລະຄວາມເປັນມາຂອງຂະເຈົ້າ ແລະສ້າງຄວາມໝັ້ນໃຈ ແລະຄວາມໝັ້ນໃຈ

Mặc dù điều quan trọng học Anh Ngữ là ngôn ngữ thứ hai, những ngôn ngữ nguyên thủy là một phần quan trọng của tất cả các văn hóa. Những cộng đồng tỵ nạn và di dân phải tiếp tục nói tiếng nói nguyên thủy của họ, khuyến khích và dạy dỗ sự quan trọng của tiếng nói này với con cái của họ. Một vài cộng đồng cống hiến những buổi cắm trại mùa hè hay những lớp ở trong cộng đồng dạy tiếng mẹ đẻ và những sự rèn luyện văn hóa. Ngôn ngữ nguyên thủy có thể giúp cho các trẻ em cảm thấy liên hệ với văn hóa của chúng, truyền thống, di sản, và xây dựng sự tự tin và sự hãnh diện.

DISCIPLINE
KEV COBQHIA
ວິໄນ
RÈN LUYỆN

The purpose of disciplining young children is to help them learn how to behave. Discipline is setting limits and teaching respect for people, animals and property. Discipline is a gradual process. Children learn a great deal by watching how you behave.

Qhov tseem ceeb ntawm kev cobqhia cov menyuam yaus yog pab lawv kawm txog kev mloog lus. Kev cobqhia yog qhia kom muaj ciam thiab qhia txog kev hwm lwm leej lwm tus, tsiaj txhu thiab khoom. Kev cobqhia yog ib qho uas muaj zuj zus mus. Menyuam kawm los ntawm kev saib koj coj licas.

ຈຸດປະສົງຂອງການໃຊ້ວິໄນກັບເດັກນ້ອຍແມ່ນເພື່ອຊ່ວຍໃຫ້ຂະເຈົ້າຮຽນຮູ້ວ່າຕ້ອງປະພຶດໂຕຈັ່ງໃດ ວິໄນແມ່ນການຕັ້ງຂີດຈຳກັດ ແລະການສອນຄວາມເຄົາລົບຕໍ່ຄົນ ສັດ ແລະສິ່ງຂອງ ວິໄນແມ່ນການປະຕິບັດທີ່ຕ້ອງໃຊ້ເວລາ ເດັກໆ ຮຽນຫຼາຍສິ່ງຫຼາຍຢ່າງຈາກ ການເບິ່ງຄວາມປະພຶດຂອງເຈົ້າ

Mục dích rèn luyện các con nhỏ để giúp chúng học biết cư xử cách nào. Rèn luyện là đặt ra giới hạn và dạy dỗ sự kính trọng mọi người, thú vật và tài sản. Rèn luyện là một tiến trình từ từ. Các trẻ em học được nhiều bằng cách theo dõi bạn cư xử cách nào.

Discipline should be fair, firm, patient, consistent, and age appropriate. It is good to set positive limits (tell what to do rather than what not to do). Use honest praise. Avoid shaming and sarcasm. Spanking is not recommended as a way to discipline. It can be dangerous when an angry parent hits a child. There is evidence that spanking teaches a child that hitting or violence is the way to deal with frustrating experiences.

Kev cobqhia yuav tsum muaj kev ncajncees, mosmuag, siab ntev, sib nrawg nroos, thiab raug hnoob nyoog. Qhia tej yam (xwsli tej yam uas nws ua, tsis yog tej yam uas nws tsis ua). Qhuas tej yam zoo. Txhob hais tej yam lus rau nws txajmuag. Kev ntau menyuam tsis yog kev cobqhia. Niamtxiv ntaus menyuam los ntawm kev npau taws, qee zaus yuav muaj teebmeem. Kev ntaus menyuam qhia hais tias thaum twg koj nyuaj siab, txhawj xeeb ces yog yuav tsum ntaus xwb.

ການໃຊ້ວິໄນຄວນຈະໃຊ້ຄວາມຍຸດຕິທຳ ຄວາມອົດທົນ ແລະຄວາມເໝາະສົມຕາມອາຍຸຂອງເດັກ
ການຕັ້ງຂີດຈຳກັດທີ່ເປັນທາງບວກເປັນສິ່ງທີ່ດີ (ບອກສິ່ງທີ່ໃຫ້ເຮັດ ແທນທີ່ຈະບອກສິ່ງທີ່ຈະບໍ່ໃຫ້ເຮັດ) ໃຊ້ຄຳຊົມເຊີຍທີ່ຈິງໃຈ
ຫລີກເວັ້ນຈາກການເຮັດໃຫ້ລາວອັບອາຍ ແລະການໃຊ້ຄວາມສຽດສີ ຂໍ້ແນະນຳວ່າບໍ່ຄວນໃຊ້ການຕີເປັນວິທີການໃຊ້ວິໄນ
ເວລາພໍ່ແມ່ໃຈຮ້າຍຕີລູກອາດຈະເກີດອັນຕະລາຍໄດ້ ມີຫລັກຖານສະແດງວ່າການຕີລູກສອນເດັກວ່າການຕີ ຫລືຄວາມຮຸນແຮງເປັນວິທີທີ່ຈະ
ຈັດການກັບປະລິບການທີ່ຫຍຸ້ງຍາກ

Rèn luyện phải công bằng, cứng rắn, nhẫn nại, nhất quán, và phải thích hợp với tuổi tác. Đặt ra những giới hạn xác thực là tốt (nói cái gì làm hơn là cái gì không làm). Dùng sự ca ngợi thành thực. Tránh làm xấu hổ và sự mỉa mai. Phát vào đít không được đề nghị là một lối rèn luyện. Rất là nguy hiểm khi phụ huynh đánh trẻ trong lúc nóng giận. Có chứng cớ rằng sự phát vào đít dạy cho đứa trẻ rằng đánh hay bạo động là lối cư xử với những kinh nghiệm nản lòng.

BABIES (INFANT 18 MONTHS)
MENYUAM MOS (MENYUAM MOS 18 LUB HLIS)
ເດັກຫລິ້ນ (ເດັກນ້ອຍ - ເດັກອາຍຸ 18 ເດືອນ)
TRẺ SƠ SINH (TRẺ CON 18 THÁNG)

Your child should be able to do most things other children of the same age are doing. This may not be true if your child was born early, with a low birth weight, or has special needs. If you have questions or concerns regarding your baby's development, consult your health care provider.

Koj tus menyuam yuav tsum muaj peevxwm ua tau yuav laug txhua yam ib yam li cov menyuam uas hnoob nyoob tib yam li nws. Qhov no tej zaum tsis tseeb vim koj tus menyuam ho yug tau ntxov mentsis, sib mentsis, los yog tau kev pab tshwjxeeb. Yog koj muaj lus nug los yog kev txhawjxeeb txog koj tus menyuam kev loj hlob, nrog koj tus kws tshuaj tham tau.

ລູກຂອງເຈົ້າຄວນຈະສາມາດເຮັດຄືກັນກັບເດັກຄົນອື່ນທີ່ມີອາຍຸເທົ່າກັບລາວ ນອກຈາກວ່າລູກຂອງເຈົ້າເກີດກ່ອນກຳນົດ
ເກີດມາເບົາກວ່າທຳມະດາ ຫລືມີຄວາມຕ້ອງການພິເສດ ຄັນເຈົ້າມີຄຳຖາມ ຫລືຂໍ້ກັງວົນເຮື່ອງການພັດທະນາຂອງລູກເຈົ້າ ຂໍ້ໃຫ້
ປຶກສາໝໍປະຈຳຂອງເຈົ້າ

Con của bạn phải làm được mọi thứ như những đứa trẻ khác ở cùng tuổi. Điều này có thể không đúng nếu con của bạn sanh sớm, khi sanh ra nhẹ ký, hay có những nhu cầu đặc biệt. Nếu bạn có những câu hỏi hay những sự quan tâm đến sự phát triển của con bạn, bạn hãy hỏi ý kiến nơi cung cấp việc săn sóc sức khoẻ.

The following is a list of what to expect children to do between birth and 18 months.

Hauv qab no yog qhia txog tej yam tshwm los ntawm tus menyuam txij thaum yug txog rau 18 lub hlis

ຄວາມປະພຶດຕໍ່ໄປນີ້ແມ່ນສິ່ງທີ່ຄາດຫມາຍໄດ້ຈາກເດັກແຕ່ເກີດຫາ ອາຍຸ 18 ເດືອນ

Tiếp theo đây là liệt kê những gì bạn mong ước cho các trẻ em trong khoảng từ lúc sơ sinh đến 18 tháng.

Newborn
Menyuam yug tshiab
ເດັກເກີດໃຫມ
Trẻ sơ sinh

____ Keeps arms and legs curled close to the body with hands clenched most of the time
Tej tes taw caws ti rau nws lub cev nrog rau txhais tes caws txhua sijhawm
ສ່ວນຫຼາຍເກັບແຂນຂາໄກ້ໂຕ ແລະກຳມືເປັນໝັດ
Giữ tay chân cuốn quanh người và tay xiết chặt luôn luôn

____ Grasps a finger or object for a short time
Nyem tau ntivtes los yog khoom ib pliag
ຈັບນິ້ວ ຫລືຂອງອື່ນ ແຕ່ບໍ່ດົນ
Túm chặt ngón tay hay đồ vật trong một thời gian ngắn

____ Crying is the way a newborn talks to you
Quaj yog ib txoj kev uas menyuam mos hais lus rau koj
ການໄຫ້ເປັນວິທີທີ່ເດັກເກີດໃຫ່ເວົ້ານຳເຈົ້າ
Khóc là một lối nói chuyện với bạn của trẻ sơ sinh

3 Months
3 lub hlis
ເດັກອາຍຸ3 ເດືອນ
3 tháng

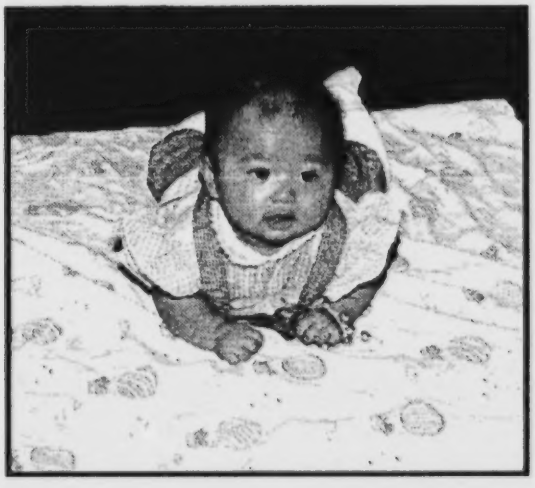

____ Responds to loud sounds
Hnov suab nrov
ຫັນຕາມສຽງດັງ
Đáp lại với những tiếng động lớn

____ Smiles
Luag
ຍິ້ມໄດ້
Cười

____ Wiggles and kicks with legs and arms
Ua zog thiab testaw ncaws thiab ntau
ເຄື່ອນໄຫວແຂນຂາ
Ngọ nguậy và đá với chân và tay

____ Lifts head and chest while lying on stomach
Thaum pw khwbrwg, nws tsa taubhau thiab hauvsiab
ຍົກຫົວ ແລະໜ້າອົກຂຶ້ນເວລານອນຄ່ຳ
Nâng đầu và ngực trong khi nằm sấp

____ Moves eyes in the same direction together
Qhov muag thooj txhij saib mus saib los
ຂະຍັບສາຍຕາໄປທາງທິດດຽວກັນ
Di động mắt về cùng một hướng với nhau

____ Makes cooing sounds
Qw ua tej suab mosliab
ທຳສຽງອ້ໍ ແອ້
Làm tiếng động ồ ề

6 Months
6 lub hlis
ເດັກອາຍຸ 6 ເດືອນ
6 tháng

____ Responds to familiar faces
Nco tej ntsej muag nws pom
ສະແດງອອກເວລາເຫັນໜ້າທີ່ລົ້ງເຄີຍ
Đáp ứng những bộ mặt quen thuộc

____ Vocalizes a variety of sounds
Ua lub suab hais lus los yog lwm yam suab
ທຳສຽງຫຼາຍແນວ
Phát âm những tiếng động khác nhau

____ Turns towards source of sound
Tig rau tej qhov uas nws hnov suab
ຫັນຫາສຽງເວົ້າ
Quay về hướng có tiếng động

____ Rolls from stomach to back
Ntxeev ntawm plab rau nruab qaum
ພົກໂດໄດ້
Lật sấp qua ngửa

____ Follows moving objects with eyes
Qhov muag txawj raws saib tej khoom
ຕາມສິ່ງທີ່ເຄື່ອນໄຫວດ້ວຍສາຍຕາ
Theo dõi những vật di động bằng mắt

____ Reaches for dangling objects
Ncav rau tej khoom uas ua zog
ຄວ້າຂອງທີ່ຫ້ອຍຢູ່ຕໍ່ໜ້າ
Vói lấy những vật lúc lắc

____ Bangs or shakes rattle
Txawj co lub tswb
ທຸບ ຫລືຍອກຂອງຫລົ້ນທີ່ເຮັດສຽງໄດ້
Đập hay lúc lắc lách cách

9 Months
9 lub hlis
ເດັກອາຍຸ9 ເດືອນ
9 tháng

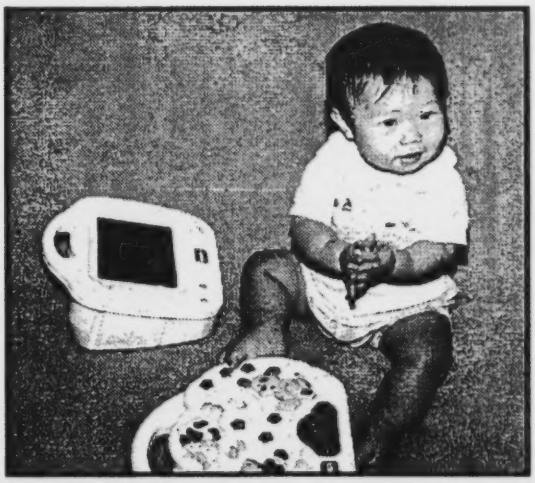

____ Babbles
Pib xyaum hais lus
ລົມສຽງຕ່າງໆ
Bập bẹ

____ Reaches for objects and picks them up
Ncav tes rau tej khoom thiab khaws tej khoom
ຄ້ວາຂອງ ແລະຍຶບຂອງ
Với và nhặt những đồ vật

____ Transfers objects from one hand to other
Muab khoom hloov ib sab tes rau ib sab tes
ປ່ຽນສະຫລັບມືຖືຂອງໄດ້
Di chuyển đồ vật từ tay này qua tay kia

____ Plays peek-a-boo and pat-a-cake
Uasi pos muag thiab npuaj tes
ຫລິ້ນຈ໊ະເອ ແລະຕົບມືໄດ້
Chơi ú òa và tập vỗ tay

____ Plays with toes
Uasi nrog rau nws taubtaws
ຫລິ້ນກັບຕີນ
Chơi với những ngón chân

____ Crawls on tummy
Siv lub plab nkag
ຄືບໄດ້
Bò bằng bụng

____ Sits without help
Nws zaum tsis yuav pab
ນັ່ງໄດ້ບໍ່ຕ້ອງຊ່ວຍ
Ngồi không cần sự giúp đỡ

____ Takes pureed food without difficulty
Noj tau mov tsis nyuaj dabtsi
ກິນອາຫານທີ່ບົດແລ້ວໄດ້ງ່າຍ
Ăn thức ăn nghiền nhừ không khó khăn

12 Months
12 lub hlis
ເດັກອາຍຸ 12 ເດືອນ
12 tháng

____ Crawls on hands and knees
Siv tes taw nkag
ຄານໄດ
Bò bằng tay và đầu gối

____ Pulls to a standing position
Rub npaj sawv
ຈັບຂອງດຶງໂດໃຫ້ຢືນຂຶ້ນ
Kéo vào vị thế đứng

____ Drinks from a covered cup
Haus dej ntawm lub khob muaj hau kaw
ກິນນ້ຳຈາກຈອກທີ່ມີຝາ
Uống bằng ly có nắp đựng

____ Puts objects into containers
Muab khoom cia rau hauv pobtawb
ເອົາຂອງໃສ່ພາຊະນະຕ່າງໆ
Để các vật dụng vào hộp dựng

____ Stacks two blocks
Muab khoom teeb uake
ເອົາແນວຫລິ້ນສອງອັນມາຊ້ອນກັນໄດ້
Xếp đồ chơi thành hai khối

____ Feeds self finger food
Siv tes noj mov
ກິນອາຫານທີ່ກິນດ້ວຍມືເອງໄດ້
Tự ăn bằng thức ăn cầm tay

____ Waves bye-bye
Txawj co tes
ໂບກມື "ບາຍ-ບາຍ" ໄດ້
Vẫy chào tạm biệt

Infancy (birth through 18 months) is a period of fast growth and rapid development. Infants nearly triple in weight, learn to walk, gain skills in feeding themselves, and develop early language skills during this time.

Menyuam mos (thaum yug txog rau 18 lub hlis) yog ib qho kev loj hlob thiab paub qab hau ceev. Menyuam mos hnyav yuav luag peb npaug, xyaum mus kev, txawj pub mov rau nws noj thiab paub txog kev hais lus thaum lub sijhawm no.

ໄລຍະທີ່ເປັນເດັກຫລົກ (ແຕ່ເກີດໃໝ່ຫາອາຍຸ 18 ເດືອນ) ແມ່ນໄລຍະແຫ່ງ ການເຕີບໂຕ ແລະການພັດທະນາ ເດັກຫລົກຈະເພີ່ມນ້ຳໜັກສາມເທົ່າໂຕ ຫັດຍ່າງ ຫັດປ້ອນໂຕເອງ ແລະພັດທະນາຄວາມສາມາດເບື້ອງຕົ້ນທາງດ້ານພາສາ ໃນຣະຫວ່າງເວລານີ້

Thời thơ ấu (từ lúc sinh ra cho đến 18 tháng) là thời kỳ tăng trưởng và phát triển nhanh nhất. Trẻ con cân nặng gấp ba, học đi, có được sự khéo léo trong việc tự ăn và phát triển kỹ năng về ngôn ngữ.

By responding sooner to your baby's needs, he will develop a better sense of trust. It is good to hold and cuddle your baby. Babies need attention from their parents. This helps build positive self esteem (feeling lovable, capable, and accepted).

Yog koj ntxov paub txog kev pab koj tus menuam qhov ntawd yeej zoo tshaj thiab koj tus menyuam yuav muaj kev ntseeg koj siab. Qhov uas koj puag koj tus menyuam yog ib qhov zoo. Menyuam xav kom koj uas yog niamtxiv nyob ze lawv (paub txog kev hlub, muaj peevxwm, txais yuav lawv).

ເວລາລູກເຈົ້າຕ້ອງການຫຍັງ ໃຫ້ເຈົ້າຕອບສະໜອງໄວຍ້ອນວ່າຈະເຮັດໃຫ້ລູກ ໄວ້ໃຈເຈົ້າ ການອຸ້ມແລະການກອດລູກນ້ອຍຂອງເຈົ້າເປັນສິ່ງທີ່ດີ ເດັກຫລົກ ຕ້ອງການຄວາມເອົາໃຈໃສ່ຈາກພໍ່ແມ່ ຊຶ່ງຈະ ຊ່ອຍສ້າງຄວາມຮູ້ສຶກວ່າໂຕເອງມີຄ່າ (ຮູ້ສຶກວ່າໜ້າຮັກ ມີຄວາມສາມາດ ແລະເປັນທີ່ຍອມຮັບ)

Bạn càng đáp ứng nhu cầu của trẻ con càng sớm bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu, chúng sẽ phát triển cảm giác lòng tin. Ẵm và ôm chặt con của bạn là điều tốt. Trẻ con cần sự chú ý của cha mẹ chúng. Điều này giúp cho sự tạo dựng lòng tự tin (cảm giác đáng yêu, giỏi và chấp nhận).

Some behaviors at this developmental level can be very frustrating for parents but are perfectly normal. It is normal for babies to cry but it can be hard to listen to. Newborns cry an average of 2 1/2 hours per day. Babies cry when they are hungry, tired, wet, too hot or cold, if their tummy hurts, or when they want to be held.

Kev loj hlob theem no yog ib qho uas muaj kev txhawjxeeb rau niamtxiv kaẓwg li tabsis qhov no yog ib qho uas yeej muaj los lawm. Kev hloov ua rau menyuam mos quaj heev thiab laj mloog. Menyuam mos quaj nruab nrab li 2 1/2 teev los ntawm ib hnub twg. Thaum lawv tshaib plab lawv quaj, thaum nkees, thaum ntub, thaum sov nto hws, thaum mob plab, los yog thaum lawv xav kom puag.

ຄວາມປະພຶດບາງຢ່າງໃນຂັ້ນຕອນນີ້ອາດເຮັດໃຫ້ພໍ່ແມ່ອຸກໃຈຫຼາຍ ແຕ່ວ່າຄວາມປະພຶດເຫລົ່ານີ້ຫໍ່ຫໍ່ມະດາ ການໄຫ້ເປັນ ສິ່ງຫໍ່ຫໍ່ມະດາສໍາຫລັບເດັກຫາລົກ ແຕ່ບາງເທື່ອທົນຟັງຍາກ ຕາມສະເລັ່ຽແລ້ວ ເດັກເກີດໃໝ່ຈະໄຫ້ ມື້ລະ 2 ຊົ່ວໂມງເຄິ່ງ ເດັກຫາລົກມັກຈະໄຫ້ເວລາຫິວ ເຫງົານອນ ປຽກ ຮ້ອນ ໜາວ ປວດທ້ອງ ຫລືຢາກໃຫ້ເຈົ້າອຸ້ມລາວ

Một vài cách cư xử phát triển ở mức độ này có thể làm cho cha mẹ rất nản lòng nhưng những điều đó hoàn toàn bình thường. Những đứa trẻ khóc là sự bình thường nhưng có thể rất khó nghe. Những trẻ sơ sinh trung bình khóc 2 giờ rưỡi một ngày. Trẻ em khóc khi chúng đói, mệt mỏi, bị ướt, nóng qúa hay lạnh qúa, nếu bụng chúng đau, hay chúng muốn được ẵm.

Older infants are good at making messes (example: at meal time). Feeding themselves can be messy but it is an important part of development. Older infants (12 - 18 months) will begin to express anger and frustration. They are more mobile at this age and often do not respond to parents commands. It is important to provide a safe environment and proper supervision for your child.

Cov menyuam uas nws ib nyuag loj lawm muaj ntsis nyiam uasi nrog mov zaub thaum noj mov tabsis qhov ntawd yog ib qho kev loj hlob ntawm nws. Tus menyuam uas ib nyuag loj lawm xwsli (12 - 18 lub hlis) yuav pib qhia txog lawv kev npau taws. Nws muaj peevxwm txav mus los nws tus kheej thiab tsis tshua mloog niamtxiv lus. Yuav tau nrhiav tej qhov chaw uas nws tsis raug mob thiab yuav tau muaj tus neeg laus saib ntshis.

ເດັກຫລົກທີ່ເລີ່ມໃຫຍ່ແລ້ວເຮັດເປື້ອນກັ່ງແທ້ (ເຊັ່ນເວລາກິນເຂົ້າ) ເວລາໃຫ້ລູກກິນເອງລາວອາດຈະເປື້ອນ
ແຕ່ວ່າເປັນສ່ວນສຳຄັນໃນການພັດທະນາ ເດັກຫລົກທີ່ເລີ່ມໃຫຍ່ແລ້ວ (ອາຍຸ 12 - 18 ເດືອນ) ຈະເລີ່ມສະແດງອອກເວລາ
ໃຈຮ້າຍ ແລະບໍ່ພໍໃຈ ໃນເວລານີ້ຂະເຈົ້າເຄື່ອນທີ່ໄດ້ ແລະບາງເທື່ອຂະເຈົ້າຈະບໍ່ຟັງຄວາມພໍ່ແມ່
ການທີ່ເຈົ້າຈະຈັດຫາສິ່ງແວດລ້ອມໃຫ້ປອດໄພ ແລະເບິ່ງແຍງລູກຢ່າງເໝາະສົມເປັນສິ່ງທີ່ສຳຄັນຫຼາຍ

Những trẻ con lớn hơn chúng hay làm bừa bãi (thí dụ: vào bữa ăn). Chúng tự ăn lấy có thể làm bừa bãi nhưng điều đó là quan trọng trong một phần của sự phát triển. Những đứa trẻ lớn hơn (12 - 18 tháng) sẽ bắt đầu biểu lộ sự giận dữ và sự nản lòng. Chúng biến đổi nhiều vào tuổi này và luôn luôn không đáp ứng tới những mệnh lệnh của cha mẹ chúng. Điều quan trọng là cung ứng một môi trường an toàn và giám thị đúng cách cho con của bạn.

Suggested play time ideas
Tawm tswvyim qhia txog kev uasi
ຄໍາແນະນໍາສໍາຫລັບການຫລິ້ນ
Đề nghị những ý nghĩ về giờ chơi

1 - 2 Months	crib mobile, ring or dumbbell-shaped rattles, music, read books, babies like to look at their parents faces
1 - 2 hlis	nyob rau hauv lub txaj swb, nws co tswb los yog tshuab raj, phau ntawv, menyuam mos nyiam saib niamtxiv lub ntsejmuag
ອາຍຸ 1-2 ເດືອນ	ເຄື່ອງຫລິ້ນທີ່ຫ້ອຍເພື່ອເປ ຂອງຫລິ້ນທີ່ເຮັດສຽງໄດ້ ແລະທີ່ຈັບງ່າຍ ດົນຕີ ປຶ້ມ ການເບິ່ງໜ້າພໍ່ແມ່
Từ 1 tới 2 tháng	khuôn di động - rung chuông hay những đồ lúc lắc có hình qủa tạ, âm nhạc, sách vở, những trẻ em thích nhìn mặt cha mẹ chúng
3 Months	rattles, cuddly toys, bouncing bright colored balls, activity centers and play gyms, read books
3 hlis	txawj co, puag khoom uasi, pov tej lub pob uas ci-ci, tej khoom uasi thiab nyeem ntawv
ອາຍຸ 3 ເດືອນ	ຂອງຫລິ້ນທີ່ເຮັດສຽງໄດ້ ຂອງຫລິ້ນນິ້ມໆ ໝາກບານທີ່ມີສີແຈ້ງ ແບວຫລິ້ນອື່ນໆ ປຶ້ມ
3 tháng	những đồ lúc lắc, những đồ chơi được cưng chiều, những qủa bóng cao su nẩy có màu sáng, những sinh hoạt trọng tâm vào chơi thể thao, đọc sách
6 Months	soft washable animals and toys, cloth or heavy cardboard books, toys that make sounds, floating bath toys, soft rubber squeeze toys
6 hli	tej yam khoom uasi uas yog tsiaj, ntaub los yog tej ntawv tuab, tej khoom uasi uas txawj quaj los yog ua suab, tej yam khoom uasi hauv dej uas txawj ntab, tej yam khoom muag uas yog yas nyem tau

ອາຍຸ 6 ເດືອນ	ຕຸກກະຕາ ແລະຂອງຫລິ້ນນ້ຳໆ ທີ່ລ້ຳໆໄດ້ ປຶ້ມທີ່ເຣັດໂດຍບ້ຳ ຫລື ເຈ້ຍແຂງ ເຄື່ອງຫລິ້ນທີ່ມີສຽງ ຂອງຫລິ້ນທີ່ຫລິ້ນໃນອ່ຳງອາບນ້ຳ ເຄື່ອງຫລິ້ນຢ່ຳງ ນ້ຳມໆ ທີ່ບີບໄດ້
6 tháng	những đồ chơi và súc vật mềm có thể rửa được, vải hay những sách bìa cứng, những đồ chơi gây ra tiếng động, những đồ chơi nổi lềnh bềnh trong bồn tắm, những đồ chơi bóp được bằng cao su mềm
9 Months	play interactive games with child such as Peek-a Boo, Pat-a-Cake, nonbreakable dishes, pots and pans, read books
9 hlis	tus menyuam uasi nrog tej yam xwsli pos muag npuaj tes, tais diav uas tawg tsis tau, lauj kaub tais diav, ntawv
ອາຍຸ 9 ເດືອນ	ຫລິ້ນເກມກັບລູກ ເຊັ່ນຫລິ້ນຈ໊ະເອ ແລະຫລິ້ນຕົບມື ຫລິ້ນຖ້ວຍຊ້ຳມທີ່ບ່ແຕກ ກະທະ ແລະໝ້ໍ ປຶ້ມ
9 tháng	chơi những trò chơi phối hợp với đứa trẻ như là chơi ú òa, vỗ tay, những đĩa không vỡ, nồi và chảo, đọc sách
12 Months	toy telephone, nesting bowls or tumblers, easy puzzles, low rocking horse, point to and name body parts with your child, read books
12 hlis	khoom uasi xovtooj, tais tob los yog tej khoom dov, tej khoom sib dhos yooj yim, tsaj nees, taw tes thiab qhia txog tej npe ntawm lub cev
ອາຍຸ 12 ເດືອນ	ໂທລະສັບຂອງຫລິ້ນ ຊ້ຳມ ຫລືຈອກເດັກ ພາບຕ່ໍທີ່ງ່ຳຍໆ ມ້ຳໂຍກທີ່ບ່ສູງ ຊື້ແລະບອກ ຊື້ອະໄວຍະວະຂອງຮ່ຳງກ່ຳຍ ປຶ້ມ
12 tháng	đồ chơi điện thoại, bát tổ chim hay con lật đật, ô chữ dễ, ngựa lắc lư thấp, chỉ và nói tên những bộ phận trên cơ thể cho con của bạn, đọc sách

Disciplining Babies (Infant - 18 Months)
Kev Cob qhia menyuam mos liab (menyuam mos liab - 18 lub hlis)
ວິໄນສໍາຫລັບເດັກທາລົກ (ເດັກເກີດໃໝ່ - ອາຍຸ 18 ເດືອນ)
Rèn luyện trẻ con (trẻ con - 18 tháng)

During baby's first year every interaction you have with him/her is a chance to show respect and encourage cooperation. Babies are explorers. They do not understand rules. Babies do not understand time-out, saying no, or spanking. **Never shake your baby.** It could seriously hurt or even kill your baby.

Thawj xyoo ntawm menyuam mos. Txhua yam uas koj nrog nws uasi yog ib qho uas koj yuav tau qhia txog kev hwm thiab txhawb txog kev koomtes. Menyuam mos yog ib co uas tseem kawm. Lawv tsis totaub txog kevcai. Lawv tsis totaub txog kev rau txim hais tias tsis kam, los nplawm. Tsis txhob muab menyuam siv zog nchos ib zaug li. Qhov no muaj peevxwm ua rau tus menyuam ntawd raug mob los yog ploj tuag tau.

ທຸກເທື່ອທີ່ເຈົ້າເຮັດຫຍັງກັບລູກໃນປີທຳອິດຂອງຊີວິດລາວຈະເປັນໂອກາດທີ່ຈະສະແດງການໃຫ້ກຽດ ແລະການຮ່ວມມື ເດັກທາລົກຢາກຮູ້ຢາກເຫັນ ລາວຍັງບໍ່ທັນເຂົ້າໃຈກົດລະບຽບຫຍັງ ຍັງບໍ່ທັນເຂົ້າໃຈການທຳໂທດ ການຫ້າມ ຫລືການຕີ ຢ່າຍອກລູກຂອງເຈົ້າ ຍ້ອນວ່າການຍອກນັ້ນອາດເຮັດໃຫ້ລູກເຈັບໜັກ ຫລືເສັຽຊີວິດໄດ້

Trong năm đầu tiên mỗi hành động mà bạn có với con em là một dịp may để chứng tỏ sự phối hợp về kính trọng và sự khuyến khích. Trẻ con là những người thám hiểm. Chúng không hiểu luật lệ. Trẻ con không hiểu, giờ giải lao, nói không, hay phát vào đít. Đừng bao giờ lắc con của bạn. Có thể làm con bạn bị thương nghiêm trọng hay có thể giết con bạn.

TODDLERS (18 MONTHS - 3 YEARS)
MENYUAM YAUS (18 LUB HLIS - 3 XYOOS)
ເດັກນ້ອຍ (ເດັກອາຍຸ 18 ເດືອນ - ເດັກອາຍຸ 3 ປີ)
NHỮNG ĐỨA TRẺ (đã biết đi) (Từ 18 THÁNG tới 3 TUỔI)

The following is a list of what to expect children to do between 18 months and 3 years.

Nyob rau nram qab no yog tej yam muaj tshwm los ntawm cov menyuam uas muaj 18 lub hlis txog 3 xyoos.

ຄວາມປະພຶດຕໍ່ໄປນີ້ແມ່ນສິ່ງທີ່ຄາດຫມາຍໄດ້ຈາກເດັກແຕ່ອາຍຸ 18 ເດືອນຫາ ອາຍຸ 3 ປີ

Tiếp đây là tiết mục những gì mà bạn trông chờ trẻ con làm từ khi 18 tháng tới 3 tuổi.

18 Months
18 lub hlis
ອາຍຸ 18 ເດືອນ
18 tháng

____ Likes to pull, push, and dump things
Nyiam rub, thawb, thiab nchuav khoom
ມັກດຶງ ດັນ ແລະ ເທຂອງຕ່າງໆ
Thích kéo, đẩy, và vứt bỏ đồ vật

____ Follows simple directions ("Bring the ball")
Paub tej lus yooj yim (Xwsli nqa lub npas los)
ເຮັດຕາມຄໍາສັ່ງງ່າຍໆ (ເຊັ່ນ "ເອົາໝາກບານມານີ້")
Theo sự hướng dẫn đơn giản (Hãy đem qủa bóng lại đây)

____ Helps to get dressed and undressed
Paub hloov khaubncaws
ຊ່ວຍໃນການນຸ່ງເຄື່ອງ
Giúp đỡ mặc và cởi quần áo

____ Likes to look at pictures
Nyiam saib duab
ມັກເບິ່ງຮູບ
Thích nhìn vào ảnh

____ Uses 8 - 10 words
Siv txog li 8 - 10 lo lus
ໃຊ້ 8-10 ຄໍາໄດ້
Dùng từ 8 tới 10 chữ

____ Walks without help
Mus kev tsis yuav pab lawm
ຍ່າງໄດ້ໂດຍບໍ່ຕ້ອງຊ່ວຍ
Đi bộ không cần sự giúp đỡ

____ Climbs stairs on all fours
Nce ntaiv tag nrho plaub txais testaw
ຄຶກຂຶ້ນຂັ້ນໄດ
Trèo lên các bậc thang tới 4 nấc

____ Steps off low objects and keeps balance
Hla tawm ntawm tej khoom qis thiab hwj lub cev
ກ້າວຂ້າມຈາກສິ່ງທີ່ຕ່ຳລົງໂດຍບໍ່ລົ້ມ
Bước qua những đồ vật thấp và giữ thăng bằng

____ Feeds self with spoon
Siv diav noj mov
ໃຊ້ບ່ວງປ້ອນໂຕເອງ
Tự ăn lấy bằng muỗng

★ See "Toilet Training" later in this book
Saib "Siv tsev dej" muaj txuas ntxiv ntawm phau ntawv no
ເບິ່ງບົດທີ່ກ່ຽວກັບ "ການຫັດໃຫ້ລູກໃຊ້ສ້ວມ" ຂ້າງໜ້ານີ້
Xem " Huấn luyện tự đi vệ sinh " phần sau của quyển sách này

2 Years
2 xyoos
ອາຍຸ2ປີ
2 tuổi

____ Uses two-word phrases
Siv ob kab lus
ໃຊ້ສອງຄຳຕິດຕໍ່ກັນໄດ້
Dùng câu hai chữ

_____ Says names of toys or objects
Hais tej khoom li npe
ເວົ້າຊື່ເຄື່ອງຫຼິ້ນ ຫລືສິ່ງຂອງຕ່າງໆ
Nói tên đồ chơi hay đồ vật

_____ Points to familiar objects
Taw tes rau tej khoom nws nco tau
ຊີ້ຂອງທີ່ຮູ້ຈັກ
Chỉ vào những đồ vật quen thuộc

_____ Copies household activities
Qog txog tej khoom hauv tsev
ເຮັດຕາມກິດຈະກຳໃນເຮືອນທີ່ຜູ້ໃຫຍ່ເຮັດ
Bắt chước sinh hoạt trong gia đình

_____ Carries a large object while walking
Nqa tej pob khoom loj thaum mus kev
ຖືຂອງໃຫຍ່ເວລາຍ່າງໄດ້
Đem đồ vật lớn trong khi đi bộ

_____ Plays alone for short periods
Tibleeg uasi ntsiag to
ຫຼິ້ນຄົນດຽວ ແຜ່ນ້ອຍ
Chơi một mình trong thời gian ngắn

_____ Identifies three body parts by pointing
Paub txog 3 yam ntawm lub cev thaum taw rau
ຮູ້ບອກອະໄວຍະວະຂອງຮ່າງກາຍສາມຢ່າງໄດ້
Xác nhận ba phần trên cơ thể bằng cách chỉ

_____ Imitates crayon stroke
Kos duab siv xim
ພະຍາຍາມແຕ້ມຮູບດ້ວຍສີ
Bắt chước nét bút chì

2 1/2 Years
2 1/2 xyoos
ອາຍຸ2ປີເຄິ່ງ
2 tuổi rưỡi

____ Rides a push toy
Caij thiab thawb khoom
ຂີ່ເຄື່ອງຫລິ້ນທີ່ແລ່ນ ຫລືເຄື່ອນໄດ້
Cưỡi trên đồ chơi đẩy (có thể dùng chân đạp tới phía trước)

____ Takes off coat
Hle tsho tivno
ຖອດເສື້ອໄດ້
Cởi bỏ áo lạnh

____ Talks on play telephone
Hais lus rau lub xovtooj uasi
ເວົ້າໂທລະສັບທີ່ເປັນຂອງຫລິ້ນ
Nói chuyện trên điện thoại đồ chơi

____ Places objects into small openings
Ntsaws khoom rau tej chaw uas qhib me-me
ເອົາຂອງໃສ່ຮູຮ່ອງນ້ອຍໆ
Để những đồ vật vào những chỗ hở nho nhỏ

____ Climbs into an adult chair
Nce rau neeg laus tej rooj
ປີນຂຶ້ນຕັ່ງຜູ້ໃຫຍ່ໄດ້
Trèo lên ghế của người lớn

____ Turns two or three pages at a time
Nthuav 2 - 3 nplooj ntawv uake
ເປີດໜ້າປຶ້ມເທື່ອລະສອງສາມໜ້າ
Mở hai ba trang sách một lần

____ Opens door
Qhib qhov rooj
ເປີດປະຕູໄດ້
Mở cửa

Suggested play time ideas
Tej tswvyim qhia txog kev uasi
ຄຳແນະນຳສຳຫລັບການຫລິ້ນ
Đề nghị những ý kiến về giờ chơi

---

18 Months	Let your child watch you do various activities like cooking, vacuuming, cleaning, talk about what you are doing, read books
18 lub hlis	Cia koj tus menyuam saib koj ua ntau yam haujlwm xwsli, ua noj, nqus tsev, cheb tsev, qhia saib koj ua dabtsi, phau ntawv
ອາຍຸ 18 ເດືອນ	ໃຫ້ລູກເບິ່ງເຈົ້າຍາມເຮັດກິດຈະການຕ່າງໆ ເຊັ່ນ ການຄົວກິນ ການດູດຢຸ່ນ ການເຮັດຄວາມສະອາດ ເວົ້າກ່ຽວກັບ ສິ່ງທີ່ເຈົ້າເຮັດ ອ່ານປື້ມ
18 tháng	Để cho con của bạn nhìn những sinh hoạt khác nhau như là nấu ăn, hút bụi, làm sạch sẽ, nói cho chúng biết bạn đang làm gì, đọc sách

---

2 Years	Building towers (use building blocks, paper cups, cereal boxes), read books
2 xyoos	Tsim tsa tsev (siv ntoo sib teeb, khob ntawv, nkev ntawv paj npleg), phau ntawv
ອາຍຸ 2 ປີ	ສ້າງຫໍ (ໂດຍໃຊ້ເຄື່ອງຫລິ້ນ ຈອກ ກ່ອງ) ອ່ານປື້ມ
2 tuổi	Xây dựng tháp (dùng những khối xây dựng, ly giấy, những hộp ngũ cốc), đọc sách

---

2 - 3 Years	Coloring, reading books
2 - 3 xyoos	Zas xim - phau ntawv
ອາຍຸ 2 - 3 ປີ	ແຕ້ມຮູບດ້ວຍສໍສີ ອ່ານປຶ້ມ
2 tới 3 tuổi	Tô màu, đọc sách

2 1/2 - 3 Years	Child can pour water from a pitcher (use a small pitcher and cup), Play-doh, read books
2 1/2 - 3 xyoos	Menyuam txawj hliv tau dej ntawm lub thoob (siv lub thoob me thiab lub khob me) uasi nrog menyuam roj hmab, tej phau ntawv
ອາຍຸ 2 ປີເຄິ່ງ - 3 ປີ	ເດັກສາມາດເທນ້ຳຈາກຖັງໃຫ້ (ໃຊ້ຖັງໃຫ້ນ້ອຍແລະຈອກ) "ພະເລ ໂດ" ອ່ານປຶ້ມ
2 tuổi rưỡi tới 3 tuổi	Trẻ con có thể đổ nước vào bình dựng nước (dùng bình dựng nước nhỏ và ly) Play-Doh (đồ chơi bằng chất dẻo có thể nhào trộn được), đọc sách

These activities will:
Cov kev uasi no yuav:
ກິດຈະກຳເຫລົ່ານີ້ຈະ:
Những sinh hoạt này sẽ là:

* Help your child's eyes and hands work together
  Pab koj tus menyuam lub qhov muag thiab nws tej tes ua haujlwm uake
  ຊ່ວຍໃຫ້ລູກເຈົ້າໃຊ້ຕາແລະມືສ່ຳພັນກັນ
  Giúp cho mắt và tay của con bạn làm việc cùng nhau

* Help your child learn how to plan and pretend
  Pab koj tus menyuam kawm koj txawj npaj thiab pivtxwv
  ຊ່ວຍໃຫ້ລູກເຈົ້າຮຽນແລະໃຊ້ຈິນຕະນາການ
  Giúp cho con bạn học làm kế hoạch và giả bộ

* Help your child learn self control
  Pab koj tus menyuam kom txawj tswj nws tus kheej
  ຊ່ວຍໃຫ້ລູກເຈົ້າຮຽນຮູ້ທີ່ຈະຄວບຄຸມໃຕ
  Giúp cho con bạn học cách tự kiểm soát

* Help your child learn to play by him/herself
  Pab koj tus menyuam kom txawj uasi nrog nws tus kheej
  ຊ່ວຍໃຫ້ລູກເຈົ້າຮຽນຮູ້ທີ່ຈະຫລິ້ນຄົນດຽວ
  Giúp cho con bạn học chơi một mình

* Help your child to express feelings
  Pab koj tus menyuam kom txawj qhia nws txoj kev xav
  ຊ່ວຍໃຫ້ລູກເຈົ້າສະແດງຄວາມຮູ້ສຶກ
  Giúp cho con bạn biểu lộ cảm nghĩ

* Help your child to get ready for school
  Pab koj tus menyuam kom txawj npaj rau txoj kev kawm ntawv
  ຊ່ວຍໃຫ້ລູກເຈົ້າກຽມເຂົ້າໂຮງຮຽນ
  Giúp cho con bạn sẵn sàng đi học

Toddlers want to do things for themselves, but still need help and attention from their parents. Toddlers are exploring their environment. Children between 2 - 3 years of age have the highest activity level they will have in their life. At this time they increase moving skills such as walking, running and climbing. They are also beginning to talk.

Cov menyuam mus taus kev ntawd lawv nyiam ua ub ua no rau lawv tus kheej, tabsis lawv tseem yuav kev pab thiab yuav tsum saib zoo los ntawm niamtxiv. Cov menyuam mus tau kev ntawd lawv nyiam laij rau ub rau no heev. Cov menyuam uas muaj hnoob nyoog ntawm 2 - 3 xyoos muaj kev uasi ntau tshaj plaws nyob rau hauv lawv lub neej. Nyob rau lub sijhawm no lawv ntxiv kev ua zog uas yog mus kev, khiav thiab nce, lawv kuj tabtom pib txawj hais lus.

ເດັກນ້ອຍຢາກເຮັດໜ້າທີ່ໜ້າຢ່າງດ້ວຍໂຕເອງ ແຕ່ວ່າຍັງຕ້ອງໄດ້ຮັບຄວາມຊ່ວຍເຫລືອ ແລະຄວາມເອົາໃຈໃສ່ຈາກພໍ່ແມ່
ເດັກນ້ອຍຢາກຮູ້ຢາກເຫັນໜ້າທີ່ໜ້າຢ່າງຄອບໂຕເອງ ເດັກອາຍຸສອງສາມປີມີກຳລັງຫຼາຍທີ່ສຸດໃນຊີວິດ ໃນຊ່ວງນີ້
ຂະເຈົ້າຈະພັດທະນາຄວາມສາມາດໃນການເຄື່ອນທີ່ ເຊັ່ນການຍ່າງ ການແລ່ນ ແລະການປີນ ແລ້ວຂະເຈົ້າກໍຈະເລີ່ມເວົ້າຄືກັນ

Những trẻ em muốn làm đồ vật cho chính chúng nó, nhưng cần sự giúp đỡ và sự chú ý của cha mẹ chúng. Trẻ em đang thám hiểm môi trường của chúng. Trẻ em khoảng từ 2 tới 3 tuổi có trình độ sinh hoạt cao nhất mà chúng sẽ có trong đời sống của chúng. Vào lúc này chúng gia tăng khả năng như là đi bộ, chạy hay leo trèo. Chúng cũng bắt đầu nói chuyện.

Safety is very important at this developmental level. Remove dangerous objects from your child's environment. Be patient. Have reasonable expectations. When you talk to your child use simple words and short sentences. Routine is important.

Kev saib kom txhob raug mob yog ib qhov uas tseemceeb heev rau theem uas tseem tabtom loj hlob. Rho tej yam uas yuav ua rau koj tus menyuam raug mob tawm ntawm nws lub chaw uasi. Ua siab ntev, npaj tej yam uas koj xav koj muaj. Thaum koj hais lus rau koj tus menyuam siv tej lolus yooj yim thiab tej kab lus luv-luv. Hais mus hais los yog ib qho tseemceeb.

ຄວາມປອດໄພເປັນສິ່ງທີ່ສຳຄັນຫຼາຍໃນລະຫວ່າງຂັ້ນຕອນການພັດທະນານີ້ ເອົາຂອງທີ່ເປັນອັນຕະລາຍອອກຈາກສິ່ງແວດລ້ອມຂອງລູກ
ຫັດມີຄວາມອົດທົນ ຢ່າຄາດຫວັງສູງໂພດ ເວລາເວົ້າກັບລູກ ໃຊ້ຄຳງ່າຍແລະປະໂຫຍກສັ້ນ ເຮັດຕາມກິດຈະວັດປະຈຳສຳຄັນ

Sự an toàn rất là quan trọng, ở mức độ phát triển này. Hãy dọn dẹp những đồ vật nguy hiểm chung quanh môi trường của con bạn. Hãy kiên nhẫn. Có những sự mong chờ hợp lý. Khi bạn nói chuyện với con của bạn, bạn hãy dùng những chữ giản dị và những câu ngắn. Thường làm đều đặn là quan trọng.

Some challenging (but normal!) behaviors to expect at this age include:
Yuav muaj tej yam nyuaj (tabsis yeej muaj li ntawd) uas yog tus xeebceem rau lub hnoob nyoog no:
ຄວາມປະພຶດຕໍ່ໄປນີ້ແມ່ນຄວາມປະພຶດທີ່ທ້າທາຍເຊິ່ງຄາດໝາຍໄດ້ຈາກ ເດັກອາຍຸສໍ່ານີ້ (ສິ່ງເຫລົ່ານີ້ປົກກະຕິ!):
Vài sự thách thức (nhưng bình thường!) cách cư xử mong chờ ở tuổi này gồm có:

★ Defiant behavior (Says "NO" when told to do something)
Xeebceem tawvncauj (haistias "tsis kam" thaum lub sijhawm koj kom nws ua tej yam dabtsi)
ການກະບົດ (ເວລາບອກໃຫ້ເຮັດບາງສິ່ງບາງຢ່າງຈະເວົ້າທໍ່ວ່າ "ບໍ່")
Cư xử ngang ngạnh (nói KHÔNG khi bảo nói cái gì đó)

★ Temper tantrums
Siab ceev tsis txhawj txog tus kheej
ການສະແດງອາລົມໃຈຮ້າຍ
Tính hay cáu giận

★ Will not share or take turns
Tsis kam qev los yog sib pauv khoom uasi
ບໍ່ແບ່ງປັນ ຫລືບໍ່ຜັດກັນຫລິ້ນນຳໂຕເອງ
Sẽ không chia xẻ hay chờ tới lượt

★ May insist on having things a certain way
Yuav siab kheej ua tej yam raws li nws siab nyiam
ເອົາແຕ່ໃຈໂຕເອງ
Có thể khăng khăng đòi có đồ vật bằng cách nào đó

★ Will not hold your hand
Tsis kam tuav koj txhais tes
ບໍ່ຍອມຈັບມືເຈົ້າ
Sẽ không nắm tay bạn

★ Moves slow, will not come when called
Mus qeeb-qeeb, tsis los thaum hu
ເວລາເຈົ້າເອີ້ນມາ ຍ່າງມາຊ້າ ຫລືບໍ່ມາເລີຍ
Di chuyển chậm, sẽ không tới khi bạn đã gọi

Disciplining Toddlers (18 months - 3 years)
Kev cob qhia cov menyuam mus taus kev (18 lub hlis - 3 xyoos)
ວິທີສ່ຳສັ່ງເດັກນ້ອຍ (ອາຍຸ 18 ເດືອນ - ອາຍຸ 3 ປີ)
Rèn luyện trẻ con (18 tháng tới 3 tuổi)

Toddlers need protective rules. They don't recognize dangers. Toddlers are learning to say **NO.** They are learning what they can and can't do as they become more independent. Toddlers need their parents to remove them from an activity if it is unsafe or inappropriate.

Menyuam me yuav tsum muaj txojkev tiv thaiv nruj. Lawv tsis paub yam uas yuav ua rau lawv raug mob. Menyuam me kawm hais lo lus tsis kam. Lawv kawm tau tej yam uas lawv ua tau thiab tsis tau thaum lawv loj hlob zuj zus. Cov menyuam me no yuav tsum tau kev pab los ntawm niamtxiv kom muab lawv tshem ntawm tej yam uas yuav tsis zoo.

ຕ້ອງຕັ້ງກົດລະບຽບໄວ້ໃຫ້ປ້ອງກັນເດັກນ້ອຍ ຍ້ອນວ່າຂະເຈົ້າຍັງບໍ່ທັນເຂົ້າໃຈຄວາມອັນຕະລາຍ ຂະເຈົ້າກຳລັງຫັດເວົ້າເທ່ວ່າ "ບໍ່" ຂະເຈົ້າກຳລັງຮຽນວ່າຂະເຈົ້າສາມາດເຮັດສິ່ງໃດໄດ້ ເຮັດສິ່ງໃດບໍ່ໄດ້ ຂະນະທີ່ຂະເຈົ້າພັດທະນາຄວາມເປັນອິດສະຣະສ່ວນຕົວ ເດັກນ້ອຍຍັງຕ້ອງມີພໍ່ແມ່ຄອຍຕ້ານຄອຍຢຸດຂະເຈົ້າເມື່ອເຮັດສິ່ງທີ່ບໍ່ປອດໄພ ຫລືບໍ່ເໝາະສົມ

Trẻ con cần những luật lệ bảo vệ. Chúng không nhận ra những sự nguy hiểm. Trẻ con đang học nói KHÔNG. Chúng đang học những gì chúng có thể làm và chúng không thể làm để trở thành độc lập nhiều hơn. Trẻ con cần cha mẹ dời chúng ra khỏi một sinh hoạt nếu không an toàn hay không thích hợp.

Many undesired behaviors can be eliminated by ignoring them. If your child refuses to do something try distracting your child by introducing another activity. Many parents use a technique called "time-out". A "time-out" is done by removing your child from the situation to a place where he/she can be alone (in a special area or chair) for a short period of time (one minute for each year of age).

Muaj ntau yam kev tsis zoo yuav tso tau yog los ntawm qhov uas tsis txhob mloog nws. Yog koj tus menyuam tsis kam ua tej yam dabtsi qhia lwm yam kom nws ua. Muaj ntau tus niam txiv siv ib txoj kev yog kom tus menyuam "mus so". Qhov "mus so" yog los ntawm muab koj tus menyuam rho tawm ntawm qhov chaw uasi coj mus tso rau ib qho uas nws nyob nws ib leeg (rau ib qhov chaw tshwjxeeb los yog ib lub rooj) rau ib pliag (xwsli ib feem raws li nws lub noobnyoog).

ຄວາມປະພຶດຫຼາຍແນວຈະຖືກຂະຈັດໄດ້ໂດຍການເຮັດບໍ່ຮູ້ບໍ່ເຫັນ ຄັນລູກເຈົ້າບໍ່ຍອມເຮັດສິ່ງໃດ ກໍພະຍາຍາມເຮັດສິ່ງອື່ນໃຫ້ລູກສົນໃຈ ພໍ່ແມ່ຫຼາຍຄົນໃຊ້ວິທີທີ່ເອີ່ນວ່າ "ໄທມ້ເອົາທ້" ຊຶ່ງໝາຍຄວາມວ່າເອົາລູກອອກຈາກສະຖານະການນັ້ນໄປໄວ້ບ່ອນທີ່ຢູ່ຄົນດຽວ (ໃນບ່ອນພິເສດ ຫລືຕັ່ງ) ເປັນໄລຍະໜຶ່ງ (ໜຶ່ງນາທີຕໍ່ທຸກໜຶ່ງປີຂອງອາຍຸລາວ)

Có nhiều cách cư xử không muốn có thể loại ra bằng cách lờ chúng đi. Nếu con của bạn từ chối không làm cái gì đó bạn hãy cố gắng làm lãng trí chúng bằng cách giới thiệu sinh hoạt khác. Nhiều cha mẹ dùng một kỹ thuật gọi là giờ giải lao. Một giờ giải lao làm xong bằng cách dời con của bạn từ vị trí ở một nơi mà các em (trai hay gái) có thể ở một mình (ở một khu đặc biệt hay ở ghế) trong một thời gian ngắn (một phút cho mỗi tuổi).

PRESCHOOLERS (3 - 5 YEARS)
COV MENYUAM PIB KAWM NTAWV (3 - 5 XYOOS)
ເດັກອະນຸບານ (ອາຍຸ3-5ປີ)
TRƯỚC TUỔI ĐI HỌC (3 tới 5 tuổi)

The following is a list of what to expect children to do between ages 3 and 5 years.

Hauv qab no yog qhia txog cov menyuam 3 thiab 5 xyoos.

ຄວາມປະພຶດຕໍ່ໄປນີ້ແມ່ນສິ່ງທີ່ຄາດຫມາຍໄດ້ຈາກເດັກແຕ່ອາຍຸ 3 ປີຫາ ອາຍຸ 5 ປີ

Tiếp đây là tiết mục những gì mà bạn trông chờ các trẻ con làm từ khi 3 tuổi tới 5 tuổi.

BEST COPY AVAILABLE

3 - 4 Years
3 - 4 xyoos
ອາຍຸ3-4ປີ
3 tới 4 tuổi

____ Puts on shoes
Rau khau
ໃສ່ເກີບເອງ
Mang giày

____ Turns one page at a time
Txawj nthuav ib nplooj ntawv zujzus
ເປີດໜ້າປຶ້ມເທື່ອລະໜ້າໄດ້
Mở một trang sách một lần

____ Walks up stairs holding hand rail
Nce ntaiv thiab tuav tus tes ntawm ib sab
ຍ່າງຂຶ້ນຂັ້ນໄດໂດຍຈັບຄາວ
Đi lên thang lầu nắm tay vịn

____ Enjoys interacting with other children
Nyiam uasi nrog rau lwm tus menyuam
ມັກຫຼິ້ນກັບເດັກອື່ນ
Thích chơi chung với những trẻ con khác

____ Attempts to repeat common phrases
Sim hais tej kab lus mus los
ພະຍາຍາມເວົ້າປະໂຫຍກທີ່ຄ້າຍກັນຊ້ຳໆ
Cố gắng lập lại những câu thông thường

____ Pulls up pants
Txawj rub ris
ດຶງໂສ້ງຂຶ້ນໄດ້
Kéo quần lên

5 Years
5 xyoos
ອາຍຸ5ປີ
5 tuổi

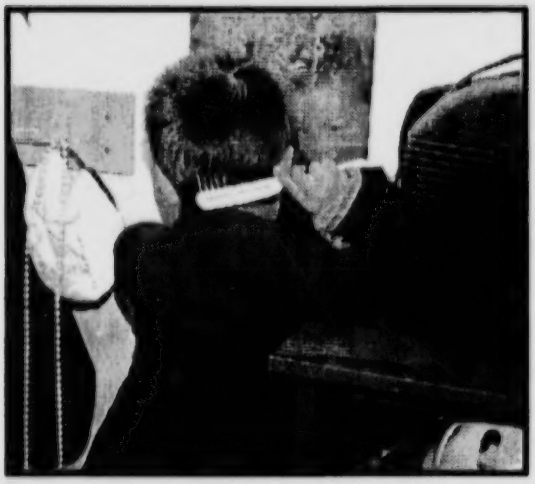

—— Skips smoothly
Txawj dheeg pauv xwmyeem
ໂດດຄ່ອງ
Bỏ qua một cách êm ả

—— Can stand on one foot for at least five seconds
Sawv tau ib sab taw li tsib feeb
ຍືນຂາດຽວຢ່າງນ້ອຍຫ້າວິນາທີໄດ້
Có thể đứng một chân ít nhất là 5 giây

—— Can dress and undress, tie shoes, and comb hair mostly without help
Txawj hnab khaubncaws thiab txawj hle, khi hlua khau, thiab ntsis plaubhau tsis yuav pab
ສາມາດນຸ່ງເຄື່ອງ ນັດເຊືອກເກີບ ແລະຫວີຜົມໂດຍເກືອບບໍ່ຕ້ອງຊ່ອຍ
Có thể mặc và cởi quần áo, buộc dây giầy, và chải tóc và hầu hết không cần sự giúp đỡ

—— Can tell you what words mean, like hat, ball, lake or orange
Txawj qhia koj txog tej lus tias hais licas, nyiam kausmom, pob, pasdej los yog txiv kab ntxwv
ສາມາດອະທິບາຍຄວາມໝາຍຂອງຄຳຕ່າງໆ ເຊັ່ນໝວກ ໝາກບານ ໝອງ ຫລືໝາກກ້ຽງ
Có thể cho bạn biết chữ đó nghĩa là gì, như là cái mũ, qủa bóng, hồ nước hay qủa cam

—— Will ask "why" questions, and ask you what words mean
Yuav nug haistias "vim licas", thiab nug koj haistias lo lus no txhais licas
ນັກຖາມວ່າ "ເປັນຫຍັງ" ແລະນັກຖາມຄວາມໝາຍຂອງຄຳຕ່າງໆ
Sẽ hỏi những câu hỏi tại sao và hỏi bạn chữ đó nghĩa là gì

Suggested play time ideas
Tej tswvyim qhia txog kev uasi
ຄຳແນະນຳສຳຫລັບການຫລິ້ນ
Đề nghị những ý kiến về giờ chơi

---

3 years	Stringing Cheerios or Macaroni, matching jars and lids, reading books
3 xyoos	Txawj siv Cherrios los yog Macaroni khi ua hlua, muab tej hau ntawv
ອາຍຸ 3 ປີ	ມັກຫລິ້ນເກມງ່າຍໆ ເປີດປິດຢາໄຫ ອ່ານປື້ມ
3 tuổi	Xâu vào một xâu Cheerios hay Macaroni, để lọ và nắp tương xứng, đọc sách

---

3 - 5 years	Cutting with safety scissors, simple puzzles, dressing and undressing (use large clothing with large buttons), reading books
3 - 5 xyoos	Txawj siv txiab txiav ntawv, tej khoom sib dhos uas yoojyim, txawj hnav thiab hle khauncaws (siv cov khaubncaws loj nrog rau cov khawm loj), phau ntawv
ອາຍຸ 3-5 ປີ	ການໃຊ້ມີດຕັດທີ່ປອດໄພ ການຕໍ່ພາບຕໍ່ງ່າຍໆ ການນຸ່ງເຄື່ອງ ແລະການຖອດເຄື່ອງ (ໃຊ້ເຄື່ອງທີ່ມີກະດຸມໃຫຍ່) ການອ່ານປື້ມ
3 tới 5 tuổi	Cắt với kéo an toàn, câu đối giản dị, mặc và cởi quần áo (dùng quần áo rộng với khuy lớn), đọc sách

---

These activities will:
Cov kev uasi no yuav:
ກິດຈະກຳເຫລົ່ານີ້ຈະ:
Những hoạt động này sẽ là:

* Help child's eyes and hands work together
  Pab menyuam lub qhov muag thiab nws tej tes ua haujlwm uake
  ຊ່ວຍໃຫ້ລູກໃຊ້ຕາແລະມືສຳພັນກັນ
  Giúp cho mắt và tay trẻ con làm việc cùng với nhau

* Help child get ready for school
  Pab menyuam kom txawj npaj rau txoj kev kawm ntawv
  ຊ່ວຍໃຫ້ລູກກຽມເຂົ້າໂຮງຮຽນ
  Giúp cho trẻ con sẵn sàng đi học

* Help build strong hand muscles
  Pab kom nws txhais tes tej leeg muaj zog
  ຊ່ວຍສ້າງກ້ານມືໃຫ້ແຂງແຮງ
  Giúp cho trẻ con tập cho các cơ tay mạnh

* Help child learn to help him/herself
  Pab menyuam kom txhawj tswj nws tus kheej
  ຊ່ວຍໃຫ້ລູກຮຽນຊ່ວຍໂດເອງ
  Giúp cho trẻ con tự giúp mình

* Help child see differences
  Pab menyuam paub txog kev txawvtxav
  ຊ່ວຍໃຫ້ລູກເຫັນຄວາມແຕກຕ່າງ
  Giúp cho trẻ con thấy sự khác biệt

* Help child learn to pay attention and problem solve
  Pab menyuam kom paub mloog thiab daws teebmeem
  ຊ່ວຍໃຫ້ລູກຮຽນທີ່ຈະຕັ້ງໃຈແລະແກ້ປັນຫາ
  Giúp cho trẻ con học sự chú ý và giải quyết vấn đề

Disciplining Pre-schoolers (3-5 years)
Covqhia cov menyuam pib mus kawm ntawv (3 - 5 xyoos)
ວິໄນສຳຫລັບເດັກອະນຸບານ (ອາຍຸ3-5ປີ)
Rèn luyện những trẻ trước tuổi đi học (từ 3 tới 5 tuổi)

Preschoolers can be given clear simple rules and the consequences for breaking them. It is natural for preschoolers to think their needs come first. It is important for adults to react consistently to their child's inappropriate behavior. Discipline is an important part of parenting.

Cov menyuam ib mus kawm ntawv no yeej paub txog tej txoj kevcai yoojyim thiab yog lawv tsis coj raws li ces lawv yuav raug txim. Yog ib qhov uas cov menyuam pib kawm ntawv no xav txog lawv qho kev ntshaw ua ntej. Qhov tseemceeb rau cov laus yog yuav tsum siab xyuas menyuam tus xeebceem uas coj tsis zoo. Cobqhia yog ib qhov uas tseemceeb heev ntawm niamtxiv.

ເຈົ້າສາມາດຕັ້ງກົດລະບຽບທີ່ຊັດເຈນແລະເຂົ້າໃຈງ່າຍຮວມຖຶງຜົນສຳຫລັບການປ່າຜົນກົດເຫລົ່ານັ້ນໃຫ້ເດັກອະນຸບານໄດ້
ຕາມທຳມະດາເດັກອະນຸບານຕ້ອງຄິດວ່າຄວາມຕ້ອງການຂອງໂຕເອງມາກ່ອນ ມັນເປັນສິ່ງທີ່ສຳຄັນທີ່ສຸດ
ສຳຫລັບພໍ່ແມ່ທີ່ຈະກະທຳຕອບໂຕ້ຄືກັນສະເໝີທຸກເທື່ອທີ່ລູກປະພຶດໂຕບໍ່ເໝາະສົມ ວິໄນເປັນສ່ວນສຳຄັນຫລາຍໃນການເປັນພໍ່ແມ່

Những trẻ trước tuổi đi học có thể được cho những luật lệ giản dị rõ ràng và những hậu qủa để hủy bỏ. Rất là tự nhiên cho những trẻ trước tuổi đi học nghĩ là nhu cầu của chúng là trước hết. Rất là quan trọng cho người lớn ứng xử phù hợp với hạnh kiểm không thích nghi của con họ.

Toilet Training
Kev siv tsev dej
ການຫັດໃຫ້ລູກໃຊ້ສ້ວມ
Huấn luyện vệ sinh

It is important to wait until your child shows definite signs of readiness before you begin toilet training. A child is usually not yet physically and mentally mature until 2 1/2 to 4 years old. Trying to toilet train your child before he/she is ready will be frustrating for both of you.

Ib qho tseemceeb uas koj yuav tau tos hais txog koj tus menyuam kev siv tsev dej yog qhov ua saib seb nws paus tau npaj txhij totaub siv tsev dej. Ib txhia menyuam tsis tau paub txaus txog thaum lawv muaj 2 1/2 txog rau 4 xyoos. Ua ntej lawv qhov noobnyoog ntwam, lawv yuav tsis paub siv tsev dej yuav ua rau neb ob leeg nyuaj siab.

ມັນສຳຄັນຫຼາຍທີ່ເຈົ້າຈະລໍຖ້າໃຫ້ລູກສະແດງເຖິງໝາຍທີ່ແນ່ນອນວ່າລາວພ້ອມກ່ອນທີ່ຈະເລີ່ມຫັດໃຫ້ລູກໃຊ້ສ້ວມ ຕາມທຳມະດາ ເດັກຈະຍັງບໍ່ໃຫຍ່ພໍທັງທາງຮ່າງກາຍ ແລະທາງຈິດໃຈຈົນອາຍຸ 2 ປີເຄິ່ງ ຫາ 4 ປີ ການພະຍາຍາມຫັດໃຫ້ລູກເຈົ້າໃຊ້ສ້ວມກ່ອນລາວພ້ອມຈະເປັນປະສົບການທີ່ເຄັດໃຫ້ເຈົ້າທັງສອງຮູ້ສຶກອຸກໃຈ

Đợi chờ cho đến khi con của bạn chứng tỏ có những dấu hiệu dứt khoát sẵn sàng trước khi bắt đầu huấn luyện vệ sinh rất là quan trọng. Đứa trẻ thường thường không sẵn sàng về thể chất lẫn tinh thần cho đến khi từ 2 tuổi rưỡi cho đến 4 tuổi. Cố gắng huấn luyện con của bạn trước khi chúng sẵn sàng và sẽ làm nản lòng cả bạn lẫn chúng.

Signs of readiness:
Yam qhia rau kev npajtxhij:
ເຄື່ອງໝາຍວ່າພ້ອມ:
Dấu hiệu sẵn sàng:

★ Fewer and more regular bowel movements
Tsawg zaus los yog ntau zaus ib txwm nws mus tso quav
ຖ່າຍບ້ອຍກວ່າເດີມ ແລະຖ່າຍປະຈຳກວ່າເດີມ
Đi đại tiện vài hoặc nhiều lần thường xuyên

★ Stays dry for 2 to 3 hours
Nyob kom qhuav txog li 2 rau 3 teev
ຢ້າວ້ອມແຫ້ງສອງສາມຊົ່ວໂມງ
Giữ khô 2 hai 3 tiếng đồng hồ

★ Makes facial expressions and sounds indicating they were urinating or having a bowel movement in diaper
Ua lub ntsejmuag txawv thiab suab txawv qhia haistias nws tso zis los yog tso quav hauv nws daim ntaub tiag pobtw lawm
ເຮັດໜ້າ ແລະເຮັດສຽງໃຫ້ຮູ້ເວລາທີ່ລາວຍ່ຽວ ຫລືຖ່າຍຫ້ອງໃນຢ້າວ້ອມ
Biểu lộ ra mặt và có những tiếng động chỉ rõ rằng chúng đã tiểu tiện hay đại tiện ở trong tã

★ Stops what they are doing to relieve him/herself (in diaper in private)
Txwv kom tsis txhob ua dabtsi nws thiaj li los siav mentsis (hauv daim tiag pobtw hauv ib chav ntsiag to)
ເຊົາທຸກສິ່ງທີ່ເຮັດຢູ່ເພື່ອຖ່າຍ (ໃນຢ້າວ້ອມ)
Ngưng làm những gì chúng đang làm để tiểu tiện (ở trong tã ở chỗ riêng tư)

★ Lets you know he/she has relieved him/herself
Qhia rau koj paub haistias nws twb los siav lawm
ບອກເຈົ້າເມື່ອລາວຖ່າຍແລ້ວ
Cho bạn biết chúng đã tiểu tiện hoặc đại tiện

- ★ Expresses concern for cleanliness and orderliness
  Qhia txog kev txhawjxeeb rau kev huv thiab sib nrawg nroos
  ສະແດງຄວາມເປັນຫ່ວງເປັນໃຍຄວາມສະອາດ ແລະລະບຽບ
  Biểu lộ sự quan tâm cho việc làm sạch sẽ và ngăn nắp

- ★ Copies you or other family members in bathroom
  Qog koj los yog lwm tsev neeg hauv chav tsev dej
  ເລັ່ຽຕາມເຈົ້າ ຫລືຄົນອື່ນໃນຄອບຄົວເວລາເຂົ້າຫ້ອງນ້ຳ
  Bắt chước bạn hay những người khác ở trong phòng tắm

If you need advise on toilet training consult your health care provider or contact your local health department for additional information.

Yog koj xav tau tswvyim txog kev siv tsev dej tham nrog koj tus kws tshuaj los yog hu rau koj qhov chaw tshuaj mob txog lwmyam.

ຖ້າເຈົ້າຕ້ອງການຄຳແນະນຳໃນການຫັດໃຫ້ລູກໃຊ້ສ້ວມ ໃຫ້ເຈົ້າປຶກສາໝໍປະຈຳຂອງເຈົ້າ
ຫລືຕິດຕໍ່ກົມສາທາລະນຸສຸກປະຈຳທ້ອງຖິ່ນຂອງເຈົ້າເພື່ອໄດ້ຂ່າວສານເພີ່ມເຕີມ

Nếu bạn cần sự cố vấn cho việc huấn luyện vệ sinh, bạn hãy tham khảo với nơi cung cấp sức khỏe cho bạn hay liên lạc với bộ Y tế địa phương để thêm chi tiết.

We hope that this information will help you to understand more about child growth and development. Remember your baby is an individual and will go through these stages of development at their own rate. If you have any concerns or questions regarding your baby's development, consult your health care provider.

Peb xav hais tias cov ntawv no yuav pab tau koj totaub ntau mentsis txog menyuam kev loj hlob. Nco ntsoov hais tias koj tus menyuam yog ib tug uas yuav taug tej qib kev loj hlob raws li lawv theem. Yog koj muaj lus nug los yog kev txhawjxeeb txog koj tus menyuam kev loj hlob no nrog koj tus kws tshuaj tham.

ພວກເຮົາຫວັງວ່າຂ່າວສານນີ້ຈະຊ່ອຍເຈົ້າເຂົ້າໃຈການເຕີບໂຕ ແລະ ການພັດທະນາຂອງເດັກຫຼາຍຂຶ້ນ ໃຫ້ເຈົ້າຈື່ຈຳວ່າລູກເຈົ້າບໍ່ຄືຄົນອື່ນ ແລະຈະຜ່ານຂັ້ນຕອນການພັດທະນາຕາມຄວາມໄຫວຂອງໂຕເອງ ຄັນເຈົ້າມີຄວາມກັງວົນ ຫລືຄຳຖາມເລື່ອງການພັດທະນາຂອງລູກເຈົ້າ ຂໍໃຫ້ປຶກສາໝໍປະຈຳຂອງເຈົ້າ

Chúng tôi hy vọng rằng chi tiết này sẽ giúp bạn hiểu nhiều hơn về sự tăng trưởng và phát triển của con bạn. Bạn hãy nhớ rằng con bạn là một cá nhân và sẽ trải qua những giai đoạn này trong sự tăng trưởng với sức của chúng. Nếu bạn có những quan tâm hay những câu hỏi liên quan đến sự tăng trưởng của con bạn, bạn hãy tham khảo với cơ quan cung cấp sức khỏe của bạn.

Developed in Partnership
With
Allina Health System
and
Multi-Cultural Educational Services

Funded By
Minnesota Department of Children,
Families and Learning

Multi-Cultural Educational Services
832 104th Lane NW
Coon Rapids, MN 55433
(763) 767-7786

BEST COPY AVAILABLE

GROWTH AND DEVELOPMENT

PIÄTH KƐNƐ CIAŋ ŋÄƆÄ ŋƆANI

Nuer

١النمو و التطور

Arabic

KORITAANKA IYO HORUMARKA

Somali

By Anoka County Community
Health and Environmental Services

BEST COPY AVAILABLE

GROWTH AND DEVELOPMENT

was funded by a
Building Culturally Competent Programs Grant
from the Minnesota Department of Children, Families, and Learning

written by
Anoka County Community Health and Environmental Services

and
developed in partnership with
Allina Health System
and
Multi-Cultural Educational Services

1998

We wish to acknowledge the following for their contributions to this effort

Translated by
Matt Kueth
Afaf Kouatli
Mohamed Diriye Abdullahi

Photography by Claire Mckinley

Babies go through various stages of development. Not all children do the same things at the same ages. Learning takes place during all daily activities such as playtime, mealtime, bathing, dressing, and quiet time. Children need a variety of experiences. Children need adults that will listen and answer questions.

Gaat la ciaŋ pɛlkä ɛ görkɛ kɛ dup tį nyin ŋuan. Gaat dial tin pär run kiɛn /ca lątkɛ nį kɛl (/ca ląt kɛ nį mį pär) I kɛ yöö pär run kiɛn. Ŋäc ŋɔanį ŋac kɛ jɛ kɛ dup dial ti ŋuan cet kɛ guäth ŋari, guäth miäth, guäth puɔkä, guäth lath biäyni, amäni mi thilɛ mi lat kɛ bä. Gaat gör kɛ ŋic kɛ ŋari. Gaat gör kɛ ni ram mi dit mi bi nyin kiɛn tin lat kɛn kɛ liŋ kä luoc thieeni kiɛn.

الاطفال يمرون بمختلف مراحل التطور .لا يعمل كل الاطفال الاشياء نفسها في الاعمار نفسها.
التعليم ياخذ مكانا اثناء كل النشاطات اليومية مثل وقت اللعب ، اثناء الوجبات ، الاستحمام،
اللبس ، و في اوقات الهدوء . الاطفال بحاجة لمختلف الخبرات . الاطفال بحاجة للبالغين
الذين يسمعون و يجيبون على الاسئلة.

Ilmuhu waxa ay soo maraan dhawr heer oo koritaan ah. Caruurta oo dhami ma samayso isku wax da' gudaheed. Waxbarashadu waa ay u socotaa dhamaan wakhtiyada ay ku jiraan ciyaar, cunto cunis, maydhaso/qubays, dhar gashiga, iyo wakhtiga nasashada. Caruurtu waxa ay u baahan yihiin noocyo kala duwan oo waayo-aragnimo barad ah. Caruurtu waxa ay u baahan yihiin dad-waawayn oo dhagaysta ka na jawaaba su'aalahooda.

"Different cultures have different child rearing practices which influence the course of their children's development". There are strengths in every culture. Children learn to adapt to the demands of their culture.

Ciaŋ ŋiäc kä min ŋiäc kɛ gaat wiŋ dial te kɛ däk, min lot nį ŋic ciɛŋä ŋäcä ŋɔanį kä gaat. Cɛŋ dial tin ciɛŋ kɛ naath wiŋ dial tį göl te kɛn kɛ ŋuɔt tį buɔm buɔm. Gaat la ŋɔak ɛ ŋac kɛ, kä la dɔap kɛ nį ciaŋ diëthni kiɛn kiɛ ciaŋ in pith kɛ thin.

مختلف الحضارات لها مختلف الخبراتلخلفية الولد التي تؤثر في تطور سلوك
الاولاد . هنالك اسس في كل حضارة.الاولاد يتعلمون ان يتكيفوا لمتطلبات حضارتهم.

Dhaqamada kala duwan ee aduunku waxa ay leehiin caadooyin kala duwan oo ku saabsan korida caruurta kuwaa oo saameeyaa taxanaha koritaanka ilmaha. Dhaqan waliba waxa u leeyahay meelo u xoog ah. Caruurtu waxa ay barataa in ay la qabsadaan filishada dhaqankooda iyo dadkooda.

1

This book will describe what to expect from ages birth to five years. Suggestions for discipline and play time activities will be given that will increase learning.

Book ɛmɛ bɛ jɨ lat min lotɔ kɛ yöö derɨ lat nɨ däp kä du amänɨ mɨ cɨ te kɛ run dhiec. Cär ciɛŋ kä kɛnɛ cär guath ŋarɨ de ŋäc ŋɔanɨ gatkä rep.

هذا الكتاب سيصف ماذا يتوقع من سن الولادةالى سن الخمس سنوات. الاقتراحات للتاديب
و نشاطات وقت اللعب المعطاة ستنمي التعليم.

Buugani waxa u sharixi doonaa waxa laga filan karo caruurta da'doodu u dhaxayso dhalasho ilaa shan sannadood. Waxa la soo jeedin doonaa talooyin ku saabsan edbinta iyo wakhtiyada ciyaarta kuwaa oo kordhin doona waxbarashada.

TALKING AND LISTENING

Ruac kɛnɛ liäŋ

التحدث و الاستماع

HADALKA IYO DHAGAYSIGA

How and how often parents and caregivers communicate with a baby, especially during the first year, can have a very strong impact on his/her brain development for the rest of his/her life.

Ɛ pek mɨ nɨn dɨ lɛ dieth gaan kɛnɛ nɛi tin rɔam kɛ gaat a ljŋ rɔdiɛn kɛ gaatɔ, kä lɛ kɛn rɔdiɛn ɛ liŋ I dɨ, kɛ ruɔn diɛn in nhiam, jɛn pithɛ ŋäc ŋɔanɨ mɨ gɔa rɛi ŋithkä gatä rɛi tekä dɛ.

كيف وكيف غالبا يتعامل الاهالي و المعتنون مع الطفل، خاصة اثناء السنة الاولى،ايستطيعون
ان يملكوا تاثيرا قويا على تطور عقله -عقلها لباقي حياته - حياتها.

Sida iyo inta jeer ee ay waalidku iyo xanaano-bixiyayaashu ay la hadlaan ilmaha, khaas ahaan sannadka ugu horeeya ee ilmaha, waxa ay aad u saamayn kartaa horumarka maskaxda ilmaha inta nolosha uga hadhay/hartay.

Suggestions
Läŋ
الاقتراحات
Talooyin

* Talk to your baby
  Ruac nj kɛ gat du
  تحدث الى طفلك
  La hadal ilmahaaga

* Read to your baby
  ŋic nj gatdu kɛ kuen
  إقرا لطفلك
  Wax u akhri ilmahaaga

* Hold your baby
  Rɔm gatdu
  إحمل طفلك
  Gacmaha ku hay ilmahaaga

* Use an encouraging tone, be responsive, show interest, smile
  Lat riät comkä kɛ jɔw mj gɔa, jaknj ŋɔak dial kä thiak, nyothɛ ɛn yöö nhɔkj min lät gatɛ, dɔl tɔk
  استعمل الاسلوب المشجعكن مستجيبا، اره الاهتمام ، إبتسم
  Isticmaal cod dhiirigalin ama bogaadin leh, u noqo qof dhago-nugul, tus xiise, u dhoolo-cadee

* Point to and name objects, body parts, sizes, colors, numbers, times
  Nyoth duɔr kä lar ciötdɛ, cuɔŋ puɔny ran, pɛk ŋɔanj, biɛl ŋɔanj, kɛ kuen kɛ ɛwnj, kuen thaanj
  دل على الاشياء و سمها،اجزاء الجسم،الالوان،الأرقام ، الوقت
  U tilmaan u na magacaw shayada, qaybaha jidhka/jirka, cabirada, midabada, tirooyinka, iyo wakhtiyada

* Demonstrate action words, feelings
  Lat riät tj pɛlkä tj gɔw, jak nj lɔcdɛ kä tɛth
  اظهر عمل الكلمات ، الشعور
  Tusaalee kalmadaha fal sheegaya, dareenka

* Listen to your child, try to understand his/her words
  Liŋ gatdu, yɔnɛ ɛn yöö bi riät kɛ tin latɛ liŋ
  إستمع إلى طفلك، حاول ان تفهم كلماته-كلماتها
  Dhagayso ilmahaaga, isku day in ad fahamtid kalmadiisa/kalmadaheeda

* Point out new things
  Nyuth ni jɛ tin kuicɛ
  إستطلع الاشياء الجديدة
  U tilmaan waxyaabaha cusub

* Ask your child to look for things
  Lap ni ja jäki bɛ ŋɔak wä gör
  اطلب من طفلك الاطلاع على الاشياء
  Waydii ilmahaaga in u daydayo shayo

* Offer positive feedback, praise your baby
  Nyoth ciaŋ mi gɔa, jak ni gatdu kä mi rɛl rɔdɛ, lap ni ja com mi
  قدم له المشاعر الايجابية الحسنة، امدح طفلك
  U celi jawaab, amaan ilmaahaga

For many immigrant and refugee families, English is not their primary language. Parents may be learning a new language at the same time as their children. It is harder for adults to acquire a new language so be patient!

Riw nɛni tin bä wini tj kɔkiɛn kɛnɛ gɔal nɛni tin rɔ[illegible]ith, thok liŋɛlithni /ciɛ jɛn thodiɛn. Dɔŋ de nɛi tin dit thok mi kuje kɛnɛ gör kɛ gaat kiɛn kɛl. Bɛɛ ɛ lɔŋ ɛn yöö de ram mi dit thok mi kuicɛ mal ŋac duŋ ni yöö päli ni lɔc du piny!

لإكثر المهاجرين والعائلات اللاجئة ، اللغة الانكليزية ليست لغتهم الاساسية . الاهالي
ممكن ان يتعلموا لغة جديدة في نفس الوقت مثل اولادهم .و لكنه من الاصعب للبالغين ان
يكتسبوا لغة جديدة إذن كن صبورا .

Dad badan oo ka mid ah qoysaska soo guuray iyo kuwa qaxootiga ah, afka Ingiriisku ma aha afkooda koobaad. Waxa dhici karta in waalidku ay ku jiraan barashada af cusub isla wakhtiga caruurtoodu baranayso afka cusub. Dadka waawayn barashada af cusubi ugu ma fududa sida u caruurta ugu fudud yahay hadaba samir yeelo.

Although it is important to learn English as a second language, primary languages are an important part of all cultures. Immigrant and refugee communities should continue speaking their primary language and encourage and teach the importance of this to their children. Some communities are offering summer camps or community classes that teach native language and cultural practices. Primary language can help children to feel connected to their culture, traditions and heritage, and build pride and confidence.

Ɛ mi gɔa ɛn yöö deri thok liŋɛlithni gör ɛ la thok in rɛwdɛ, thok in dieth kɛ ran ɛ jɛn thok in pith kɛ ji bä. Nɛi tin bä wini kɔkieni kɛnɛ nɛi tin rɔpijiith de kɛ ŋot kɛ mi ruackɛ kɛ thuk kiɛn kä de kɛn rɔdiɛn com kä de kɛn ti gɔw ɛ ti kɛ kui dhöli ŋic kä rɔdiɛn. Thaa naath la këmni ɛ rial kɛ kä kiɛ duel gɔrkä ti bi kɛ Rodiɛn ŋiäc thin kɛnɛ ciaŋ in la cieŋkɛ kɛ rɛi weydiɛn. Thok in ruac kɛ dieth gan luäkɛ gaat kɛ yöö ba ciaŋ diethni kiɛn guɔr, kä bi kɛ te kɛ luth kɛnɛ liäp bitkä, kɛ pël kɛnɛ ŋäc ŋɔani mi dit.

على كل الاحوال من المهم تعلم اللغة الانكليزية كلغة ثانية، اللغات الاساسية جزء مهم من كل الحضارات . مجموعة المهاجرين و اللاجئين يجب عليها الاستمرار بالتكلم بلغتها الاساسية و تشجيعها و تعليمها اهمية ذلك لاولادهم. بعض المجموعات تقدم مخيمات صيفية او مجموعات دراسية تدرس لغتهم الام و التدريبات الثقافية . اللغة الاساسيه تستطيع مساعدة الاولاد على الشعور بالاتصال بثقافتهم و تقاليدهم و تراثهم، و تنمي الاعتداد بالنفس و الثقة

In kasta oo ay muhiim tahay barashada Ingiriisigu, hadana afafka koobaad waxa ay ka mid yihiin waxyaabaha u mihiimka ah dhaqanada oo dhan. Beelaha soo guray iyo kuwa qaxootiga ah waa in ay sii wadaan ku hadalka afkooda koobaad caruutooda na ku dhiirigaliyaan baraan na muhimada ay leeyaday arrintani.

DISCIPLINE
Ŋic kɛ ɣöö ba ŋɔak ŋac
المعاقبة
EDEBTA

The purpose of disciplining young children is to help them learn how to behave. Discipline is setting limits and teaching respect for people, animals and property. Discipline is a gradual process. Children learn a great deal by watching how you behave.

Luɔt ŋickä nɛmɛ kä gaat tin ŋuëni ɛ ɣöö bɛ kɛ luäk kɛ ɣöö ba ciaŋ luthkä ŋac. Ŋic ɛ mɔ la ran ɛ mocɛ päl lɔac piny kä ŋicɛ gaat kɛ luth naath, ley kɛnɛ ŋɔani tin kɔkiɛn. Ŋic ɛmɛ matɛ ŋɔani ti nyin ŋuan. Gaat la ti ŋuan ɛ ŋackɛ kɛ guäcdiɛn kɛ min latkɛ.

الغاية من عقاب الاولاد الصغار هو تعليمهم كيفية السلوك الصحيح . العقاب هو وضع حدود و تعليم إحترام الناس ، الحيوانات، والممتلكات.العقاب عملية تدريجية. الاولاد يتعلمون درسا عظيما برؤيتهم كيفية سلوكك.

Ulajeedada edbinta caruurta laga leeyahay waa in laga caawiyo sidii ay asluub ugu dhaqmi lahaayeen. Edbinta macnaheedu waxa weeye samayn xad iyo barida in ay ixtiraam u yeeshaan dadka, xoolaha, iyo maalka. Edebtu waa arrin hadba in yar timaada. Caruurtu waxa wax badan ay ka bartaan daawashada edebta adigu ad ku dhaqmaysid.

Discipline should be fair, firm, patient, consistent, and age appropriate. It is good to set positive limits (tell what to do rather than what not to do). Use honest praise. Avoid shaming and sarcasm. Spanking is not recommended as a way to discipline. It can be dangerous when an angry parent hits a child. There is evidence that spanking teaches a child that hitting or violence is the way to deal with frustrating experiences.

Ŋic ɛmɔ ɛ ŋic mi gɔa, jɛn /thilɛ jɛ waŋ lɔac, të kɛ liäp bitkä, të kɛ päl lɔac piny, kä të kɛ luth kɛ ram mi dit. Jɛn ɛ mi gɔa mi de thuɔk lath guäthdɛ (lärɛ ji min deri lat ɛ /ci mɔa min /ci de lat). Nyothɛ luth. Jɛn wocɛ ciaŋ pöckä kɛnɛ thil lɔac. Ciaŋ nyiär /cɛ te rɛi ciɛŋä ŋicä nɔmɔ. La bɛcɛ ɛ loŋ mɔ ci dieth gatkä ti ji gak gatdiɛn nyin rɔ. La cua të kɛ mi wä lɔc gatkä nɔmɔ ɛn ɣöö nyir kiɛ näk naath kɛ ti gɔw ti de ran kɛ ŋac rɛi ciɛŋ kä dɛ.

العقاب يجب ان يكون عادلا ، حازما ، صبورا، ثابتا على مبدا، و حسب السن المناسب . من الجيد ان تضع الحدود الايجابية (اخبره ماذا يجب عمله او مالا يجب عمله).إستعمل الثناء الصادق . تجنب التخجيل و التهكم . الضرب لاينصح به كطريقة للعقاب.ر بمايكون خطرا عندما يكون الاهل غاضبون عند ضرب الولد. هنالك دليل ان الضرب يعلم الولد ان الضرب او القسوة هي طريقة للتعامل مع الخبرات المخيبة.

Edbintu waa in ay tahay cadaalad, tu leh ku-adkaysi, samir, iyo isbedel lahaan, ku na haboon da'da. Waxa fiican il la cadeeyo xadka suuban (sheeg waxa ay tahay in ilmuhu sameeyo halka ad ka sheegi lahayd waxa loo diidan yahay). Isticmaal amaan niyad ah. Ka fagaw ceebaynta iyo dhago-ku-hadalka caruurta. Dhirbaaxada lama ogala in loo isticmaalo hab edbin. Waxa iman karaa khatar marka waalid xanaagsani wax ku dhufto ilmo. Waxa la hayaa hubaal sheegaysa in dhirbaaxadu ay barayso ilmaha in dilka iyo faro-saarku ay yihiin hab lagu xaliyo arrintii dhib kugu haysa.

BABIES (INFANT 18 MONTHS)
Gaat (dhöli tin ruɔri tin të kɛ päth 18)
الاطفال (الطفل بسن ١٨ شهرا)
ILMAHA YAR (ILMAHA JIRA 18 BILOOD)

Your child should be able to do most things other children of the same age are doing. This may not be true if your child was born early, with a low birth weight, or has special needs. If you have questions or concerns regarding your baby's development, consult your health care provider.

Gatdu derɛ tị nyin ŋuan lat tị /ca de lat ɛ gaat tin kɔŋ tin rịc nị kɛ. Mɛmɛ bä cɛ dia thuɔk mị cäŋ cị mal dap, kä kuịy wëëc gatdu kiɛ cị nin dapkä dak kiɛ të kɛ mị diw rɔdɛ puɔny gatkä. Mị tị kɛ thiec kiɛ mị derị duɔr mat thịn kɛ kuị ciɛŋä gatdu, ruac nị kɛ jị duel walu.

طفلك يجب ان يكون قادرا علىعمل اكثر الاشياء التي يقوم بها الاطفال الآخرون بنفس العمر. ربما هذا لا يكون صحيحا إذا كان ولدك قد خلق باكرا،بوزن ولادة منخفض،او بحاجة الى عناية خاصة . إذ كان عندك اسئلة او مهتم بخصوص نمو طفلك،إستشر مركز العناية الصحية التابع لها.

Ilmahaagu waa in u awoodaa in u sameeyo badi waxyaabaha ay samaynayaan caruurta kale ee da'diisa ah. Waxa dhici karta in aan taasi aanay dhicin haddii ilmahaagu hore u dhashay, ama u lahaa miisaan dhalasho oo yar, ama u leeyahay baahi gaar ah. Haddii ad qabtid su'aalo ama walwal ku saabsan kori-taank ilmahaaga, la xidhiidh/xiriir dhakhtarkaaga ama cisbitaalkaaga.

The following is a list of what to expect children to do between birth and 18 months.

Tɔ bä kɔr tɔnj kɛ tin luɔt kɛ rö kɛ yöö de gat kɛ lat nj däp kä dɛ a wä nj kä mj cɛ te run wälbädäk.

التالي قائمة بما تتوقع من الاطفال بين سن الولادة و ١٨ شهرا.

Waxyaabahan soo socda waa waxa laga filan karo ilmaha u dhexeeya dhalasho iyo 18 bilood.

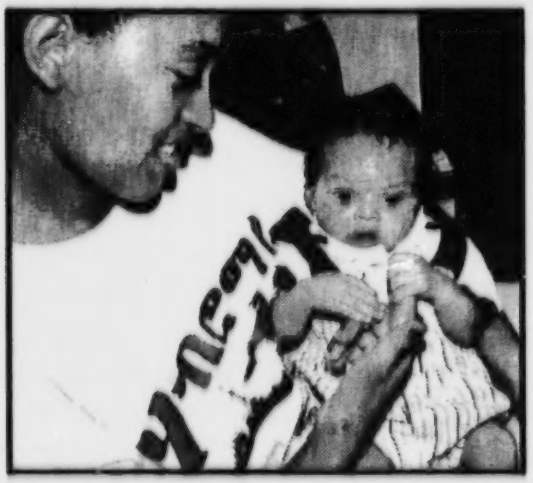

Newborn
Tin pay dap
حديث الولادة
ILMO DHASHAY

____ Keeps arms and legs curled close to the body with hands clenched most of the time
Lap nj tëtkɛ kɛnɛ ciökkɛ ɛ jakä thiek kɛ puɔnydɛ kä lap nj wjdɛ ɛ jakä te cuŋ kä guäth nj dial
يبقي الذراعين والساقين ملتفة قرب الجسم و الايدي مطبقة باحكام معظم الوقت
Waxa u isu keenaa gacmaha iyo lugaha iyada oo faruhu na ay xidhan/xiran yihiin wakhtiga inta badan

____ Grasps a finger or object for a short time
Käp yiat kiɛ duɔr kɛ guäth mj tɔt
يمسك الاصبع او الشئ لمدة قصيرة
Waxa u mudo yar ku dhagaa far ama shay

____ Crying is the way a newborn talks to you
Gat mj tɔt la rɔda liŋɛ kɛ naath kɛ wiä
البكاء هو الوسيلة الوحيدة لحديث الولادة للتحدث اليك
Oohintu waa habka ilmaha yari u kugula hadlo

3 Months
Päth diɔk
٣ أشهر
Saddex Bilood

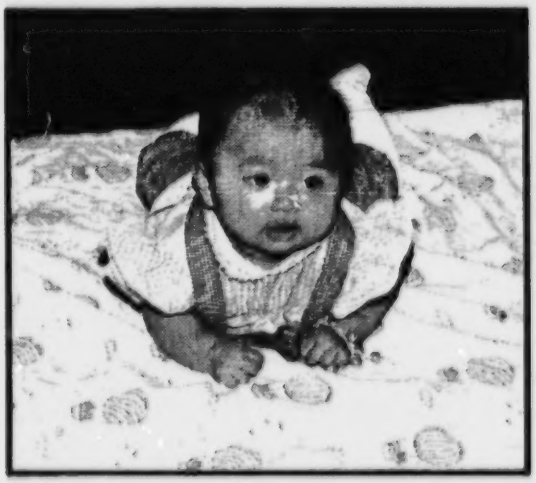

____ Responds to loud sounds
La ruacɛ kɛ jɔw mị dịt
يستجيب للاصوات العالية
Waa u nuuxsadaa ama dhaqdhaqaaqa
marka u sanqadh/sanqar maqlo

____ Smiles
La duɔth ɛ duothɛ
يبتسم
Waa u dhalo-cadeeyaa

____ Wiggles and kicks with legs and arms
La të nyɔŋ nyɔŋ kä kuetɛ kɛ ciökɛ kɛnɛ tëtkɛ
يتهزهز و يرفس بساقيه وذراعيه
Waxa u haraati iyo dhaqdhaqaaq ku sameeyaa lugaha iyo gacmaha

____ Lifts head and chest while lying on stomach
La wjdɛ kɛnɛ kawdɛ a kapɛ nhial mị të tɔckä
يرفع رأسه وصدره اثناء تمدده على بطنه
Waxa u madaxa iyo laabta sare u qaadaa marka u caloosha u jiifo

____ Moves eyes in the same direction together
La wäŋ ka rjtɛ kuj kɛl kɛl
يحرك عينيه في نفس الإتجاه سويا
Waxa u labada indhood u wada dhaqaajiya hal jiho

____ Makes cooing sounds
La röt ɛ rötɛ
يصدر اصوات مناغاة
Waxa u sameeya cod guux ah

6 Months
Päth bäkɛl
٦ اشهر
6 Bilood

—— Responds to familiar faces
La ram mi ŋäcɛ a ŋicɛ
يستجيب للوجوه المالوفة
Waxa u muujiyaa garasho wajiyada u yaqaano

—— Vocalizes a variety of sounds
La wiäyɛ kɛ jiöth ti nyin ŋuan tɨ göl
يلفظ اصواتا مختلفة
Waxa u sameeya noocyo dhawr ah oo codad ah

—— Turns towards source of sound
La rɔdɛ ɛ ritɛ kujɛ ɛn bä jɔw thin
يستدير ناحية مصدر الصوت
Waxa uu u jeestaa dhinaca sanqadhu/sanqartu ay ka imanayso

—— Rolls from stomach to back
Mi të bupkä la rɔda tarɛ
يتدحرج من بطنه على ظهره
Waxa u iska rogga caloosha oo u rogmaa dhabarka

—— Follows moving objects with eyes
La mi jäl ɛ gurɛ kɛ waŋdɛ
يلاحق تحرك الأشياء بعينيه
Waxa u indhaha la raaca shayada socda

—— Reaches for dangling objects
La mi te lɔth lɔth ɛ cäpɛ
يتناول الاشياء المتدلية
Waxa u tiigsadaa waxyaabaha soo laadlaada

—— Bangs or shakes rattle
La wakɛ kɛ jɔw mi dit kiɛ bɛ kjim kä kuetɛ
يضرب او يهز الخشخيشة
Waxa u garaacaa ama sanqadhiyaa/sanqariyaa shuguca ama wax ruxmaya

9 Months
Päth bäguan
٩ اشهر
9 Bilood

—— Babbles
La röt ɛ rötɛ
المناغاة
Waa u hadaaqaa

—— Reaches for objects and picks them up
La ŋɔak ɛ käpɛ kä bɛ kɛ kap nhial
يمد يده للاشياء و يلتقتها
Waxa u tiigsadaa shayada soo na qaataa

—— Transfers objects from one hand to other
La duɔr ɛ käpɛ kɛ tët kɛl kä bɛ gual tëtkä min dɔdiɛn
ينقل الاشياء من يد الى اخرى
Waxa u shay gacan u ku hayo u gudbiyaa ta kale

—— Plays peek-a-boo and pat-a-cake
La ŋarɛ kɛ tin gɔw tin la ŋar kɛ gaat
يلعب الإستغماء و التربيته (ضرب الاكف)
Waxa u ciyaaraa ciyaarta waan-ku-arkaa ama
waji qarqaris iyo ciyaarta baabaco-ku-simid

—— Plays with toes
La ŋarɛ kɛ tɔyŋ
يلعب باصابع رجليه
Waxa u ku ciyaaraa faraha lugaha

—— Crawls on tummy
La rɔyɛ kɛ bapdɛ
يحبو على البطن
Waxa u ku gurguurtaa caloosha

—— Sits without help
La nyurɛ kä rɔadɛ
يجلس بدون مساعدة
Waxa u fadhiistaa gargaar la'aan

—— Takes pureed food without difficulty
La kuän mɨ del del ɛ camɛ kä cɛ bɨ dëc
يتناول الاطعمة المهروسة بدون صعوبة
Waxa u qaataa cuntadii mishaali ama shuuro
socota ah dhibaato la'aan

12 Months
Päth wälrɛw
١٢ شهرا
12 Bilood

— Crawls on hands and knees
La mɔalɛ kɛ mɔalkɛ kɛnɛ tëtkɛ
يحبو على يديه و ركبتيه
Waxa u ku gurguurtaa gacmaha iyo jilbaha

— Pulls to a standing position
La rɔda rɔmɛ kɛ duɔr bɛ cuɔŋ kɛ jɛ
يشد لوضعية الوقوف
Waa u joogsadaa marka u meel qabsado

— Drinks from a covered cup
La mäthɛ kɛ kubay mi̱ të kɛ kum
يشرب من كوب مغطى
Waxa u wax ku cabaa koob dabool leh

— Puts objects into containers
La ŋɔani̱ ɛ pikɛ rɛi kuakni̱
يضع الأشياء داخل الأوعيه
Waxa u wax ku ridaa weel

— Stacks two blocks
La ŋɔak ɛ carɛ ɛ bi̱ kɛ wä ni̱ kä döri̱ da̱ŋ rɛw
يضع مكعبين فوق بعض
Waxa u is dulsaaraa labo lakab ama shay

— Feeds self finger food
La mi̱thɛ kɛ tëtdɛ
يطعم نفسه الأطعمه التي تتناول باليد
Waxa u keligii cuni karaa cuntada faro-qaad leh

— Waves bye-bye
La malɛ ɛ larɛ kɛ tëtdɛ
يلوح مودعا
Waxa u gacanta u ruxaa nabadeey ama bay-bay

Infancy (birth through 18 months) is a period of fast growth and rapid development. Infants nearly triple in weight, learn to walk, gain skills in feeding themselves, and develop early language skills during this time.

Gaat tin nyin tiɛnj (tin pay dap ɛ wä kä tin te kɛ päth 18) ɛ jɛn guath piäthdiɛn kä ɛ jɛn guath in lɛ kɛn ŋäc ŋɔanj malɛ jek thin. Gaat tj thiak tinj wecdiɛn (thiakdiɛn) djtɛ, gör kɛn jal, ŋac kɛ cap tin de kɛn rɔdiɛn miäth kɛ kɛ, kä ŋac kɛ thuk të nhiam kɛ jɛn guath ɛmɛ.

الطفولة(من المولد حتى ١٨ شهرا)هي فترة نمو سريع و تطو رسريع . الاطفال يزداد
وزنهم ثلاث مرات تقريبا، يتعلمون المشي، يكتسبون مهارات في إطعام انفسهم،و تتطور
باكرا مهاراتهم اللغوية أثناء هذه الفترة.

Da'da u ilmuhu aad u yar yahay (dhalashada ilaa 18 bilood) waa wakhti leh koritaan iyo horumar degdeg ah. Ilmaha waxa ku soo kordha miisaan ku dhaw saddex-jibaar; waxa ay bartaan socod; waxa ay bartaan sida cuntada la isu siiyo, waxa kale oo yeeshaan farsamada hadalka wakhtigan.

By responding sooner to your baby's needs, he will develop a better sense of trust. It is good to hold and cuddle your baby. Babies need attention from their parents. This helps build positive self esteem (feeling lovable, capable, and accepted).

Mj cj gaatku mal ŋiäc kɛ tin gör gaat kɛ bj kɛ cuŋ gaat tj gɔw, kä bj kɛn ciaŋ luthkä pieth ɾɛi diɛn. Ɛ mj gɔa ɛn ɣöö derj gatdu rɔm kä derj jɛ buɔm puŋnydu. Gaat gör kɛn tit mj gɔa kä dieth kiɛn. Nɛmɛ ŋjcɛ gaat kɛ ciaŋ mj thuŋk (mocɛ kɛ nhök, mocɛ kɛ ŋäc ŋɔanj, kɛnɛ nhök).

من الافضل ان تكون إستجابتك سريعة لإحتياجات الولد،و هذا سينمي شعور الثقة.
من الافضل ان تحمل و تحضن طفلك.الاطفال بحاجة للإهتمام من أهاليهم.هذا يساعد على
البناء الإيجابي لتقدير نفسه (الشعور بانه محبوب ، كفؤ، و مقبول)

Wakhtiba wakhtigii u ka sii horeeyo ee ad haqab-tirtid baahida ilmahaaga ka wanaagsan, waxa na u yeelan doonaa dareen isku-kalsooni ah. Waa ay wanaagsan tahay in ad haysid ilmahaaga oo ad laabta ku xejisid. Ilmuhu waxa u waalidkii uga baahan yahay xanaano iyo war-ka-hayn. Taasi waxa ay ilmaha u dhisaysaa niyad wanaagsan (ama dareen ah in la jecel yahay, ama awood leeyahay, iyo in raali laga yahay).

Some behaviors at this developmental level can be very frustrating for parents but are perfectly normal. It is normal for babies to cry but it can be hard to listen to. Newborns cry an average of 2 1/2 hours per day. Babies cry when they are hungry, tired, wet, too hot or cold, if their tummy hurts, or when they want to be held.

Thää cɛŋ nį tin pith kɛ gaat ɛn rɛi ciɛŋ kä nɛmɛ lɛ kɛn wįc diethnį gaan ɛ gäy, duŋ nį yöö thilɛ kɛ luɔt. Thilɛ riɛk mį wiä gat duŋ nį yöö lɛ liäŋdɛ ɛ bɛɛ ɛ lɔŋ. Gaat tin pay dap lɛ kɛnɛ wiä kɛ thąnį 2 1/2 kɛ cäŋ kɛl. Gaat lɛ kɛnɛ wiä mį cį bɔth kɛ näk, mį cį kɛ cuuc, mį yɔc puɔnydiɛn, mį leth piny kiɛ kɔc piny, mį bɛɛ jidiɛn, kiɛ mį gör kɛn yöö ba kɛ rɔm.

بعض السلوك بهذا المستوى للنمو ممكن ان يكون مخيباجدا للاهل و لكنه طبيعي تماما.
من الطبيعي للأطفال ان يبكو ا و لكن ربما يكون من الصعب الإستماع إليهم . حديثو
الولادة يبكون بمعدل ساعتين و نصف في اليوم. الأطفال يبكون حين يكونوا جائعين ، تعبين،
مبللين ، يشعرون بالحراو البرد ، إذا كانت معدتهم تؤلمهم،و عندما يريدون ان يحملوا.

Dhaqanka ilmaha qaarkood marka ay ku jiraan heerkan koritaankooda waxa dhici karaa in waalidku dhibsado laakin dhaqankaasi waa u caadi ilmaha. Waa u caadi ilmaha in ay ooyaan laakin taa dhagaysigeedu waa dhib. Ilmaha dhashay waxa ay celcelis ahaan ooyi karaan 2 _ saacadood maalintii. Ilmuhu waxa ay ooyaan marka ay gaajo hayso, marka ay daalaan, qoyan yihiin, ay aad u kulul yihiin ama qabaw yihiin, haddii calooshu xanuunto, ama marka ay doonayaan in la hayo.

Older infants are good at making messes (example: at meal time). Feeding themselves can be messy but it is an important part of development. Older infants (12 - 18 months) will begin to express anger and frustration. They are more mobile at this age and often do not respond to parents commands. It is important to provide a safe environment and proper supervision for your child.

Gaat tin cị lɛm gɔayɛ ɛn yöö de kɛn ŋɔak wër piny (ciët kɛ: guɑth miäth). Mị mịth kɛn kä rɔdiɛn lɛ kɛn ŋɔanị ɛ wɛr piny duŋ nị yöö nɔmɔ ɛ mị gɔa rɛi piäth gan. Gaat tin cị lɛm (päth 12 - päth 18) lɛ lɔc diɛn ɛ jiäk kä la kɛn ɛ kon.

الاطفال الاكبر عمرا يارعون بإشاعة الفوضى (مثلا : وقت الطعام). إطعام انفسهم ممكن
ان يكون مسببا للفوضى و لكنه جزءا مهما من النمو .الاطفال الاكبر عمرا (١٢-١٨شهرا)
سيبدأون بالغضب السريع و الإحباط . يتحركون اكثر بهذا العمر وغالبا لا ينصاعون
لاوامر الاهل. من المهم ان تقوم بتامين محيط آمن لطفلك ويكون تحت ملاحظتك الدقيقة.

Ilmaha da'doodu sannad gaadhay waxa ay aad u yaqaanaan in wax ay isku daadiyaan ama wax daadiyaan (tusaale: wakhtiga cuntada). Marka ay ilmuhu baranayaan qaadasha cuntada gargaar la'aan waa ay u isku daadin laakin taasi waa qayb muhiim ah oo ka tirsan koritaanka ilmaha. Ilmaha da'doodu gaadhay/gaartay sannad (12-18 bilood) waxa ay bilaabi doonaan in ay muujiyaaan xanaaq iyo cadhada/carada u keeno damac suuroobi waayay.

Suggested Play Time Ideas
Läri kɛ kui nyini ŋari
إقتراحات لافكا روقت اللعب
Talooyin ku Saabsan Wakhtiyada Ciyaarta

1 - 2 Months	crib mobile, ring or dumbbell-shaped rattles, music, read books, babies like to look at their parents faces
Pay 1 - kä päth 2	laŋɛ rɛp in la gaat ɛ yiɔk, nyaŋ yiɛt kiɛ landit in lɛ naath ɛ moc wuɔk, tɔy in la wiä, bul, buɔknj, gaat nhɔakɛ guäc wäŋnj dieth nj kiɛn
من شهرالى شهرين	السرير المتحرك،الحلقة او الخشخيشات، الموسيقى، الكتب، الاطفال يحبون النظرفي وجه والديهم
1 - 2 Bilood	xoolka dhaqdhaqaaqa, shuguca ama dhalaan ciyaarsiiska la ruxo, muusiko, buugaag, ilmuhu waxa ay jecel yihiin in ay eegaan wajiyada waalidkooda

3 Months	rattles, cuddly toys, bouncing bright colored balls, activity centers and play gyms, read books
Päth 3	jɔw mj pëth, tɔy mj gɔa, kurɛ nj tj të kɛ biɛl tj biɛl biɛl tj ŋuan, guäth ŋarj kɛnɛ duel tin lɛ naath ɛ ŋar kɛ kurɛ nj thjn, buɔknj
٣ أشهر	الخشخيشات،الألعاب المحبوبة للعناق، الكرات الملونة بالوان زاهية، مراكز النشاط و قاعات الرياضة ، الكتب
3 Bilood	shuguc ama dhalaan ciyaarsiiska ruxma, dhalaan ciyaarsiiska bulbusha ama dufka leh, kubadaha fudud ee leh midabo dhalaalaya, xarumaha iyo qalabka ciyaarsiiska da'dooda, buugaag

6 Months	soft washable animals and toys, cloth or heavy cardboard books, toys that make sounds, floating bath toys, soft rubber squeeze toys
Päth 6	ley tin la lakɛ kɛ thabuny kɛnɛ tɔynj, biäynj kiɛ buɔknj jiɛn tin thiak thiak, tɔy mj la wiä, tɔynj puɔkä tin la jäl, tɔy in te kɛ thubuny in la nhiac kɛ mj ŋar naath kɛ jɛ.

٦ أشهر — الحيوانات الناعمة القابلة للغسيل و الألعاب، الثياب او اغلفة الكتب الثقيلة، الألعاب التي تصدر اصواتا،الألعاب التي تطفو في الحمام، الألعاب المطاطية الناعمة القابلة للضغط

6 Bilood — dhalaan ciyaarsiis jilicsan lana maydhi/dhiqi karo, buugaagta ka samaysansan maro ama qardaas culus, dhalaan ciyaarsiisyada dhawaaq sameeya, dhalaan ciyaarsiisyada biyaha maydhashada/qubayska ku sabeeya, dhalaan ciyaarsiisyada caagga jilicsan ee la tuujiyo

---

9 Months — play interactive games with child such as Peek-a Boo, Pat-a-Cake, nonbreakable dishes, pots and pans, books

Päth 9 — la ŋarɛ kɛ ŋarį tį gɔw ɛ lɔŋ kɛnɛ gaat, cet kɛ ŋarį dhölį tin la kɛn ka nhɔk ɛ lɔŋ, ŋar kɛ kuak tin /cią tiath, dhar kɛnɛ yiöm pįnį

٩ أشهر — إلعب الألعاب القائمة على التبادل مع الطفل مثل الغميضة و التربيتة (ضرب الاكف)،الادوات الغير قابلة للكسر، القدور والمقلايات، الكتب

9 Bilood — la ciyaar ilmaha ciyaaraha wada-jirka loo ciyaaro sida waan-ku-arkaa ama waji-qarqaris, baabaco-ku-simid, suxuunta aan jabi karin, digsiyo iyo daawayaasha, buugaag

---

12 Months — toy telephone, nesting bowls or tumblers, easy puzzles, low rocking horse, point to and name body parts with your child, read books

Päth 12 — talɛpon tɔykä, kurɛ min lɛ ran yiɛt kɛ ɛ cot rɛidɛ kiɛ yiöm mąth in ca ląt kɛ nen kä thilɛ jɛ gön

١٢ شهرا — الهاتف اللعبة، طبق عش العصفور او الدحرجة، الاحاجي السهلة، الحصان الهزاز المنخفض ، أشر إلى اجزاء الجسم و سمها مع طفلك ، الكتب

12 Bilood — tilifoon dhalaan ciyaarsiis ah, madiibadaha/baaquliyada ama koobabka is gala, habaynta naqshadaha fudud, faraska rakooca; farta wax ku tilmaan u magacaw na ilmahaaga qaybaha jidhka/jirka, buugaagta

---

Disciplining Babies (Infant 18 Months)
Ŋicni dhöli (gaat tin ruɔri a wä kä tin të päth 18)
عقاب الاطفال (الطفل – ١٨ شهرا)
Edbinta Ilmaha (Ilmo yar - 18 Bilood)

During baby's first year every interaction you have with him/her is a chance to show respect and encourage cooperation. Babies are explorers. They do not understand rules. Babies do not understand time-out, saying no, or spanking. **Never shake your baby.** It could seriously hurt or even kill your baby.

Kɛ ruɔn gatkä min nhiam tin gɔw tin la lätį jɛ kɛ baŋ kä jɛ kɛ yöö nyuɔth kɛ jɛ luth kä com kɛnɛ kɛ ciaŋ kël. Gaat thilɛ kɛ lɔc. /Cį ŋɔak ɛ wä lɔc diɛn. Gaat kuic kɛn yöö de duɔr lɛ päl, kuic kɛn yöö l cä lɔk, kiɛ Kuic kɛ yöö dë jį röm tɛr. /Cu gatdu met yuɔth. De gatdu bɔt mį jiäk jek kiɛ derį gatdu näk.

اثناء السنة الاولى من عمر الطفل يجب ان تكون معه – معها في كل مخالطة لتربيه الاحترام
و تشجيعه على التعاون . الاطفال محبون للإستطلاع . لا يفهمون القواعد . الاطفال
لا يفهمون معنى إنتهى ،القول لا،او الضرب. لا تهز طفلك ابدا. ربما تؤذيه جديا او حتى
تقتله.

Inta lagu jiro sannadka ugu horeeya ee nolosha ilmaha la-dhaqan kasta oo ad la yeelataa waa fursad furan oo lagu tusi karo ixtiraam lagu na dhiirigalin karo iskaashi. Ilmuhu waa sahamin jecel yihiin. Ma fahamsana xeerarka. Ilmuhu ma fahmaan ha laga nasto wax, dhihida maya, ama dhirbaaxada. Waligaa ha ruxin ilmahaaga. Taasi waxa ay si xun u dhaawici kartaa ama dili kartaa ilmahaaga.

TODDLERS (18 MONTHS - 3 YEARS)
Gaat tin tiɛni (päth 18 - Run 3)
الاولاد الصغار (١٨ شهرا –٣ سنوات)
SOCOD BARADKA (18 BILOOD - 3 SANNADOOD

The following is a list of what to expect children to do between 18 months and 3 years.

Tɔ bä kɔr tɔnį kɛ tin de gaat kɛ lät mį cį kɛ të päth 18 ɛ wä nį kä run diɔk.

التالي قائمة بما يتوقع من الاطفال ان يعملوه بين سن ١٨ شهرا و ٣ سنوات.

Waxyaabahan soo socda waa waxa laga filan karo ilmaha u dhaxeeya 18 bilood iyo 3 sannadood.

18 Months
Päth 18
١٨ شهرا
18 Bilood

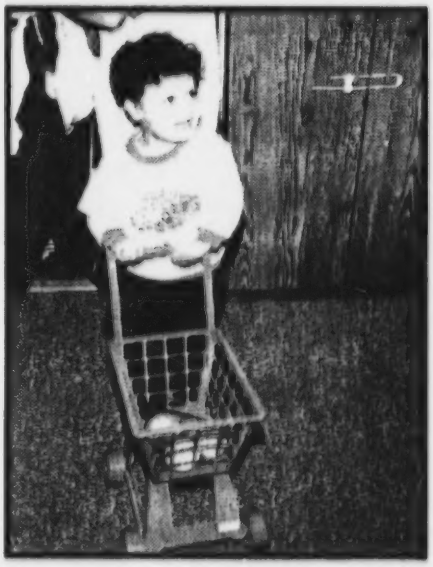

—— Likes to pull, push, and dump things
La ŋɔak ɛ thɑtɛ, la ŋɔak ɛ ɣɔkɛ, kä la ŋɔak ɛ yiäkɛ
يحب ان يشد ، يدفع، و يقلب الاشياء
Waxa u jecel yahay in wax u jiido, riixo, ama wax tuuro

—— Follows simple directions ("Bring the ball")
La mi thil luɔt ɛ gurɛ ("Nöŋ ni kurɛ")
يتبع الطلبات البسيطة ("احضر الكرة")
Waxa u raaca tilmaamaha fudud ("Keen kubada")

—— Likes to look at pictures
Nhɔkɛ guäc thurɛ ni
يحب النظر إلى الصور
Waxa u jecel yahay in u eego sawirada

—— Helps to get dressed and undressed
La biäyni kɛ ɛ läthɛ puɔnydɛ kä bɛ kɛ kam rar kä rɔadɛ
يساعد في لبس الثياب و خلعها
Waxa u qayb ka qaataa dhar gashashadiisa iyo dhar ka saaridiisa

—— Uses 8 - 10 words
La ruacɛ kɛ riät 8 - 10
يستعمل ٨ - ١٠ كلمات
Waxa u isticmaala inta u dhexaysa 8 - 10 kalmadood

—— Walks without help
La jälɛ kä rɔadɛ
يمشي بدون مساعدة
Waxa u socdaa gargaar la'aan

—— Climbs stairs on all fours
La kötɛ kɛ tëtkɛ kɛnɛ ciökɛ mi kɔtɛ tin la kɔat kɛ duel
يتسلق الدرج على يديه و رجليه
Waxa u jaranjarooyinka/salaamada ku fuula afarta adin (gacmaha iyo lugaha)

—— Steps off low objects and keeps balance
La pɛnɛ wikä mi thiëk kɛ piny kä bɛ cuŋŋ
ينزل عن الاشياء المنخفضة و يحفظ توازنه
Waxa u ka dul talaabsadaa shayada joogoodu hooseeyo isaga oo aan dhicin

—— Feeds self with spoon
La mithɛ kɛ malɛgak
يطعم نفسه بالملعقة
Waxa u cuntada isku siiyaa qaado/maiqacad

★ See "Toilet Training" later in this book
Guic ŋic tɔylɛtkä I yiɔ ɛn rɛi buɔk ɛ mɛ
انظر "التدريب على إستخدام الحمام" لاحقا في هذا الكتاب
Ka eeg "Tababarida Mushqusha/Baytalmayga" qaybaha dambe ee buugan

2 Years
Run 2
سن السنتين
2 Sannadood

—— Uses two-word phrases
La larɛ ni riät mi të kɛ riät rɛw
يستعمل الجمل المؤلفة من كلمتين
Waxa u isticmaala weedho ama hadal ka kooban labo kalmadood

____ Says names of toys or objects
La ciöt tɔynj kiɛ ciöt ŋɔanj tin kɔkiɛn ɛ larɛ
يعرف اسماء الالعاب او الاشياء
Waxa u sheegaa magacyada dhalaan ciyaarsiisyada iyo shayada

____ Points to familiar objects
La mj ŋäcɛ ɛ nyuothɛ
يشير الى الاشياء المالوفة
Waxa u tilmaama shayada u yaqaan

____ Copies household activities
La cɛŋ jj cëŋ dial ɛ ŋäcɛ
يقلد نشاطات اهل المنزل
Waxa ku daydaa hawlaha guriga

____ Carries a large object while walking
La mj djt ɛ kapɛ kä bɛ jal
يحمل شيئا كبيرا اثناء المشي
Waxa u qaadi karaa shay wayn marka u socdo

____ Plays alone for short periods
La ŋarɛ kä rɔadɛ kɛ guɑth mj tɔt
يلعب وحده لمدة قصيرة
Waxa u keligii ciyaari karaa mudo gaaban

____ Identifies three body parts by pointing
La cuɔŋ puɔny daŋdiɔk ɛ ŋäcɛ kä bɛ kɛ nyoth
يعرف ٣ أجزاء من الجسم بالإشارة
Waxa u sheegi karaa saddex qaybood oo ka mid jidhka/jirka isaga oo farta ku tilmaamaya

____ Imitates crayon stroke
La dörj jiɛn tin la ŋar kɛ gaat ɛ gurɛ
يقلد خط الاقلام الملونة
Waxa u ku dayan karaa xariiq/xariijin lagu sameeyay qalin wayn

2 1/2 Years
Run rɛw kɛ nuth (2 1/2)
سن السنتين و نصف
2 _ Sannadood

____ Rides a push toy
La tɔy in la ɣɔakɛ ɛ kɔtɛ
يركب لعبة متحركة
Waxa u fuulaa dhalaan ciyaarsiiska la riixo

____ Takes off coat
La kötdɛ ɛ kämɛ rar
يخلع معطفه
Waxa u iska bixiyaa koodh/jaako

____ Talks on play telephone
La ruacɛ kɛ talɛpon ŋarkä
يتحدث في الهاتف اللعبه
Waxa u ku hadlaa tilifoonka dhalaan ciyaarsiiska

____ Places objects into small openings
La duɔr ɛ läthɛ rɛi kä mi tɔt mi ɣöŋ
يضع الاشياء داخل الفتحات الصغيرة
Waxa u galiyaa shayo meelo furan ee yaryar

____ Climbs into an adult chair
La kötɛ wi kɔam nyurä nɛni ti dit
يتسلق على كرسي البالغين
Waxa u fuulaa kursiga qofka wayn

____ Turns two or three pages at a time
La pëcni rɛw kiɛ pëcni diɔk ɛ lɛpɛ kɛl
يقلب صفحتين او ثلاثة في نفس الوقت
Waxa u rogaa hal ama saddex bog halkii mar

____ Opens door
La thjjk ɛ lɛpɛ
يفتح الباب
Waxa u furaa albaabka

Suggested play time ideas
Läri kɛ kui thani ŋarkä
إقتراحات لافكار اوقات اللعب
Talooyin ku Saabsan Wakhtiyada Ciyaarta

18 Months — Let your child watch you do various activities like cooking, vacuuming, cleaning, talk about what you are doing, read books

Päth 18 — Jakŋ gatdu kä guicɛ tin lätį cët kɛ, math (kuɔr) duel, ruacŋ kɛ kujc kä min lätį, buɔkŋ

١٨شهرا — دع طفلك يراك تقوم بمختلف النشاطات مثل الطبخ ، التنظيف بالمكنسة الكهربائية، التنظيف ، تحدث عما تقوم به ، الكتب

18 Bilood — U ogolow ilmahaaga in u ku daawado adiga oo samaynaya hawlo kala duwan sida cunto karin, isticmaalka qashin-nuugaha, nadiifinta, ka hadal waxa ad samaynaysid, buugaag

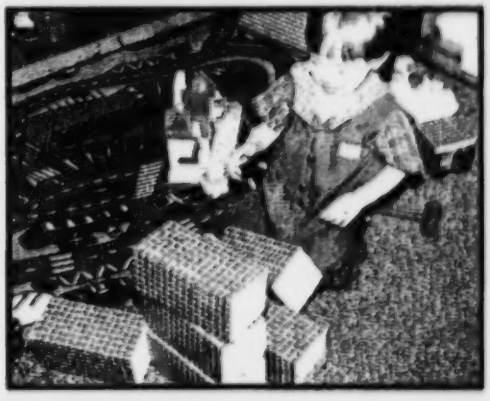

2 Years — Building towers (use building blocks, paper cups, cereal boxes), read books

Run 2 — La duel ɛ lätɛ (la ja lätɛ kɛ, kothŋ wargakŋ, candukŋ kartönį), buɔkŋ

سن السنتين — بناء الابراج (إستعمل مكعبات البناء، اكواب الورق، علب الحبوب) ، الكتب

2 Sannadood — Dhisida fooqaq/dabaqyo (isticmaal lakabyo/bulukeetiga dhismaha, koobabka warqada ah, sanduuqyada firilayda/siriyaalka), buugaag

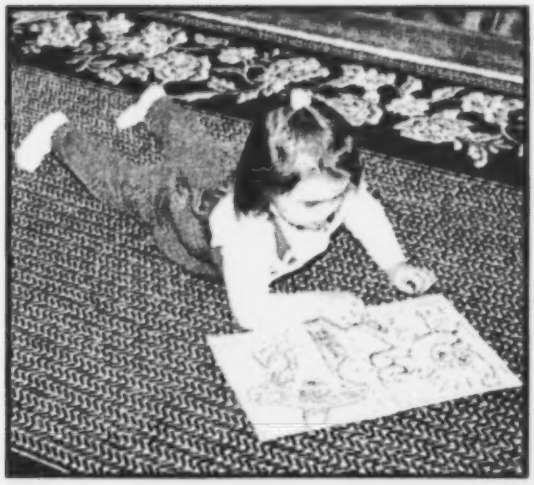

2 - 3 Years	Coloring, reading books
Run 2 - 3	La buɔkni ɛ bilɛ
التلوين ، الكتب	٢ – ٣ سنوات
2 - 3 Sannadood	Midabaynta, buugaagta

---

2 1/2 - 3 Years	Child can pour water from a pitcher (use a small pitcher and cup) Play-doh, books
Run 2 1/2 - Run 3	La pii ti löny ɛ gamɛ (guath ni dial la kɛ ɛ gamɛ kɛ kubay) la ŋarɛ kɛ duŋ pini
٢ونصف-٣ سنوات	الطفل يستطيع صب الماء من الإبريق (إستعمل إبريقا صغيرا و كوبا) يلعب بالمعجون،الكتب
2 - 3 Sannadood	Ilmuhu waxa u wax ka soo shubi karaa joog (isticmaal joog iyo koob yar), ciyaari karaa cod muusiko, buugaag

---

These activities will:
Cɛŋ ti tiŋ bi kɛ:
هذه النشاطات سوف:
Hawlani waxa ay:

* Help your child's eyes and hands work together
  Gatdu luäk kɛ yöö bi wäŋkɛ kɛnɛ tëtkɛ lät kɛl
  تساعد عيني طفلك و يديه لتعمل سويا
  Ka caawin doonaan ilmahaaga in indhaha iyo gacmuhu wada shaqeeyaan

* Help your child learn how to plan and pretend
  Gatdu ŋiäc kɛ ŋäc ŋɔaniŋ kɛnɛ duɔp in derɛ rɔdɛ gaŋ kɛ jɛ
  تساعد طفلك علىالتعلم كيف يخطط و يتخيل
  Ka caawin doonaan ilmahaaga in u barto sida wax loo qorsheeyo iyo sida la iskaga yeelyeelo

* Help your child learn self control
  Gatdu ŋiäc kɛ päl lɔac piny
  تساعد طفلك التعلم على ضبط نفسه
  Ka caawin doonaan ilmahaaga in u barto xukumida nafta

* Help your child learn to play by him/herself
  Gatdu ŋiäc kɛ ŋar in de ŋar kɛ jɛ kä rɔadɛ
  تساعد طفلك ان يتعلم اللعب وحده – وحدها
  Ka caawin doonaan ilmahaaga in u barto sida keligii/keligeed u ciyaari lahaa

* Help your child to express feelings
  Gatdu ŋiäc kɛ yöö bɛ ciandɛ tit
  تساعد طفلك على التعبيرعن شعوره سريعا
  Ka caawin doonaan ilmahaaga sidii u dareenkiisa u muujin lahaa

* Help your child to get ready for school
  Gatdu ŋiäc kɛ yöö bɛ rɔdɛ rialiɟkä kɛ duel gɔrkä
  تساعد طفلك ليكون مستعدا للمدرسة
  Ka caawin doonaan ilmahaaga sidii u diyaar ugu noqon lahaa dugsiga/isguulka

Toddlers want to do things for themselves, but still need help and attention from their parents. Toddlers are exploring their environment. Children between 2 - 3 years of age have the highest activity level they will have in their life. At this time they increase moving skills such as walking, running and climbing. They are also beginning to talk.

Gaat lɛ kɛnɛ göri ɣöö de kɛ'duɔr lat kɛ kuidiɛn, duŋ ni ɣöö lɛ kɛn luäk ɛ gör kɛnɛ tit kä diethkiɛn. Gaat ɛ jɛn taa diɛn I nɔnɔ guäth ni dial. Gaat tin run kiɛn 2 - run 3 të kɛn kɛ cɛŋ ti ŋuan ɛ loŋ rɛi tëkä diɛn. Kɛ jɛn guath ɛmɛ ci kɛ nyin kiɛn rep cet jaliɛn, wuɔriɛn, kɛnɛ kötdiɛn. Ci kɛn ɛ ji ruac.

الاولاد الصغار يريدون ان يعملوا الاشياء بأنفسهم، و لكن يزالون بحاجة للمساعدة
بحاجة للمساعدة و الإهتمام من اهاليهم . الاولاد الصغار مستكشفون لبيئتهم .
الاطفال ما بين ٢-٣ سنوات من العمر يملكون اعلى مستوى من النشاط في حياتهم. في هذا
الوقت تزداد مهارات الحركة مثل المشي ، الركض و التسلق . كذلك يبدأون بالكلام.

Socod-baradku waxa ay doonaan il ay keligood wax qabsadaan, laakiin waxa ay wali uga baahan yihiin waalidkooda gargaar iyo war-ka-hayn. Socod-baradku waxa intaa baadhayaan/baarayaan agagaarkooda. Caruurta da'doodu tahay 2 - 3 sannadood waxa ay leeyihiin heerka firfircoonida ugu sareeya ee ay noloshooda yeelan doonaan. Wakhtigan waxa ay kordhiyaan tabaha dhaqaaqa sida socodka, orodka iyo fuulida. Waxa kale oo ay baranayaan in ay hadlaan.

Safety is very important at this developmental level. Remove dangerous objects from your child's environment. Be patient. Have reasonable expectations. When you talk to your child use simple words and short sentences. Routine is important.

Luäk ɛ mi gɔa rɛi ciɛŋ kä piäth gatkä, käm ni mi moth moth rar tët kä gatdu. Päli rɔdu piny. Teni kɛ ŋäc mi gɔa. Mi ruac ci kɛ gatdu lat ni riät ti thiak thiak. Lat duɔrkä lɔc gatkä ɛ mi gɔa.

الامان مهم جدا عند هذا المستوى من النمو. أزل الاشياء الخطرة من محيط طفلك.كن صبورا.
ليكن عندك التوقعات المعقولة . عندما تتحدث الى طفلك إستعمل الكلمات البسيطة و الجمل
القصيرة . التكرار مهم.

Badbaadadu aad ayay muhim u tahay wakhtiga ay ilmuhu ku jiraan heerkan koritaan. Ka fogee agagaarka ilmahaaga shayada khatarta ah. Samir yeelo. Lahaw filasho caqli-gal ah. Marka ad la hadlaysid ilmahaaga isticmaal kalmado fudud iyo weedho/tixo/hadal gaagaaban. Ku celcelintu waa muhiim.

Some challenging (but normal!) behaviors to expect at this age include:
Thaa nyuth ni (duŋ ni ɣöö gɔw kɛ) ciaŋ in cieŋ kɛ ric ɛmɛ amäni:
بعض الإعتراضات (و لكن عادية) بالسلوك متوقعة في هذا العمر تشمل :
Dhaqan ilmo oo adag (laakin u caadi ah) oo la filan karo da'dan waxa ka mid ah:

★ Defiant behavior (Says "NO" when told to do something)
Thilɛ jɛ luth (La jak ɛ lokɛ mi ca jiök I wer nɔŋ ni duɔr)
مخالفة الاوامر (يقول "لا" عندما تقول له ان يعمل شيئا ما)
Madax adayg (Waxa u leeyahay "MAYA" marka la yidhaahdo/yiraahdo wax samee)

★ Temper tantrums
Jath lɔac mi jiäk
حدة الإنفعال
Camalxumo ama surucyo

★ Will not share or take turns
/Cɛ duɔr bi nyuak kɛ ran kiɛ /cɛ duɔr bi gual kɛ ran
سوف لن يشارك أو يأخذ دورا
Wadaaga ama markiisa in u wax qabto oo u diido

★ May insist on having things a certain way
Dɔŋ bɛ göri bɛ duɔr jek kɛ duɔp mi dɔŋ
ربما يصر ليحصل على الاشياء بطريقة ما
Waxa laga yaaba in u ku adkaysto in sida u rabo wax noqdaan

★ Will not hold your hand
/Cɛ tëtdu bi rɔm
سيرفض ان يمسك يدك
Ma u xejin doonoo gacantaada

★ Moves slow, will not come when called
Bɛ jal ɛ mäth /cɛ bi ben mi ca cɔl
يتحرك ببطء ، و لا يأتي إذا دعي
Waa u cago-jiidi ama gaabin doonaa, ma iman doonaa marka loo yeedho

Disciplining Toddlers (18 months - 3 years)
Ŋjic gaan tin nyin tiɛnj (päth 18 - run 3)
معاقبة الاولاد الصغار (١٨ شهرا -٣ سنوات)
Edbinta Socod-baradka (18 bilood - 3 sannadood)

Toddlers need protective rules. They don't recognize dangers. Toddlers are learning to say **NO.** They are learning what they can and can't do as they become more independent. Toddlers need their parents to remove them from an activity if it is unsafe or inappropriate.

Gaat tin tiɛnj görkɛ ŋuɔt ɛ kɛn. Kuäc kɛ mi jiäk. Gaat tin tiɛnj gör kɛn ɣöö bi kɛn ɛ ŋac I nɔmɔ cän ɛ gör. Kɛn wä kɛ mi ku kɛn ɛ ŋac ɛn ɣöö ɛ ŋu de kɛnɛ latɔ kä ɛ ŋu ci kɛnɛ de latɔ kɛ ɣöö wä pëliɛn kɛ mi repɛ ni rɔdɛ. Gaat tin tiɛnj gör kɛ ɣöö bi dieth kiɛn kɛ gaŋ kɛ lat kä mi jiäk kiɛ mi lät kɛn mi ci rɔdɛ lot.

الاولاد الصغار بحاجة الى قواعد وقائية. هم لا يدركون الخطر .الاولاد الصغار يتعلمون
القول لا . يتعلمون ماالذي يستطيعون او لا يستطيعون عمله ليصبحوا مستقلين اكثر.
الاولاد الصغار بحاجة لاهاليهم ليبعدوهم عن نشاط ما إذا كان غير آمن او غير ملائم.

Socod-baradku waxa ay u baahan yihiin sharciyo badbaadinaya. Ma gartaan khatarta. Socod-baradku waxa ay baranayaan in ay MAYA yidhaahdaan/yiraahdaan. Waxa ay baranayaan waxa ay samayn karaan iyo waxa aanay samayn karin marka hadba ay sii noqdaan kuwo isku-filan. Socod-baradku waxa ay u baahan yihiin in waalidkoodu ka kaxeeyaan hawshii ama halkii aan nabad ahayn ama haboonayn.

Many undesired behaviors can be eliminated by ignoring them. If your child refuses to do something try distracting your child by introducing another activity. Many parents use a technique called "time-out". A "time-out" is done by removing your child from the situation to a place where he/she can be alone (in a special area or chair) for a short period of time (one minute for each year of age).

Cɛŋdial tin cị kɛn kɛ luäŋ kɛ gurị la ka luäŋ yöö bị pạlị kɛ ruec. Mị lök gatdu yöö lätɛ duɔr pɛlị jɛ kɛ tị kɔkiɛnị. Manị gaan tị ŋuan lɛ kɛn malɛ lar nị yöö "cuŋ nị". Mị cị gat jiök I "cuŋ nị" cɛ thuɔk kɛ yöö bɛ min lätɛ cu päl a bɛ wä nyur nị kɛ nyurɛ kä rɔadɛ (guạth mị gɔa kiɛ nị wị kɔam) kɛ guạth mị tɔt (kä kɛl kɛ ruɔn).

كثيرمن السلوك غيرالمرغوب فيه ممكن التخلص منه بتجاهله.اذا رفض طفلك عمل شيء ما حاول صرف إنتباهه بإدخال نشاط اخر. كثير من الاهالي يستعملون الاسلوب القائل "إنتهى". الامر بالإنتهاء يتم بإنتقال طفلك من مكانه الى مكان حيث يكون-تكون وحده (في منطقه خاصة او كرسي) لمدة قصيرة (دقيقة واحدة لكل سنة من العمر).

Dhaqamo badan oo aan la jeclayn ayaa laga baabi'in karaa ilmaha haddii aan dhag loo dhigin. Haddii ilmahaagu u diido in u sameeyo wax isku day in ad ku jeedisid hawl kale oo ad u soo bandhigtid. Waalid badan ayaa waxa ay isticmaalan tabta loo yaqaan "ha laga nasto". Tabta "ha laga nasto" waxa la isticmaalaa iyada oo ilmaha laga kaxaynayo xaalada joogta ama dhibku ka joogo lana geeyo meel u keligii ilmuhu joogi karo (waa meel khaas ah ama kursi) wakhti gaaban (waa hal daqiiqo halkii sannad ee cimri ah).

PRESCHOOLERS (3 - 5 YEARS)

Tin tiɛni tin kän book kɛl ni tok (run 3 - run 5)

روضة الاطفال (٣-٥ سنوات)

CARUURTA DUGSI AAN GAADHIN/GAARIN (3 - 5 SANNADOOD)

The following is a list of what to expect children to do between ages 3 and 5 years.

Tɔ bä kɔr tɔnị kɛ tin lot kɛ rɔdiɛn kɛ yöö de gaat tin run kiɛn 3 ɛ wä nị run 5 kɛ lạt.

ما يلي قائمة بالتوقعات لما يقوم به الاطفال بين٣ و ٥ سنوات.

Waxyaabahan soo socda waa waxa laga filan karo ilmaha u dhexeeya da'da 3 iyo 5 sannadood.

3 - 4 Years
Run 3 a wä kä run 4
٣ - ٤ سنوات
3 - 4 Sannadood

—— Puts on shoes
La waria läthɛ
يلبس حذاءه
Waxa u gashadaa kabaha

—— Turns one page at a time
La pëc kɛl ɛ lɛpɛ kä kɛl
يقلب صفحة واحدة في المرة الواحدة
Waxa u rogaa hal bog markiiba

—— Walks up stairs holding hand rail
La rɔdɛ ɛ käpɛ ɛ gɔa mi kɔtɛ duel
يصعد السلالم ممسكا بيده الحاجز
Waxa u sare u fuulaa jaranjarada/salaanka isaga oo xejisanaya gacan-qabsadka jaranjarada/salaanka

—— Enjoys interacting with other children
La lɔcdɛ ɛ tɛth kɛ ŋari dholi ti kɔŋ
يتمتع بالتعامل مع الاطفال الآخرين
Waxa u ka helaa la ciyaarka ilmaha kale

—— Attempts to repeat common phrases
La ja ŋuɛnɛ I bɛ riät in cɛ lar loc
يحاول إعادة الجمل العادية
Waxa u isku dayaa in u ku soo celiyo
weedha/tixa/hadalka badanaa u maqlo

—— Pulls up pants
La bänthɛlöndɛ ɛ yuthɛ nhial
يخلع سرواله
Waxa u gashadaa surwaal

5 Years
Run 5
٥ سنوات
5 Sannadood

____ Skips smoothly
La rɔdɛ ɛ yurɛ a gɔa
يترك ببساطة
Waxa u xadhig-ku-boodka u sameeya si fiican

____ Can stand on one foot for at least five seconds
La cuŋɛ kɛ ciök kɛl kɛ thɛkɛnị dhiec
يستطيع الوقوف على قدم واحدة على الاقل
مدة ٥ ثوان
Waxa u ku taagnaan karaa hal lug ugu yaraan
shan sekan

____ Can dress and undress, tie shoes, and comb hair mostly without help
La biäyni kɛ ɛ läthɛ kä bɛ kɛ kam rar, la warị kɛ ɛ yiɛnɛ, kä la nhiämkɛ ɛ kɔtɛ guäthnị dial kä /ca bị luäk
يستطيع ان يلبس و يخلع ثيابه، يربط الحذاء، ويسرح شعره غالبا بدون مساعدة
Waxa u gashan karaa iskana saari karaa dharka, xidhan/xiran karaa kabaha, feedhan/feeran
karaa na badanaa gargaar la'aan

____ Can tell you what words mean, like hat, ball, lake or orange
La jị ɛ läre min lot riätɛ, ciet kɛ kumɛ, kurɛ, wuɔl kiɛ lɛmun
يستطيع ان يخبرك ما معنى الكلمات ، مثل قبعة، كرة، بحيرة او برتقالة
Waxa u kuu sheegi karaa waxa kalmadaha macnahoodu yahay sida, koofiyad, kubad, haro ama liin

____ Will ask "why" questions, and ask you what words mean
La thiecɛ I "ɛ ŋu" kä la jị ɛ thiecɛ kɛ min lot riätɛ
سوف يسأل "لماذا"،ويسألك ما معنى الكلمات
Waxa u odhan/oran karaa su'aalaha ay ku jirto "waayo" ama "maxaa keenay", waxa kale oo u
ku waydiin karaa macnaha kalmadaha

Suggested play time ideas
Lärị kɛ kuị nyinị ŋarị
إقتراحات لأفكار وقت اللعب
Talooyin ku Saabsan Wakhtiyada Ciyaarta

3 years — Stringing Cheerios or Macaroni, matching jars and lids, reading books

Run 3 — Thịriöthnị tị cicw cicw kiɛ makörön, cuuk mị pär kɛnɛ kum, buɔknị kuenkä

٣ سنوات — يعلق بالخيطان الشيريو او المعكرونة، يطابق المرطبانات و الاغطية ، الكتب

3 sannadood — tixida firilayda/siriyaalka Jeeriyoos ama Makarooni, meel wada dhigista weelka iyo daboolada is leh, buugaagta

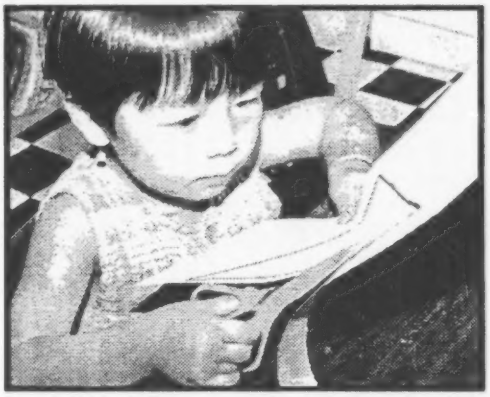

3 - 5 years — Cutting with safety scissors, simple puzzles, dressing and undressing (use large clothing with large buttons), reading books

Run 3 - Run 5 — la ŋɔak ɛ ŋokɛ kɛ magäthɛ mị puɔl puɔl, la ŋɔak tị thiạk thiạk ɛ lätɛ, la biäynị kɛ ɛ läthɛ kä bɛ kɛ kạm rar (la biäynị tị bạr bạr ɛ läthɛ kɛnɛ buttɔnị tị bạr bạr ɛ läth), buɔknị

٣-٥ سنوات — يقص بمقصات آمنة، احجية بسيطة، يلبس و يخلع ثيابه (يستعمل ملابس واسعة بازرار كبيرة) ، كتب

3 - 5 sannadood — ku goynta maqaska, isgalinta/habaynta naqshadaha fudud, gashashada iyo iska saarida dharka (isticmaal dhar nafis ah oo leh guluusyo/baldhano waawayn), buugaag

These activities will:
Cɛŋ ti tiŋ bi kɛ:
هذه النشاطات سوف:
Hawlahani waxa ay:

* Help child's eyes and hands work together
  Gat luäk kɛ yöö bi wäŋkɛ kɛnɛ tëtkɛ lät kɛl
  تساعد عيني الطفل و يديه لتعمل سويا
  Ka caawin doonaan ilmaha in indhaha iyo gacmuhu wada shaqeeyaan

* Help child get ready for school
  Gat luäk kɛ yöö bɛ rɔdɛ rialiŋkä kɛ duel gɔrkä
  تساعد الولد ليكون جاهزا للمدرسة
  Ka caawin doonaan ilmaha in diyaar u noqdo dugsiga/isguulka

* Help build strong hand muscles
  Gat luäk kɛ yöö bi räl tëtniŋkɛ buɔm
  تساعد على نمو عضلات اليد الكبيرة
  Ka caawin doonaan ilmaha in muruqyo gacan oo xoog leh u dhismaan

* Help child learn to help him/herself
  Gat luäk kɛ yöö bɛ luäk in derɛ luäk rɔdɛ ŋac
  تساعد الطفل على تعلم مساعدة نفسه-نفسها
  Ka caawin doonaan ilmaha in u barto sidii u keligii wax u qabsan lahaa

* Help child see differences
  Gat luäk kɛ yöö bɛ däk ŋɔaniŋ ŋac
  تساعد الطفل على تمييز الفروق
  Ka caawin doonaan in ilmaha in u kala garto faraqa u dhexeeya waxyaabaha

* Help child learn to pay attention and problem solve
  Gat luäk kɛ yöö bɛ liäŋ kan kä bɛ riɛkdɛ luäŋ kɛ rialiŋkä
  تساعد الطفل على تعلم الإنتباه و حل المشاكل
  Ka caawin doonaan ilmaha in u barto u fiirshada iyo xalinta dhibaatooyinka

Disciplining Pre-schoolers (3 - 5 years)
Ŋjic in de cɛŋ gaat tị tiɛnị tin kän book kɛl nị tok (run 3 - run 5)
نظام الحضانة (٣ – ٥ سنوات)
Edinta Caruurta aan Da' Dugsi Gaadhin/Gaarin (3 - 5 years)

Preschoolers can be given clear simple rules and the consequences for breaking them. It is natural for preschoolers to think their needs come first. It is important for adults to react consistently to their child's inappropriate behavior. Discipline is an important part of parenting.

Gaat tin tiɛnị tin kän duel gɔrä nị tok ba kɛ dhil kạm ŋuɔt tị thiạk thiạk kä /ca kɛ bị nyuɔth ciaŋ mị jiäk bä mị cị kɛn ŋuɔt töl. Ɛ ciaŋ mị cị kuoth gaat cak kɛ jɛ kɛ ɣöö lɛ kɛn ɛ car nị ɣöö de kɛn kɔn jek nị min gör kɛnɛ. Ɛ mị gɔa kä nɛi tin dịt ɛn ɣöö de kɛn gaat kiɛn nyuɔth ciaŋ mị gɔa. Ŋjic ɛ mị gɔa ɛ lọŋ kä dieth gaan.

تلميذ الحضانة ممكن إعطاؤه قوانين بسيطة واضحة و تحميله المسؤلية لعدم كسرها.
من الطبيعي لتلميذ الروضة ان يفكران حاجاته تاتي اولا.من المهم للبالغين ان يتعاملوا بحزم
تجاه سلوك اولادهم غير اللائقة . القصاص جزء مهم من الأهل.

Caruurta aan wali da'da dugsiga gaadhin/gaarin waxa la siin karaa amaro/xeerar sahlan oo cad iyo wixii ka iman kara jebintooda. Waa u caadi in ilmaha aan wali da' dugsi gaadhin/gaarin ay u maleeyaan in baahidoodu wax walba ka soo horayso. Waxa muhiim ah in jawaabta waalidku ay ilmaha uga celinayaan dhaqan aan haboonayn ama edebdarro ah ay noqoto jawaab aan isbedel lahayn ee joog-to ah. Barida caruurta xukunka nafta iyo edebtu waa qayb muhiim ah oo ka mid ah waalidnimada.

Toilet Training
Ŋjic Duel Coŋ (Tɔylɛt)
التدريب على إستخدام الحمام
Tababarka Musqusha/Baytalmayga

It is important to wait until your child shows definite signs of readiness before you begin toilet training. A child is usually not yet physically and mentally mature until 2 1/2 to 4 years old. Trying to toilet train your child before he/she is ready will be frustrating for both of you.

Ɛ mi gɔa ɛ lɔŋ ɛn yöö /ci gatdu de ŋiäc kɛ jur tɔylɛtkä piny a mäni mi ci jɛ ŋac I cɛ kua guath kɛ yöö deri jɛ ku ŋiäc. Gat guäth ni dial la ŋotɛ thilɛ jɛ car mi com mi de ŋɔak tit amäni mi cɛ të kɛ run 2 1/2 a wä kä run 4. Ɣ ɔnɛ I bi gatdu ŋiäc kɛ jur piny tɔylɛtkä a kän guäth ni cop kɛ kuidɛ kɛ yöö bɛ cua mi gɔa kä yiɛn dan rɛw.

من المهم الإنتظار حتى يظهر طفلك إشارات محددة لتأهبه قبل البدء بالتدريب على إستخدام الحمام.الطفل عادة غيرمستعد عضليا و لاناضج عقليا بعد من سن سنتين و نصف الى٤ سنوات من العمر.محاولة التدريب على إستخدام الحمام سوف يكون متعبا لكما.

Waxa muhiim ah in ka hor intaa aanad ku bilaabin ilmaha tababarka musqusha/baytalmayga ad sugtid inta ad ku arkaysid ilmahaaga calaamado sheegaya in u diyaar u yahay tababarka. Ilmuhu caadi ahaan wali jidh/jir ahaan iyo maskax ahaan ma bisla ilaa cimriga 2 _ ama ilaa 4 sannadood. Haddii ad isku daydid in ad tababartid ilmahaaga isaga oo aan diyaar u ahayn tababarka waxa ay arrintaasi u keeni doontaa labadiinaba xanaaq.

Signs of readiness:
Dup tin de ŋic ni jɛ:

دلائل الإستعداد:

Calaamadaha lagu garto u diyaarka tababarka:

* Fewer and more regular bowel movements
  Wä rar mi tɔt kiɛ wä rar mi dit

  قليلا او كثيرامن التبرز العادي

  Inta jeer ee ilmuhu saxaroodo oo sii yaraanaysa iyo saxarada oo qabanaysa wakhtiyo joogto ah

* Stays dry for 2 to 3 hours
  La të kötkä kɛ thaani 2 a wä kä thaani 3

  يبقى جافا من ساعتين إلى ٣ ساعات

  Waxa aanuu isku kaajin 2 ilaa 3 saacadood

* Makes facial expressions and sounds indicating they were urinating or having a bowel movement in diaper
  La ŋɔak ɛ jɔc kä guɔp nhiam kan gatkä kä bɛ cu jɔc I gat ɛ mɔ cɛ moc kɛ wä coni mi dit kiɛ bɛc jiɛc mi wä rar kä dayper thin.

  يقوم بتعابيروجه واصوات تدل على انه يبول او يتبرز في كفولته

  Waxa u sameeya dhaqdhaqaaq waji iyo codad sheegaya in u kaajayay ama ku saxaroonayay dhaybarka/qoyaan celiyaha

* Stops what they are doing to relieve him/herself (in diaper in private)
  Käp ni kɛ cuɔŋ kä min lät kɛnɛ (rɛi dayperkä kiɛ rɛi kä mi dɔdiɛn)

  يوقف ما يقوم بعمله ليريح نفسه - نفسها (فيكفولته)

  Waxa u joojiyaa waxa u samaynayay si marka u kaajayo ama saxaroonayo (dhaybarka/qoyaan celiyaha dhexdiisa keligii)

* Lets you know he/she has relieved him/herself
  Ŋäc ni jɛ ɛ gɔa ɛn yöö cɛ min lätɛ päl

  يدعك تعرف انه -انها يريح نفسه -نفسها

  Waxa u kuu sheegi doonaa in u kaajay ama saxarooday

* Expresses concern for cleanliness and orderliness
  Ruac nj kɛ jɛ kɛ duɔp mj gɔa mj cuŋ kä cj rialj kä
  يعبرعن الإهتمام للنظافة و الترتيب
  Waxa u muujiyaa jacayl u nadaafada iyo nidaamka u qabo

* Copies you or other family members in bathroom
  La min läti ɛ gurɛ kiɛ min lat kɛ ɛ jj ceŋ tin kɔkiɛn duel conj
  يقلدك او يقلد اهل المنزل في الحمام
  Waxa u ku daydaa adiga ama xubnaha kale ee qoyska ee ku jira musqusha/baytalmayga

If you need advise on toilet training consult your health care provider or contact your local health department for additional information.

Mj görj com kɛ ŋjc nj tɔylɛtkä ruac nj kɛ jj duel wälu kiɛ cɔl nɛi tin lät duelj wal tin kɔkiɛnj kɛ yöö de jj lär min derj lät.

إذا إحتجت نصيحة عن كيفية المتدريب على إستخدام الحمام إستشر المركز الصحي التابع له او إتصل بقسم الصحة المحلي لمعلومات إضافية.

Haddii ad u baahan tahay la-talin ku saabsan tababarida musqusha/baytalmayga la tasho dhakhtarkaaga ama cisbitaalkaaga ama kala xidhiidh/xiriir waaxda caafimaadka ee degmadaada wixii war ah ee dheer-aad ah.

We hope that this information will help you to understand more about child growth and development. Remember your baby is an individual and will go through these stages of development at their own rate. If you have any concerns or questions regarding your baby's development, consult your health care provider.

Diw nɛyɛ ɛn yöö lärį ti tinį ba yiɛ luäk I bia ciaŋ in pith kɛ dhölį ŋac. Ŋäc nį jɛ ɛn yöö gatdu ɛ jɛn kä rɔadɛ kä bɛ wä rɛi ŋɔanį dial ti tinį kä rɔadɛ kɛ ciaŋ in pɛth kɛ jɛ ɛ diëth kɛ. Mį të kɛ mį derį mat thįn kiɛ mį ti kɛ thiec kɛ kuį ciɛŋä piäth gan, ruac nį kɛ ji duel wąlu.

نامل ان هذه المعلومات سوف تساعدك اكثر على فهم نمو الطفل و تطوره. تذكران طفلك
هوفرد و سوف يمرخلال هذه المراحل للنمو طبقا لمقدرته الخاصه.إذا كان لديك اي إهتمام
او اسئلة بخصوص نمو الطفل ، إستشرقسم الصحة التابع له.

Waxa annu rajaynayaa in warkani kaa caawin doono sidii ad u sii fahmi lahayd koritaanka iyo horumarka ilmaha. Xusuusnow in ilmahaagu yahay qof gaar ah talaabadiisa na u uga gudbi doono marxaladan ama heerkan koritaankiisa ka mid ah. Haddii ad qabtid su'aalo ama walwal ku saabsan koritaanka ilmahaaga, la xidhiidh/xiriir dhakhtarkaaga ama cisbitaalkaaga.

Developed in Partnership
With
Allina Health System
and
Multi-Cultural Educational Services

Funded By
Minnesota Department of Children,
Families and Learning

Multi-Cultural Educational Services
832 104th Lane NW
Coon Rapids, MN 55433
(763) 767-7786

BEST COPY AVAILABLE

GROWTH AND DEVELOPMENT

RAST I RAZVOJ

Bosnian

РОСТ И РАЗВИТИЕ

Russian

CRECIMIENTO Y DESARROLLO

Spanish

By Anoka County Community
Health and Environmental Services

F1SC1614

BEST COPY AVAILABLE

GROWTH AND DEVELOPMENT

was funded by a
Building Culturally Competent Programs Grant
from the Minnesota Department of Children, Families, and Learning

written by
Anoka County Community Health and Environmental Services

and
developed in partnership with
Allina Health System
and
Multi-Cultural Educational Services

1998

We wish to acknowledge the following for their contributions to this effort

Translated by
Tanya Benic
Shifra Kilov
Lina Mraz

Photography by Claire Mckinley

Babies go through various stages of development. Not all children do the same things at the same ages. Learning takes place during all daily activities such as playtime, mealtime, bathing, dressing, and quiet time. Children need a variety of experiences. Children need adults that will listen and answer questions.

Bebe prolaze kroz razne stadije razvoja. Sva djeca ne ponašaju se na isti način u istom dobu. Bebe uče kroz svakodnevne aktivnosti kao što su igra, obroci, kupanje, oblačenje, i odmor. Djeci su potrebna različita iskustva. Djeci su potrebne odrasle osobe da ih slušaju i odgovaraju na pitanja.

Дети в своем развитии проходят разные стадии. Не все дети одного и того же возраста ведут себя одинаково. Процесс познания происходит ежедневно, что бы ребенок ни делал, во время игры, при кормлении, при купании, одевании и во время отдыха. Детям необходимы разные впечатления. Детям также необходимо общество взрослых, которые будут их слушать и отвечать на их вопросы.

Los bebés pasan por varias etapas de desarrollo. No todos los niños lo hacen a la misma edad. Ellos aprenden en todas las actividades diarias como son: el juego, durante las comidas, el baño, el vestirse y el tiempo de descanso. Los niños necesitan una variedad de experiencias. Especialmente que los adultos les escuchen y respondan sus preguntas.

"Different cultures have different child rearing practices which influence the course of their children's development". There are strengths in every culture. Children learn to adapt to the demands of their culture.

Različite kulture imaju različite pristupe podizanju djeteta što utiče na njihov razvoj. Svaka kultura ima svoje jake strane. Djeca nauče da se prilagode zahtjevima svoje kulture.

Различные культуры характеризуются различными традициями воспитания детей, что отражается на их последующем развитии. У каждой культуры есть свои достоинства. В детях развивается способность приспосабливаться к требованиям своей культуры.

Diferentes culturas tienen diferentes prácticas de como criar a los niños, lo cual influye en el proceso de su desarrollo. Existen diferentes reforzamientos en cada cultura ey los niños aprenden a adaptarse a las exigencias de esta.

This book will describe what to expect from ages birth to five years. Suggestions for discipline and play time activities will be given that will increase learning.

U ovoj knjizi opisano je šta treba očekivati od rodjenja do pete godine života. Date su sugestije za disciplinske mjere i igre koje će doprinijeti procesu učenja.

В этой брошюре дано описание того, каким может быть поведение ребенка от момента его рождения до пяти лет. Даются рекомендации, относящиеся к тому, как приучать ребенка к дисциплине, а также к организации игр, которые стимулируют процесс познания.

Este libro describirá lo que se debe esperar desde el nacimiento hasta los 5 años de edad. Se darán sugerencias sobre disciplina y actividades para el período de juego, lo cual incrementará el aprendizaje.

TALKING AND LISTENING
PRIČANJE I SLUŠANJE
КАК ГОВОРИТЬ С РЕБЕНКОМ И КАК ЕГО СЛУШАТЬ
EL HABLAR Y EL ESCUCHAR

How and how often parents and caregivers communicate with a baby, especially during the first year, can have a very strong impact on his/her brain development for the rest of his/her life.

Kako i koliko često roditelji i druge osobe koje se brinu za dijete komuniciraju sa bebom, naročito u prvoj godini života, od izuzetnog je značaja za razvoj mozga bebe do kraja njenog života.

Манера разговора с ребенком и то, насколько часто родители и другие лица, принимающие участие в уходе за ребенком, говорят с ним, особенно в течение первого года жизни, может очень значительно повлиять на развитие мозга и на всю его последующую жизнь.

La forma como y que tan frecuente los padres y las niñeras se comunican con el bebé, especialmente durante el primer año de vida, puede tener un gran efecto sobre el desarrollo del cerebro del niño por el restro de su vida.

Suggestions
Sugestije
Рекомендации
Sugerencias

* Talk to your baby
  Pričajte sa svojom bebom
  Говорите с ребенком
  Háblele a su bebé

* Read to your baby
  Čitajte svojoj bebi
  Читайте ребенку книги
  Léale a su bebé

* Hold your baby
  Držite svoju bebu
  Берите ребенка на руки
  Cargue a su bebé

* Use an encouraging tone, be responsive, show interest, smile
  Koristite ohrabrujući ton, reagujte, pokažite interes, nasmiješite se
  Говорите с ребенком одобрительным тоном, улыбаясь, реагируйте на ситуацию, проявляйте интерес к происходящему
  Utilice un tono de voz animado o alentador, respóndale, muestre interés, sonríale

* Point to and name objects, body parts, sizes, colors, numbers, times
  Pokažite i imenujte predmete, dijelove tijela, veličine, boje, brojeve, vrijeme
  Показывайте ребенку разные предметы и части тела, одновременно называя их, учите ребенка различать цвета, размеры, цифры, а также время суток
  Señale y nombre objetos, partes del cuerpo, diferentes tamaños, colores, números y palabras que indican tiempo como día, noche etc.

* Demonstrate action words, feelings
  Demonstrirajte glagole akcije, osjećanja
  Демонструйте ребенку значение действий и чувств
  Demuestre sentimientos y palabras que indican acción

* Listen to your child, try to understand his/her words
  Slušajte svoje dijete, pokušajte da razumijete šta govori
  Слушайте, как говорит ваш ребенок, постарайтесь его понять
  Escuche a su hijo, intente entender sus palabras

* Point out new things
  Pokažite nove stvari
  Показывайте ему новые предметы
  Señálele nuevos objetos o cosas

* Ask your child to look for things
  Recite svom djetetu da potraži stvari
  Просите ребенка найти тот или иной предмет
  Pídale a su hijo que busque objetos o cosas

* Offer positive feedback, praise your baby
  Budite pozitivni, pohvalite svoju bebu
  Относитесь к действиям ребенка доброжелательно, хвалите его
  Respóndale positivamente, elogie a su bebé

For many immigrant and refugee families, English is not their primary language. Parents may be learning a new language at the same time as their children. It is harder for adults to acquire a new language so be patient!

Mnogim imigrantima i izbjeglicama engleski nije maternji jezik. Može se desiti da roditelji uče novi jezik u isto vrijeme kad i njihova djeca. Odraslim osobama teže je da nauče novi jezik, stoga budite strpljivi!

Для семей многих иммигрантов и политических беженцев английский язык не является родным. Родителям приходится учиться новому языку одновременно с детьми. Взрослым труднее освоить новый язык, поэтому следует набраться терпения.

Para muchas familias de inmigrantes y refugiados, el Inglés no es su lengua materna. Los padres posiblemente están aprendiendo una nueva lengua al mismo tiempo que sus hijos. Los adultos tienen más dificultad para aprender una nueva lengua, por lo que deben tener paciencia.

Although it is important to learn English as a second language, primary languages are an important part of all cultures. Immigrant and refugee communities should continue speaking their primary language and encourage and teach the importance of this to their children. Some communities are offering summer camps or community classes that teach native language and cultural practices. Primary language can help children to feel connected to their culture, traditions and heritage, and build pride and confidence.

Iako je važno naučiti engleski kao sekundarni jezik, primarni jezici predstavljaju važan dio kulture. Imigrantske i izbjegličke zajednice trebalo bi da nastave da govore svoj maternji jezik i ohrabruju i ističu njegovu važnost svojoj djeci. Neke zajednice organizuju ljetnje kampove ili časove na kojim se uče maternji jezici i kulturno nasljedje. Primarni jezik moze pomoći da se djeca osjećaju dijelom sv oje kulture, tradicije i nasljedja, i da postanu ponosni i samopouzdani.

Несмотря на то, что освоение английского языка является очень важным, родной язык является главным элементом всех культур. В общинах иммигрантов и беженцев следует продолжать говорить на родном языке, а также поощрять это в детях и учить их пониманию того, как важно знать свой родной язык. Некоторые общины организуют летние лагеря для детей или организуют занятия по изучению родного языка и ознакомлению с традициями их культуры. Родной язык может помочь детям чувствовать себя причастными к своей культуре, традициям, наследию и развить в них чувство гордости и уверенности в себе.

Aunque es importante aprender Inglés como segunda lengua, la lengua materna es parte importante de toda cultura. Las comunidades de inmigrantes y refugiados deberán continuar hablando su lengua y estimular y enseñar la importancia de ésta a sus hijos. Algunas comunidades están ofreciendo campamentos de verano o clases comunitarias donde enseñan la lengua materna y costumbres de esa cultura. La lengua materna puede ayudar a los niños a sentirse conectados a su cultura, tradiciones, herencia y les da orgullo y confianza.

DISCIPLINE
DISCIPLINA
Дисциплина
DISCIPLINA

The purpose of disciplining young children is to help them learn how to behave. Discipline is setting limits and teaching respect for people, animals and property. Discipline is a gradual process. Children learn a great deal by watching how you behave.

Cilj disciplinskih mjera kod male djece sastoji se u tome da im se pomogne da nauče kako da se ponašaju. Disciplina predstavlja postavljanje granica i učenje djece kako da se sa poštovanjem odnose prema ljudima, životinjama i stvarima. Disciplina je postepen proces. Djeca velikim dijelom uče kroz posmatranje.

Целью приучения ребенка к дисциплине является обучение нормам поведения. Дисциплина устанавливает ограничения в жизни ребенка, учит уважать людей, любить животных и бережно обращаться с собственностью. Приучение к дисциплине происходит постепенно. Дети многому могут научиться, наблюдая за вашим поведением.

El propósito de disciplinar a un niño pequeño es ayudarlo a aprender como comportarse. Disciplina es poner límites y enseñar a respetar las personas, los animales y la propiedad. Disciplina es un proceso gradual. Los niños aprenden muchísimo observando como usted se comporta.

Discipline should be fair, firm, patient, consistent, and age appropriate. It is good to set positive limits (tell what to do rather than what not to do). Use honest praise. Avoid shaming and sarcasm. Spanking is not recommended as a way to discipline. It can be dangerous when an angry parent hits a child. There is evidence that spanking teaches a child that hitting or violence is the way to deal with frustrating experiences.

Kod disciplinskih mjera treba voditi računa o tome da su one poštene, stroge, da odišu strpljenjem, da su postojane i da odgovaraju dobi djeteta. Dobro je postaviti pozitivne granice (reći djetetu šta smije uraditi, a ne šta ne smije). Nastojte da dijete iskreno pohvalite. Nastojte da ne posramite dijete ili koristite sarkazam. Ne preporučuje se da tučete svoje dijete. Može biti veoma opasno kad razjareni roditelj udari dijete. Činjenice pokazuju da dijete koje se tuče nauči da se udaranjem ili upotrebom sile mogu riješiti frustrirajuća problemi.

Приучение к дисциплине дожно проводиться честно, терпеливо, без отступлений и в соответствии с возрастом ребенка. Хорошее влияние на ребенка оказывают "положительные ограничения" (вместо того, чтобы говорить ему, чего нельзя делать, скажите ему, что можно делать). Когда он заслуживает, всегда хвалите его. При общении с ребенком избегайте фальши и насмешек. Для приучения к дисциплине не рекомендуется пороть ребенка. Тот факт, что разозлившийся родитель ударил ребенка, может иметь опасные последствия. Имеются доказательства того, что битье учит ребенка тому, что в ситуации, вызывающей раздражение, следует бить или применять насилие.

La disciplina deberá ser justa, firme, paciente, consistente y apropiada para cada edad. Es bueno poner límites positivos (decir que hacer en vez de que no deben hacer). Use elogios sinceros. Evite el sarcasmo y avergonzar al niño. No es recomendable como forma de disciplina usar la fuerza física o pegarle a los niños. Esto puede ser peligroso cuando un padre enojado o enfadado le pega a su hijo. Hay evidencia de que la fuerza física o el pegarles a los niños les enseña que pegar o que la violencia es una forma para tratar a los demás cuando se siente frustrado.

BABIES (INFANT 18 MONTHS)
BEBE (BEBA 18 MJESECI)
Дети младенческого возраста (до полутора лет)
BEBES (INFANTES - 18 MESES)

Your child should be able to do most things other children of the same age are doing. This may not be true if your child was born early, with a low birth weight, or has special needs. If you have questions or concerns regarding your baby's development, consult your health care provider.

Vaše dijete trebalo bi da je u stanju da uradi većinu stvari kao druga djeca njegove dobi. Ovo ne mora biti slučaj ako je dijete rodjeno prije vremena, imalo malu tjelesnu težinu, ili imalo neke druge posebne potrebe. Ukoliko imate pitanja ili ste zabrinuti za razvoj svoje bebe, konsultujte medicinsko lice.

Ваш ребенок должен уметь делать многое из того, что могут делать другие дети в его возрасте. Это может не произойти, если ребенок родился недоношенным, с низким весом или с другими проблемами. Если у вас есть вопросы, связанные с развитием вашего ребенка, то вы должны обратиться к врачу или другому медицинскому работнику.

Su hijo deberá ser capaz de hacer la mayoría de las cosas que otros niños de su misma edad hacen. Esto quizás no sea así si su hijo nació prematuro o nació antes de tiempo, si nació con bajo peso, o tiene necesidades especiales. Si usted tiene alguna pregunta o preocupación acerca del desarrollo de su bebé, consulte con su proveedor del servicio de salud.

The following is a list of what to expect children to do between birth and 18 months.

Slijedi lista radnji koje treba očekivati od djece u periodu od njihovog rodjenja do 18 mjeseci.

Ниже приводится список того, что можно ожидать от ребенка с момента рождения до полутора лет.

La siguiente es una lista de lo que se espera que hagan los niños desde su nacimiento hasta los 18 meses.

Newborn
Novorodjenče
Новорожденный ребенок
Recién Nacido

____ Keeps arms and legs curled close to the body with hands clenched most of the time
Ruke i noge drži savijene uz tijelo, šake su skoro stalno skupljene
Держит ноги и руки близко от туловища в согнутом положении, большую часть времени пальцы сжаты в кулак
La mayoría del tiempo mantiene los brazos y las piernas recogidas cerca de su cuerpo, con manos empuñadas.

____ Grasps a finger or object for a short time
Hvata prst ili predmet nakratko
На короткое время может зажать в кулаке палец или предмет
Sostiene o agarra un dedo o un objeto por algunos momentos

____ Crying is the way a newborn talks to you
Plač je način na koji novorodjenče komunicira s vama
Когда новорожденный ребенок плачет, он говорит с вами
Un recién nacido se comunica o habla con usted por medio del llanto

3 Months
3 mjeseca
Трехмесячный ребенок
3 Meses

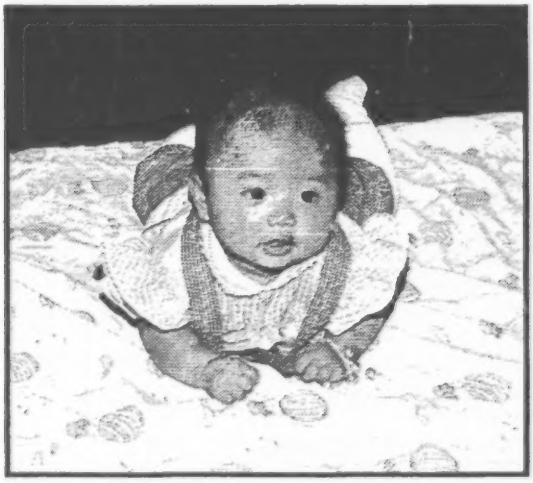

____ Responds to loud sounds
Reaguje na glasne zvuke
Реагирует на громкие звуки
Responde a sonidos fuertes

____ Smiles
Smiješi se
Улыбается
Sonríe

____ Wiggles and kicks with legs and arms
Meškolji se i baca noge i ruke
Шевелит и толкается ногами и руками
Se mueve y hace movimientos ágiles (patalea) con los pies y brazos

____ Lifts head and chest while lying on stomach
Diže glavu i prednji dio tijela dok leži na stomaku
Поднимает голову и грудь, лежа на животе
Levanta la cabeza y el tórax mientras se apoya en el estomago

____ Moves eyes in the same direction together
Pokreće oči u istom pravcu zajedno
Поворачивает одновременно оба глаза в одном направлении
Mueve ambos ojos en la misma dirección o sea que sigue un objeto con la vista de un lado a otro

____ Makes cooing sounds
Guguče
Воркует
Emite sonidos guturales que semejan arrullos

6 Months
6 mjeseci
Шестимесячный ребенок
6 Meses

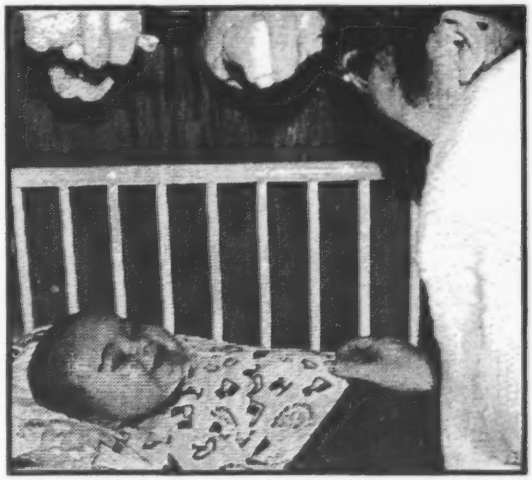

____ Responds to familiar faces
Reaguje na poznata lica
Реагирует на знакомое лицо
Responde a caras conocidas

____ Vocalizes a variety of sounds
Oglašava se raznim zvucima
Издает различные звуки
Vocaliza una variedad de sonidos

____ Turns towards source of sound
Okreće se ka izvoru zvuka
Поворачивается в сторону, откуда доносится звук
Gira hacia la fuente del sonido

____ Rolls from stomach to back
Prevrće se sa stomaka na ledja
Переворачивается с живота на спину
Estando boca abajo o de estómago es capaz de darse la vuelta y quedar de espaldas

____ Follows moving objects with eyes
Očima prati pokretne predmete
Следит глазами за движущимися предметами
Sigue con sus ojos objetos en movimiento

____ Reaches for dangling objects
Nastoji da dohvati predmete koji se klate
Достает подвешанные предметы
Extiende la mano hacia objetos que cuelgan o se mueven

____ Bangs or shakes rattle
Udara ili trese zvečku
Стучит или трясет погремушкой
Golpea o sacude un sonajero

9 Months
9 mjeseci
Девятимесячный ребенок
9 Meses

____ Babbles
Grguće
Лепечет
Balbucea

____ Reaches for objects and picks them up
Nastoji da dohvati predmete i podigne ih
Тянется к предметам и берет их в руки
Alcanza objetos

____ Transfers objects from one hand to other
Premiješta predmete iz jedne u drugu ruku
Переносит предметы из одной руки в другую
Transfiere o pasa objetos de una mano a la otra

____ Plays peek-a-boo and pat-a-cake
Igra se skrivalice
Играет в "ладушки" и в "позови-спрячься"
Juega con las manos, juntándolas mientras se le canta una canción como (tortitas de manteca o tortillas de maíz) y a las escondidas (se puede jugar a las escondidas con un bebé menor, simplemente tapándose la cara o los ojos)

____ Plays with toes
Igra se sa nožnim prstima
Играет со своими пальцами на ногах
Juega con los dedos de los pies

____ Sits without help
Diže se u sjedeći položaj bez tudje pomoći
Самостоятельно сидит
Se sienta sin ayuda

____ Crawls on tummy
Puzi na stomaku
Ползает на животе
Se arrastra sobre el estómago

____ Takes pureed food without difficulty
Jede hranu u vidu pirea bez poteškoća
Ест без затруднений еду в виде пюре
Come comidas en puré sin dificultad

12 Months
12 mjeseci
Годовалый ребенок
12 Meses

____ Crawls on hands and knees
Puzi na rukama i koljenima
Ползает на четвереньках
Gatea con las manos y las rodillas

____ Pulls to a standing position
Diže se u stajaći položaj
Подтягивается и встает на ноги
Se levanta para ponerse de pie

____ Drinks from a covered cup
Pije iz zatvorene čaše
Пьет из специальной детской чашки (с крышкой)
Bebe con taza tapada (que tienen orificios para que salga el líquido)

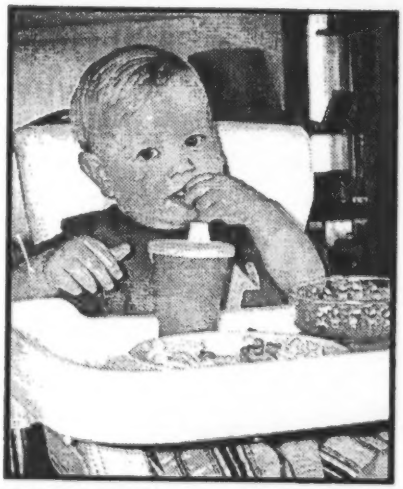

____ Puts objects into containers
Stavlja predmete u posude
Кладет предметы в контейнер
Coloca o introduce objetos dentro de un recipiente

____ Stacks two blocks
Stavlja jedan blok na drugi
Ставит друг на друга два кубика
Construye una torre de dos bloques

____ Feeds self finger food
Samo se hrani sitnom hranom
Сам берет руками и кладет в рот нарезанную на кусочки пищу
Puede comer por si mismo comida cortada en pequeños pedazos

____ Waves bye-bye
Maše u znak pozdrava
При прощании машет рукой
Dice adiós con la mano

12

Infancy (birth through 18 months) is a period of fast growth and rapid development. Infants nearly triple in weight, learn to walk, gain skills in feeding themselves, and develop early language skills during this time.

Period od rodjenja do 18 mjeseci predstavlja period brzog rasta i razvoja. U ovom periodu bebe skoro utrostruče svoju težinu, nauče da hodaju, da se same hrane, i steknu rane govorne vještine.

Младенческий период (от рождения до полутора лет) характеризуется быстрым ростом и развитием ребенка. За это время вес детей почти утраивается, они учатся ходить, могут сами класть пищу в рот и начинают говорить.

La infancia (desde el nacimiento hasta los 18 meses) es un periodo de crecimiento y desarrollo rápido. En este período casi triplican su peso, aprenden a caminar, aprenden a comer por si mismos, y desarrollan habilidades tempranas de lenguaje.

By responding sooner to your baby's needs, he will develop a better sense of trust. It is good to hold and cuddle your baby. Babies need attention from their parents. This helps build positive self esteem (feeling lovable, capable, and accepted).

Jako je važno reagovati na bebine zahtjeve što ranije tako da se kod bebe razvije osjećaj povjerenja. Dobro je držati i maziti bebu. Bebama je potrebna pažnja roditelja. Tako se stiče pozitivno samopoštovanje (osjećaj da ste voljeni, sposobni, i prihvaćeni).

Чем быстрее вы реагируете на то, что нужно ребенку, тем лучше: у него развивается чувство доверия. Очень полезно подержать ребенка на руках, прижимая его к себе. Детям необходимо внимание родителей. Это помогает развитию в них положительной уверенности в себе (он чувствует себя любимым, способным и желанным).

Entre más pronto usted responda a las necesidades de su bebé mucho mejor, así ellos desarrollarán un mejor sentido de confianza. Es bueno alzar y abrazar a su bebé. Los bebés necesitan atención de parte de sus padres. Esto ayuda a que el niño se forme una buena imagen de sí mismo (sentirse amado, capaz y aceptado).

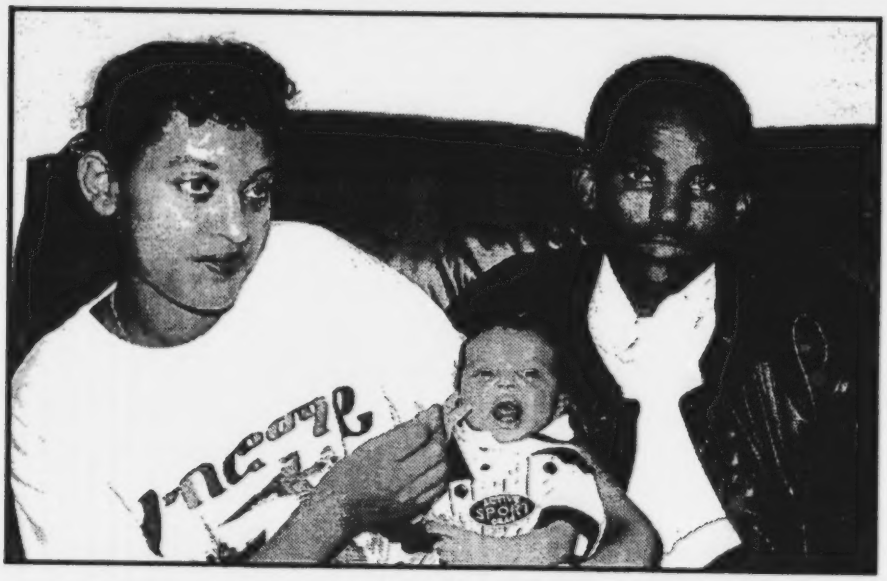

Some behaviors at this developmental level can be very frustrating for parents but are perfectly normal. It is normal for babies to cry but it can be hard to listen to. Newborns cry an average of 2 1/2 hours per day. Babies cry when they are hungry, tired, wet, too hot or cold, if their tummy hurts, or when they want to be held.

Izvjesno ponašanje na ovom nivou razvoja može biti izvor mnogih frustracija za roditelje, ali je savršeno normalno. Normalno je da bebe plaču iako je to neprijatno slušati. Novorodjenčad pla ču u prosjeku 2 1/2 sata dnevno. Bebe plaču kad su gladne, umorne, mokre, kad im je vruće ili hladno, kad ih boli stomak, ili kad žele da ih neko drži.

Иногда поведение детей в этом возрасте может приводить родителей в отчаяние, но это все нормально. Совершенно нормально для детей плакать, хотя это очень трудно выносить. Новорожденные дети в среднем плачут два с половиной часа в день. Дети плачут, когда они хотят есть, когда они устали, когда они мокрые, когда им холодно или жарко, когда у них болит живот или когда им хочется, чтобы их взяли на руки.

Algunos comportamientos a este nivel del desarrollo puede ser frustrante para los padres, pero son perfectamente normales. Es normal que los bebés lloren pero también puede ser difícil escucharles. Los recién nacidos lloran un promedio de dos horas y media por día. Los bebés lloran cuando tienen hambre, están cansados, mojados, con mucho calor o frío, si les duele el estomago o cuando desean que se les cargue.

Older infants are good at making messes (example: at meal time). Feeding themselves can be messy but it is an important part of development. Older infants (12 - 18 months) will begin to express anger and frustration. They are more mobile at this age and often do not respond to parents commands. It is important to provide a safe environment and proper supervision for your child.

Starije bebe znaju kako da naprave nered (na primjer: za vrijeme obroka). Kada se same hrane, obicno naprave nered, ali je to važan dio njihovog razvoja. Starije bebe (12 - 18 mjeseci) počinju da ispoljavaju bijes i frustraciju. U ovoj dobi mnogo su pokretnija i često ne reaguju na ono što im roditelji govore. Veoma je važno da se djeca nalaze u sigurnom okruženju i da ih neko nadzire.

Подрастающий ребенок очень быстро наводит беспорядок (например, во время еды). Самостоятельная еда часто сопровождается разведением грязи, но это совершенно необходимо для развития ребенка. Дети постарше (в возрасте 12 — 18 месяцев) начинают сердиться и проявлять раздражение. В этом возрасте они гораздо более подвижны и не всегда реагируют на приказы родителей. В это время очень важно присматривать за ними и обеспечить им безопасную среду.

Los niños mayores son buenos en hacer desorden (ejemplo a la hora de cenar). Cuando comen por si mismos puede hacer desorden, pero esto es parte importante de su desarrollo. Los niños mayores (12 - 18 meses) empezarán a mostrar enojo y frustración. Ellos se mueven mucho más a esta edad y frecuentemente no responden a las órdenes de sus padres. Es importante proporcionarle a su hijo un ambiente seguro y con supervisión apropiada.

Suggested Play Time Ideas
Ideje za vrijeme za igru
Как играть с детьми
Ideas sugeridas para el período de juego

1 - 2 Months	crib mobile, ring or dumbbell-shaped rattles, music, read books, babies like to look at their parents faces
1 - 2 mjeseca	pokretne zvečke u obliku prstena ili zvona na kolijevci, muzika, čitanje knjige, bebe vole da gledaju u lica svojih roditelja
В 1 — 2 месяца	колокольчики, погремушки, музыка, покачивание колыбели, чтение книг; дети любят смотреть на лица родителей.
1 - 2 Meses	Móviles en la cuna, cascabeles, música, leerle libros, a los bebés les gusta mirar la cara de sus padres.
3 Months	rattles, cuddly toys, bouncing bright colored balls, activity centers and play gyms, read books
3 mjeseca	zvečke, plišane igračke, svijetlo obojene loptice-skočice, centri aktivnosti, čitanje knjige
В 3 месяца	погремушки, мягкие набивные игрушки, яркие подпрыгивающие мячики, игрушки, стимулирующие активность ребенка, игрушечные гимнастические снаряды, чтение книг.
3 Meses	Sonajeros, muñecos de peluche, pelotas con colores brillantes, centros de actividad, leerle libros
6 Months	soft washable animals and toys, cloth or heavy cardboard books, toys that make sounds, floating bath toys, soft rubber squeeze toys
6 mjeseci	mekane životinje i igračke koje se mogu prati, knjige od materijala ili tvrdog kartona, igračke koje ispuštaju zvuk, igračke za kadu koje plutaju, mekane gumene igračke koje se stišću

В 6 месяцев	мягкие набивные игрушки, которые можно мыть; книги, напечатанные на картоне или ткани; издающие звуки игрущки, игрушки, которые плавают в ванне; мягкие резиновые игрушки
6 Meses	Animales de peluche y juguetes suaves y lavables, libros con páginas de cartón grueso o de tela, juguetes que produzcan sonido, juguetes de plástico suave para apretar y otros que puedan flotar para ser usados a la hora del baño.
9 Months	play interactive games with child such as Peek-a Boo, Pat-a-Cake, nonbreakable dishes, pots and pans, read books
9 mjeseci	igrajte interaktivne igre sa djetetom kao što su igra skrivalice, taši-tašitanana, nelomivo posudje, knjige
В 9 месяцев	играйте с ребенком в игры (в "ладушки" и в "позови-спрячься"), разрешайте ему играть с небьющейся посудой, кастрюлями и сковородками, читайте книги
9 Meses	Enséñele juegos en los que participe tanto usted como el niño, como son: A las escondidas (tápese la cara o esconda un juguete unos segundos y luego descubra o reaparezca el juguete llamando al bebé para que los encuentre con la mirada), Tortitas de manteca o tortillas de maíz (júntele las manos para que aplauda mientras le canta una canción), utensilios que no se rompan, ollas, cacerolas o cazuelas, leerle libros
12 Months	toy telephone, nesting bowls or tumblers, easy puzzles, low rocking horse, point to and name body parts with your child, read books
12 mjeseci	telefon igračka, set posudica ili čaša raznih veličina, lagane slagalice, niski konjić za jahanje, pokaži i imenuj dio dijela, čitanje knjige
В 12 месяцев	игрушечный телефон, складные миски или стаканы, легкие загадки, низкая лошадь-качалка, указывайте ребенку на части тела и называйте их, читайте книги
12 Meses	Teléfono de juguete, tazas o envases de plástico, rompecabezas fáciles, caballitos mecedores de tamaño apropiado para la edad, señale y nombre las partes del cuerpo con su hijo, leale libros

Disciplining Babies (Infant 18 Months)
Disciplinske mjere kod beba (od rodjenja do 18 mjeseci)
Приучение детей (до полутора лет) к дисциплине
Disciplina para bebés (Infantes - 18 meses)

During baby's first year every interaction you have with him/her is a chance to show respect and encourage cooperation. Babies are explorers. They do not understand rules. Babies do not understand time-out, saying no, or spanking. **Never shake your baby.** It could seriously hurt or even kill your baby.

U prvoj godini života svaki kontakt sa bebom prilika je da se pokaže poštovanje i ohrabri saradnja. Bebe su istraživači. One ne razumiju pravila. Bebe ne razumiju kad im se kaže dosta, ne, ili kad se tuku. Nikad nemojte drmati bebu. Može doći do ozbiljnih povreda ili čak i do smrti bebe.

В течение первого года жизни ребенка у вас всегда есть возможность выразить свое уважение к нему и поощрять сотрудничество. Дети являются исследователями по натуре. Они не понимают правил. Дети не понимают, когда им говорят "нельзя", когда им говорят "хватит" или когда их шлепают. **Никогда не трясите ребенка**. Это может привести к серьезному ранению или даже к смерти.

Cada interacción que usted tenga con su bebé durante el primer año de vida es una oportunidad para mostrarle respeto y fomentar la cooperación. Los bebés son exploradores. Ellos no entienden las reglas ni entienden castigos como ponerlos en un rincón por un periodo de tiempo "time-out", ni cuando se les dice "NO" o se les pega. **Nunca sacuda a su bebé**, esto podría causarle serios daños o incluso provocarle la muerte.

TODDLERS (18 MONTHS - 3 YEARS)
MALA DJECA (18 MJESECI - TRI GODINE)
Начинающие ходить дети (от полутора до трех лет)
NIÑOS QUE EMPIEZAN A CAMINAR (18 MESES - 3 AÑOS)

The following is a list of what to expect children to do between 18 months and 3 years.

Slijedi lista radnji koje treba očekivati od djece u periodu od18 mjeseci do 3 godine.

Ниже приводится список того, что можно ожидать от ребенка в возрасте от полутора до трех лет.

La siguiente es una lista de lo que se debe esperar que los niños hagan entre los 18 meses y 3 años.

18 Months
18 mjeseci
Полуторогодовалый ребенок
18 Meses

____ Likes to pull, push, and dump things
Voli da vuče, gura i baca stvari
Любит тащить, толкать и бросать предметы
Les gusta tirar, empujar y botar cosas

____ Follows simple directions ("Bring the ball")
Slijedi jednostavna uputstva ("Donesi loptu")
Выполняет простые команды ("Принеси мяч")
Siguen direcciones simples ("tráeme la pelota")

____ Helps to get dressed and undressed
Učestvuje u oblačenju i skidanju
Помогает при одевании и раздевании
Ayudan a vestirse y a desvestirse

____ Likes to look at pictures
Voli da gleda slike
Любит рассматривать картинки
Les gusta mirar fotografías o pinturas

____ Uses 8 - 10 words
Koristi 8 - 10 riječi
Использует 8—10 слов
Dicen de 8 a 10 palabras

—— Walks without help
Hoda bez ičije pomoći
Ходит без посторонней помощи
Caminan sin ayuda

—— Climbs stairs on all fours
Penje se uz stepenice na sve četiri
На четвереньках поднимается по лестнице
Suben escaleras usando los brazos y los pies al mismo tiempo

—— Steps off low objects and keeps balance
Može da sidje sa niskih predmeta i održi ravnotežu
Переступает через низкие препятствия и держит равновесие
Pueden bajarse de objetos bajos y mantener el equilibrio

—— Feeds self with spoon
Samo se hrani kašikom
Сам ест ложкой
Comen por si mismos con la cuchara

* See "Toilet Training" later in this book
Vidi "Navikavanje na nošu"
Приучение к пользованию туалетом (см. ниже)
Ver "Proceso para aprender a usar el inodoro" más adelante en este libro

2 Years
2 godine
Ребенок в два года
2 Años

—— Uses two-word phrases
Koristi fraze koje se sastoje od dvije riječi
Говорит предложениями из двух слов
Dicen frases de dos palabras

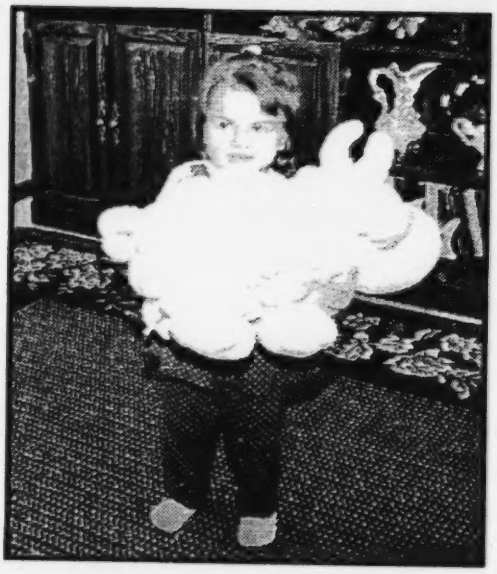

—— Says names of toys or objects
Izgovara imena igračaka ili predmeta
Называет игрушки или предметы
Dicen nombres de juguetes u objetos

—— Points to familiar objects
Pokazuje poznate predmete
Показывает знакомые предметы
Señalan objetos conocidos

—— Copies household activities
Imitira kućne aktivnosti
Подражает действиям взрослых в доме
Imitan las actividades que ven en el hogar

—— Carries a large object while walking
Nosi veliki predmet dok hoda
При ходьбе может нести большой предмет
Cargan un objeto grande mientras están caminando

—— Plays alone for short periods
Igra se samo sa sobom u kratkim vremenskim periodima
Недолго может играть один
Juegan solos por períodos cortos de tiempo

—— Identifies three body parts by pointing
Može da imenuje tri dijela tijela tako što ih pokaže
Может показать и назвать три части тела
Identifican y señalan tres partes del cuerpo

—— Imitates crayon stroke
Imitira poteze krejona
Имитирует движения при рисовании цветным мелом
Inician trazos con lápices de colores

2 1/2 Years
2 1/2 godine
Ребенок в два с половиной года
2 Años y medio

—— Rides a push toy
Uzjaše igračku koja se gura
Катается на игрушках на колесах
Manejan un juguete de empujar

—— Takes off coat
Skida kaput
Снимает пальто или куртку
Se quitan el abrigo o la chaqueta

—— Talks on play telephone
Priča na telefon-igračku
Говорит в игрушечный телефон
Hablan en un teléfono de juguete

—— Places objects into small openings
Stavlja predmete u male otvore
Помещает предметы в маленькие отверстия
Colocan objetos dentro de agujeros pequeños

—— Climbs into an adult chair
Penje se na stolicu za odrasle
Залезает на большой "взрослый" стул
Se suben a una silla para adultos

—— Turns two or three pages at a time
Okreće dvije-tri stranice u isto vrijeme
Перелистывает сразу две или три страницы
Pasan dos o tres páginas al mismo tiempo

—— Opens door
Otvara vrata
Открывает двери
Abren las puertas

Suggested play time ideas
Ideje za vrijeme za igru
Как играть с детьми
Ideas sugeridas para el periodo de juego

18 Months	Let your child watch you do various activities like cooking, vacuuming, cleaning, talk about what you are doing, read books
18 mjeseci	Neka vas dijete gleda kako izvršavate različite radnje kao što su kuhanje, usisavanje, čišćenje, pričajte šta radite, čitajte knjige
Полуторогодов алый ребенок	разрешайте ребенку наблюдать за тем, как вы делаете разные вещи, например, как вы готовите обед, пользуетесь пылесосом, убираете; объясняйте ребенку, что вы делаете; читайте книги
18 Meses	Deje que su hijo lo observe haciendo varias actividades como cocinar, aspirar, limpiar, háblele acerca de lo que usted esta haciendo, learle libros

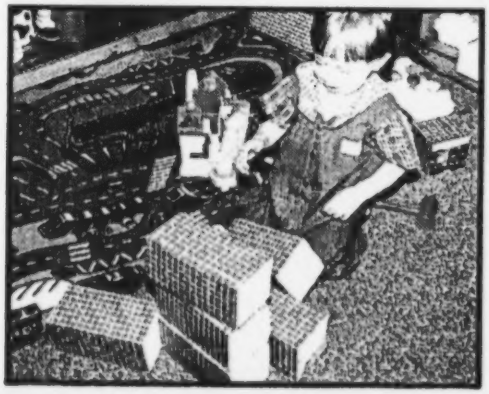

2 Years	Building towers (use building blocks, paper cups, cereal boxes), read books
2 godine	gradnja kula (koristite blokove za gradnju, papirne čaše, kutije od žitarica), čitajte knjige
Двухлетний ребенок	сооружение башен (используйте кубики, бумажные стаканы, коробки из-под корнфлекса), читайте книги
2 Años	Construya torres (use bloques de construcción, tazas de papel, cajas de cereal), learle libros

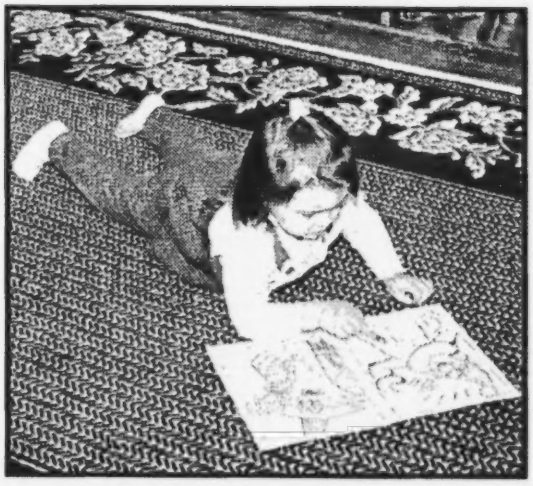

2 - 3 Years	Coloring, reading books
2 - 3 godine	Bojenje, čitanje knjige
2 - 3 года	Раскраски, чтение книг
2 - 3 Años	Colorear, leerles libros

2 1/2 - 3 Years	Child can pour water from a pitcher (use a small pitcher and cup) Play-doh, read books
2 1/2 - 3 godine	Dijete je u stanju da sipa vodu iz bokala (koristite mali bokal i čašu) plastelin, knjige
2,5 - 3 года	Ребенок может налить воды из кувшина (используйте небольшой кувшин и чашку), пластилин, книги.
2 Años y medio - 3 Años	Su hijo puede servir agua desde un jarro (use jarros y tazas pequeñas), plastilina, leale libros

These activities will:
Ove aktivnosti će:
Такая активность направлена на следующее:
Estas actividades servirán para:

* Help your child's eyes and hands work together
  Pomoci pri koordinaciji očiju i ruku djeteta
  На скоординированную работу глаз и рук ребенка
  Ayudar al niño a coordinar el movimiento de ojos y manos

* Help your child learn how to plan and pretend
  Pomoći vašem djtetetu da nauči kako da planira i kako da se pretvara
  Научить ребенка планировать свои действия и воображать себя кем-то
  Ayudar al niño a aprender a planear y a jugar pretendiendo ser alguien diferente

* Help your child learn self control
  Pomoći vašem djetetu da se nauči samokontroli
  научить ребенка самоконтролю
  Ayudar al niño a aprender a tener control de si mismo

* Help your child learn to play by him/herself
  Pomoći vašem djetetu da nauči kako da se igra samo sa sobom
  Научить ребенка играть одному
  Ayudar al niño a aprender a jugar consigo mismo

* Help your child to express feelings
  Pomoći vašem djetetu da ispolji osjećanja
  Научить ребенка выражать свои чувства
  Ayudar al niño a expresar sus sentimientos

* Help your child to get ready for school
  Pomoći vašem djetetu da se pripremi za školu
  Подготовить ребенка к детскому саду/школе
  Ayudar al niño a prepararse para la escuela

Toddlers want to do things for themselves, but still need help and attention from their parents. Toddlers are exploring their environment. Children between 2-3 years of age have the highest activity level they will have in their life. At this time they increase moving skills such as walking, running and climbing. They are also beginning to talk.

Mala djeca vole da rade stvari za sebe, ali im je i dalje potrebna pomoić i pažnja roditelja. Ona vole da istražuju svoju okolinu. Najviši stepen aktivnosti u životu čovjeka postiže sa u periodu izmedju druge i treće godine. U tom periodu djeca sve više koriste kretnje kao što su hodanje, trčanje i penjanje. Takodjer počinju da pričaju.

Начинающие ходить дети любят делать все сами, но они по-прежнему нуждаются во внимании родителей и в помощи. Они постигают окружающий их мир. Самый высокий уровень активности в жизни человека достигается в двух-трехлетнем возрасте. В это время дети увеличивают моторную активность (ходьбу, бег, лазание). Они также начинают разговаривать.

Los niños que empiezan a caminar desean hacer cosas por si mismos, pero todavía necesitan ayuda y atención por parte de sus padres. Ellos son exploradores de su medio ambiente. El nivel de actividad más alta en la vida de una persona es entre los 2 y 3 años. En este tiempo los niños aumentan sus habilidades de movimiento como es el caminar, correr y subir. Ellos también empiezan hablar.

Safety is very important at this developmental level. Remove dangerous objects from your child's environment. Be patient. Have reasonable expectations. When you talk to your child use simple words and short sentences. Routine is important.

Na ovom stepenu razvoja izuzetno je važno da je dijete u sigurnom okruženju. Uklonite opasne stvari iz djetetovog okruženja. Budite strpljivi. Nemojte očekivati previše. Kada se obraćate djetetu, koristite jednostavne riječi i kratke rečenice. Rutina je važna.

На этом этапе роста и развития ребенка обеспечение его безопасности приобретает особую важность. Уберите вокруг ребенка все, что может быть опасным для него. Наберитесь терпения. У вас должны быть разумные ожидания. В разговоре с ребенком используйте простые слова и короткие фразы. Очень важно соблюдать установленный режим.

La seguridad es muy importante en este nivel de desarrollo. Recoja objetos peligrosos del medio ambiente de su hijo. Sea paciente, no espere demasiado de los niños y cuando usted hable con él, use palabras simples y frases cortas. Es importante establecer rutinas.

Some challenging (but normal!) behaviors to expect at this age include:
U ovom periodu normalno je očekivati izvjesne znake izazovnog ponašanja, kao na primjer:
В этом возрасте от ребенка можно ожидать несколько вызывающего и это нормально — поведения, в частности:
Algunos comportamientos desafiantes (pero normales) que se esperan a esta edad son:

* Defiant behavior (Says "NO" when told to do something)
  Prkosno ponašanje (Dijete kaže "Ne" kad mu se nešto naredi)
  Вызывающее поведение (когда его просят что-то сделать, он отвечает: "Нет")
  Comportamiento desafiante o provocador (dicen "NO" cuando se les pide que haga algo)

* Temper tantrums
  Izlijevi bijesa
  Вспышки раздражения
  Rabietas de mal genio

* Will not share or take turns
  Dijete neće nešto da dijeli ili da radi naizmjenično s nekim drugim
  Отказывается поделиться чем-то или делать что-то по очереди
  No compartirán o tomarán turnos

* May insist on having things a certain way
  Insistira da se nešto uradi na njegov način
  Может настаивать на том, чтобы какие-то вещи были сделаны каким-то определенным образом
  Quizás insistirán en tener cosas a su manera

* Will not hold your hand
  Neće da vas drži za ruku
  Отказывается держаться за руку
  No quieren ir de la mano con usted

* Moves slow, will not come when called
  Sporo hoda, neće da vam pridje kad ga pozovete
  Намеренно медленно ходит, не идет, когда его зовут
  Se mueven despacio, no vendrán cuando se les llame

Disciplining Toddlers (18 months - 3 years)
Disciplinske mjere kod male djece (18 mjeseci - tri godine)
Приучение к дисциплине ребенка в возрасте от 18 месяцев до трех лет
Disciplina para niños que empiezan a caminar (18 meses - 3 años)

Toddlers need protective rules. They don't recognize dangers. Toddlers are learning to say **NO.** They are learning what they can and can't do as they become more independent. Toddlers need their parents to remove them from an activity if it is unsafe or inappropriate.

Maloj djeci potrebna su pravila zaštite. Ona ne znaju za opasnost. Mala djeca tek uče da kažu NE. Ona uče šta mogu, a šta ne mogu da rade i tako postaju nezavisniji. Maloj djeci potrebni su roditelji da ih sklone od aktivnosti koje su nesigurne ili neodgovarajuće.

Правила поведения детей в таком возрасте предназначены для того, чтобы их защитить. Они не распознают опасность. Они учатся говорить "нет". Они также начинают узнавать, что можно и чего нельзя делать, когда они становятся более самостоятельными. Им необходимы родители, которые прекратят их деятельность, если это опасно или неуместно.

Los niños que empiezan a caminar necesitan reglas de protección. Ellos no reconocen el peligro. Estos niños están aprendiendo a decir NO. También están aprendiendo a saber que pueden o no pueden hacer, a medida que se hacen más independientes. Estos niños necesitan que sus padres los separen de actividades que sean peligrosas o inapropiadas.

Many undesired behaviors can be eliminated by ignoring them. If your child refuses to do something try distracting your child by introducing another activity. Many parents use a technique called "time-out". A "time-out" is done by removing your child from the situation to a place where he/she can be alone (in a special area or chair) for a short period of time (one minute for each year of age).

Mnoga neželjena ponašanja mogu se uspješno eliminisati tako što ih ignorišete. Ukoliko vaše dijete odbija da nešto uradi. Pokušajte da mu skrenete pažnju na neku drugu aktivnost. Mnogi roditelji koriste tehniku koja se zove "tajm-aut". "Tajm-aut" se sastoji u tome da dijete izdvojite iz situacije i odvedete ga na neko mjesto gdje će biti samo kratak period vremena (minut po godini starosti).

Часто такое нежелательное поведение можно прекратить, просто игнорируя его. Если ребенок отказывается что-то сделать, постарайтесь его отвлечь, заняв его чем-то другим. Многие родители используют прием, который называется "перерыв". Перерыв происходит, когда вы помещаете ребенка на короткое время в такое место, где он может быть один (по минуте на каждый год жизни ребека).

Muchos comportamientos no deseados pueden ser eliminados solamente ignorandolos. Si su hijo rechaza o se niega hacer algo, trate de distraerlo y presentarle otra actividad. Muchos padres usan una técnica llamada tiempo aparte (time-out), esta técnica se realiza removiendo al niño de la situación de conflicto y llevarlo a un lugar donde él o ella pueda estar solo(a) (en una área especial o silla) por un periodo corto de tiempo (un minuto por cada año de vida).

PRESCHOOLERS (3 - 5 YEARS)
PREDŠKOLSKA DJECA (3 - 5 GODINA)
Дети дошкольного возраста (от трех до 5 лет)
Pre-escolares (3 - 5 años)

The following is a list of what to expect children to do between ages 3 and 5 years.

Slijedi lista radnji koje treba očekivati od djece u periodu od 3 - 5 godina.

Ниже приводится список того, что можно ожидать от ребенка в возрасте от трех до пяти лет.

La siguiente es una lista de lo que se espera que los niños hagan entre las edades de 3 y 5 años.

3 - 4 Years
3 - 4 godina
В возрасте от трех до четырех лет
3 - 4 años

—— Puts on shoes
Obuva cipele
Обувается
Se colocan sus zapatos

—— Turns one page at a time
Okreće jednu po jednu stranicu
Перелистывает книгу по одной странице
Pasan página por página

—— Walks up stairs holding hand rail
Penje se uz stepenice držeći se za ogradu
Поднимается по лестнице, держась рукой за перила
Suben las escaleras agarrandosen del pasamanos o barandal

—— Enjoys interacting with other children
Uēiva u društvu druge djece
Любит общество других детей
Se divierten interactuando con otros niños

—— Attempts to repeat common phrases
Pokušava da ponovi uobičajene fraze
Пытается повторять известные фразы
Intentan repetir frases comunes

—— Pulls up pants
Podiže pantalone
Надевает штаны
Se suben los pantalones

5 Years
5 godina
В пятилетнем возрасте
5 años

—— Skips smoothly
Skače bez spoticanja
Хорошо прыгает через скакалку
Saben saltar

—— Can stand on one foot for at least five seconds
Može stajati na jednoj nozi najmanje pet sekundi
Может простоять на одной ноге в течение по меньшей мере пять секунд
Se pueden parar en un solo pie por lo menos durante 5 segundos

—— Can dress and undress, tie shoes, and comb hair mostly without help
Zna da se obuče i svuče, zaveže cipele, očešlja se, uglavnom bez tudje pomoći
В основном без посторонней помощи может одеться и раздеться, завязать шнурки и причесаться
Se pueden vestir y desvestir, se amarran los zapatos y se peinan casi sin ayuda

—— Can tell you what words mean, like hat, ball, lake or orange
Zna da kaže šta izvjesne riječi znače, kao npr. kapa, lopta, jezero ili narandža
Может объяснить значение слов, таких как шапка, мяч, озеро или апельсин
Pueden decirle a usted que significan las palabras como: Sombrero, pelota, lago o naranja

—— Will ask "why" questions, and ask you what words mean
Postavlja pitanje "zašto" i pita vas šta riječi znače
Спрашивает "почему?" и просит разъяснить значения слов
Harán preguntas utilizando el "por que" y preguntarán que significa diferentes palabras

Suggested play time ideas
Ideje za vrijeme za igru
Как играть с детьми
Ideas sugeridas para el periodo de juego

3 years	Stringing Cheerios or Macaroni, matching jars and lids, reading books
3 godine	Nizanje prstenastih žitarica (Cheerios) ili makarona, nalaženje odgovarajućeg poklopca za teglicu, čitanje knjige
3 года	Нанизывать на нитку корнфлекс "Cheerios" или макароны, подбирать по цвету крышки к банкам, читать детям книги
3 años	Ensartar cheerios (cereal) o macarrones en una cuerda, hacer un juego encontrando la tapa correspondiente al tamaño del frasco, leerle libros

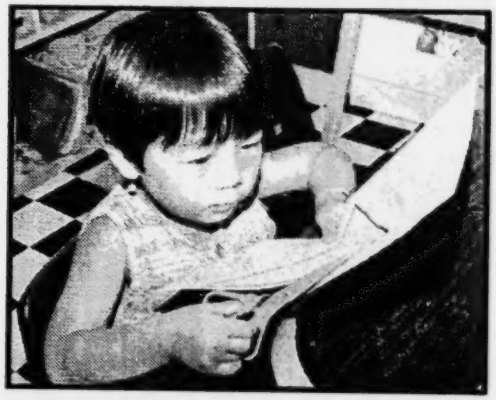

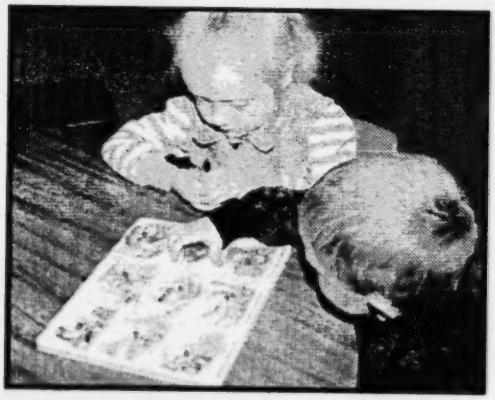

3 - 5 years	Cutting with safety scissors, simple puzzles, dressing and undressing (use large clothing with large buttons), reading books
3 - 5 godina	Rezanje koristeći bezopasne makaze, jednostavne slagalice, oblačenje i svlačenje (koristite veliku odjeću sa velikim dugmadima), čitanje knjige
В возрасте от трех до пяти лет	вырезание безопасными ножницами, простые загадки, надевание одежды и раздевание (используйте одежду большого размера с большими пуговицами), чтение детям книг
3 - 5 años	Cortar con tijeras que sean seguras para su edad, hacer rompecabezas simples, vestirse y desvestirse (usar ropa grande y con botones también grandes), leerle libros

These activities will:
Ove će aktivnosti:
Такая активность направлена на следующее:
Estas actividades servirán para:

* Help child's eyes and hands work together
  Pomoci pri koordinaciji očiju i ruku djeteta
  На скоординированную работу глаз и рук ребенка
  Ayudar al niño a coordinar los movimientos de mano y ojo

* Help child get ready for school
  Pomoći da se dijete pripremi za školu
  Помочь ребенку подготовиться к детскому саду/школе
  Ayudar al niño a estar listo para la escuela

* Help build strong hand muscles
  Pomoći razvitku mišića šake
  Развить мышцы рук
  Ayudar al niño a fortalecer los músculos de la mano

* Help child learn to help him/herself
  Pomoći da dijete nauči da samo sebi pomogne
  Ребенок учится рассчитывать на себя
  Ayudar al niño aprender a valerse por si mismo

* Help child see differences
  Pomoći da dijete nauči da vidi razliku
  Ребенок учится видеть разницу
  Ayudar al niño a observar diferencias

* Help child learn to pay attention and problem solve
  Pomoći da dijete nauči da bude pažljivo i riješava probleme
  Ребенок учится вниманию и решению заданий
  Ayudar al niño aprender a prestar atención y resolver problemas

Disciplining Pre-schoolers (3 - 5 years)
Disciplinske mjere kod predškolske djece (3 - 5 godina)
Приучение ребенка дошкольного возраста к дисциплине (от трех до пяти лет)
Disciplina para pre-escolares (3 - 5 años)

Preschoolers can be given clear simple rules and the consequences for breaking them. It is natural for preschoolers to think their needs come first. It is important for adults to react consistently to their child's inappropriate behavior. Discipline is an important part of parenting.

Predškolskoj djeci treba postaviti jasna i jednostavna pravila i posljedice njihovog kršenja. Prirodno je da predškolska djeca smatraju da njihove potrebe dolaze na prvo mjesto. Važno je da odrasli reaguju postojano kad se njihovo dijete ne ponaša kako oni žele. Disciplinske mjere od velike su važnosti za podizanje djeteta.

Детей дошкольного возраста можно ознакомить с простыми и четко сформулированными правилами поведения и объяснить последствия их нарушения. Для детей дошкольного возраста естественно думать, что их нужды будут удовлетворены в первую очередь. Важно, чтобы взрослые вели себя последовательно, если ребенок ведет себя неподобающим образом. Дисциплина является важным элементом воспитания детей.

A los niños pre-escolares se les pueden dar reglas simples y claras, con las debidas consecuencias si las rompen. Es natural para ellos pensar que sus necesidades son las más importantes. Los adultos deben reaccionar consistentemente en cada comportamiento inapropiado de los niños. La disciplina es una parte importante del papel de ser padres.

Toilet Training
Navikavanje na nošu
Приучение к пользованию туалетом
Aprender a usar el inodoro

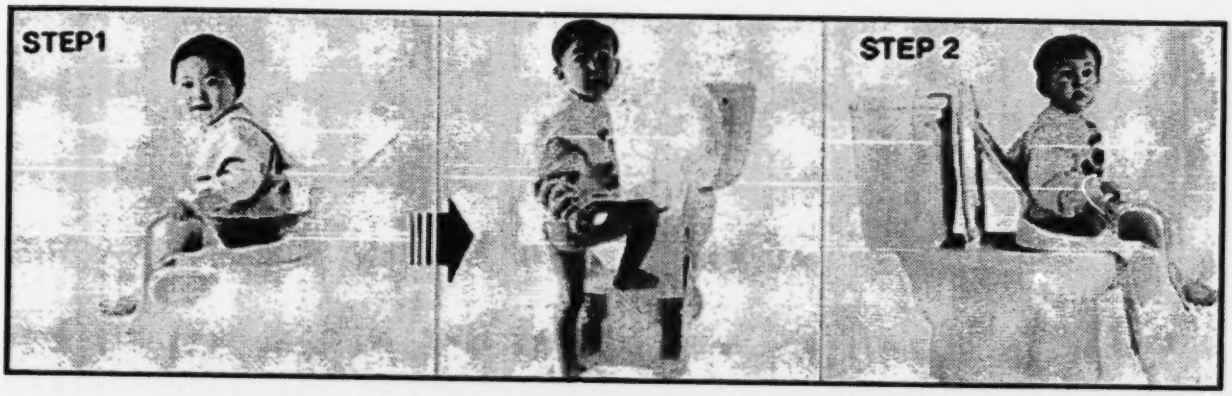

It is important to wait until your child shows definite signs of readiness before you begin toilet training. A child is usually not yet physically and mentally mature until 2 1/2 to 4 years old. Trying to toilet train your child before he/she is ready will be frustrating for both of you.

Važno je da sačekate da vaše dijete pokaže sigurne znake da je spremno za navikavanje na nošu. Dijete obično nije fizički I mentalno zrelo do svoje 2 1/2 do 4 godine. Pokušaj da svoje dijete naviknete na nošu prije no što je ono spremno za to dovešce do obostrane frustracije.

До того, как начать приучать ребенка к пользованию туалетом, следует подождать, пока у ребенка не начнут проявляться признаки того, что он готов. Обычно ребенок до двух с половиной — четырех лет еще физически и психически готов к этому. Начать учить ребенка пользоваться туалетом до того, как он готов, будет раздражать и вас, и ребенка.

Es importante esperar hasta que el niño muestre signos de estar preparado antes de empezar a enseñarle a usar el inodoro. Los niños de 2 años y medio a 4 años de edad, están generalmente física y mentalmente maduros. Intentar enseñarle al niño el usar el inodoro antes que el o ella estén listos, pueden causar frustración tanto en los padres como en ellos mismos.

Signs of readiness:
Pokazatelji da je dijete spremno:
Признаки того, что ребенок готов:
Señales que indican que están listos para aprender:

* Fewer and more regular bowel movements
  Manje učestala i redovnija stolica
  Реже и более регулярно происходит дефекация
  Las defecaciones son regulares y poco frecuentes

* Stays dry for 2 to 3 hours
  Dijete se ne umokri po 2 - 3 sata
  Ребенок не мочится в течение 2—3 часов
  Se mantienen secos por 2 o 3 horas

* Makes facial expressions and sounds indicating they were urinating or having a bowel movement in diaper
  Pravi grimase i zvukove koji ukazuju da dijete mokri ili kaki u pelene
  Показывает звуками или выражение лица, что пора менять пеленку (помочился или опорожнил желудок)
  Realizan expresiones faciales y sonidos indicando si orinaron o hicieron caca en el pañal

* Stops what they are doing to relieve him/herself (in diaper in private)
  Prekida sa onim što radi da bi se ispraznilo (u pelene nasamo)
  Прекращает свое занятие, чтобы облегчиться (делает в пеленку, но приватно)
  Dejan lo que están haciendo para que lo cambien de pañal

* Lets you know he/she has relieved him/herself
  Kaže vam da se ispraznilo
  Говорит вам о том, что пеленка грязная
  Demuestran que se sienten mejor o más cómodos

* Expresses concern for cleanliness and orderliness
  Ispoljava brigu za čistoću i red
  Выражает желание быть чистым и аккуратным
  Expresan preocupación por la limpieza y el orden

* Copies you or other family members in bathroom
  Imitira vas ili druge članove porodice u kupatilu
  Подражает действию вас или других членов семьи в туалете
  Lo imitan a usted o a otro miembro de la familia en el baño

If you need advise on toilet training consult your health care provider or contact your local health department for additional information.

Ukoliko su vam potrebni savjeti o tome kako da dijete naviknete na nošu, konsultujte se sa medicinskim licem, ili kontaktirajte lokalnu medicinsku ustanovu za dodatne informacije.

Если вам нужен совет о том, как приучать ребенка к пользованию туалетом, то поговорите об этом со своим врачом или другим медработнику, вы также можете получить дополнительную информацию, обратившись в местный отдел здравоохранения.

Si usted necesita consejos sobre como entrenar al niño a usar el inodoro, consulte con su proveedor del servicio de salud o contacte a su departamento de salud para más información.

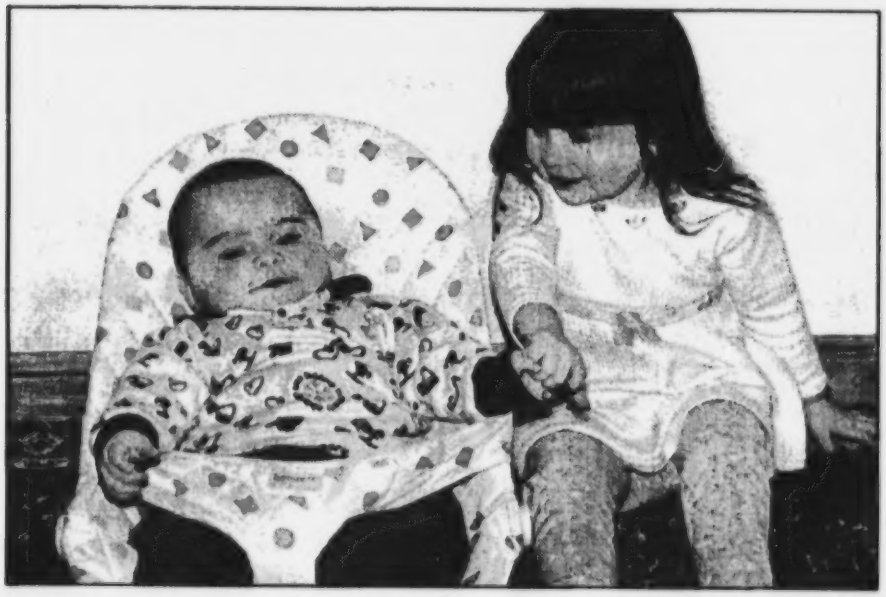

We hope that this information will help you to understand more about child growth and development. Remember your baby is an individual and will go through these stages of development at their own rate. If you have any concerns or questions regarding your baby's development, consult your health care provider.

Nadamo se da će vam ove informacije pomoći da više razumijete o rastu i razvoju djeteta. Ne zaboravite da je vaše dijete posebna ličnost i da će kroz ove stadije ići svojim vlastitim tempom. Ukoliko ste zabrinuti ili imate pitanja o razvoju svoje bebe, konsultujte se sa medicinskim licem.

Мы надееся, что эта информация поможет вам лучше понять процесс роста и развития ребенка. Помните, что у вашего ребенка есть своя индивидуальность, и он пройдет все эти этапы развития в своем темпе. Если вас есть вопросы, связанные с развитием вашего ребенка, или вас что-то беспокоит, то вы должны обратиться к врачу или другому медицинскому работнику.

Nosotros esperamos que esta información le ayude a usted a entender más acerca del desarrollo y crecimiento de los niños. Recuerde que su bebé es una persona particular y pasará por estas etapas de desarrollo a su propio ritmo. Si usted tiene cualquier preocupación o pregunta respecto al desarrollo de su bebé, consulte con su proveedor del servicio de salud.

Developed in Partnership
With
Allina Health System
and
Multi-Cultural Educational Services

Funded By
Minnesota Department of Children,
Families and Learning

Multi-Cultural Educational Services
832 104th Lane NW
Coon Rapids, MN 55433
(763) 767-7786

BEST COPY AVAILABLE

U.S. Department of Education
Office of Educational Research and Improvement (OERI)
National Library of Education (NLE)
Educational Resources Information Center (ERIC)

NOTICE

Reproduction Basis

[X] This document is covered by a signed "Reproduction Release (Blanket)" form (on file within the ERIC system), encompassing all or classes of documents from its source organization and, therefore, does not require a "Specific Document" Release form.

[ ] This document is Federally-funded, or carries its own permission to reproduce, or is otherwise in the public domain and, therefore, may be reproduced by ERIC without a signed Reproduction Release form (either "Specific Document" or "Blanket").